

BẢNG TỔNG HỢP Ý KIẾN GÓP Ý
DỰ THẢO 2 NGHỊ ĐỊNH THAY THẾ NGHỊ ĐỊNH 22/2018/NĐ-CP

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-BVHTTDL ngày tháng năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

Tổng số ý kiến góp ý nhận được: **121**, ý kiến nhất trí/cơ bản nhất trí với dự thảo: **91**, có ý kiến khác: **42**

Trong đó:

- Các Bộ, ban, ngành: **11**, ý kiến nhất trí/cơ bản nhất trí với dự thảo: **4**, có ý kiến khác: **8**
- Các Hội, Hiệp hội liên quan: **5**, ý kiến nhất trí/cơ bản nhất trí với dự thảo: **2**, có ý kiến khác: **4**
- Các đơn vị thuộc Bộ VHTTDL: **22**, ý kiến nhất trí/cơ bản nhất trí với dự thảo: **18**, có ý kiến khác: **7**
- Các Sở VHTTDL/VHTT/VHTTTTDL: **48**, ý kiến nhất trí/cơ bản nhất trí với dự thảo: **47**, có ý kiến khác: **6**
- Các tổ chức phát sóng: **25**, ý kiến nhất trí/cơ bản nhất trí với dự thảo: **19**, có ý kiến khác: **8**
- Thư viện, nhà xuất bản: **2**, ý kiến nhất trí với dự thảo: **1**, có ý kiến khác: **1**
- Doanh nghiệp: **3**
- Công ty luật, tổ chức nghiên cứu, chuyên gia: **3**
- Tổ chức quốc tế: **2**

I. Ý KIẾN GÓP Ý CHUNG CHO HỒ SƠ NGHỊ ĐỊNH

MỤC GÓP Ý	Ý KIẾN GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
TP HỒ SƠ NGHỊ ĐỊNH	<p>Bộ Ngoại giao:</p> <ul style="list-style-type: none">- Phù hợp với quy định khoản 2 Điều 92 và Điều 93 Luật BHVBQPPL, đề nghị Quý Bộ lưu ý sớm xây dựng, bổ sung vào hồ sơ Báo cáo rà soát văn bản QPPL có liên quan và Báo cáo Đánh giá tác động chính sách. Ngoài ra, nhằm tạo thuận lợi cho góp ý Nghị định có nhiều nội dung mang tính chuyên ngành cao, đề nghị Quý Bộ cân nhắc xây dựng Bảng thuyết minh.- Nhằm phục vụ công tác thẩm định, đề nghị cân nhắc rà soát, cung cấp thêm thông tin về tính tương thích với các ĐUQT có liên quan mà Việt Nam là thành viên như Công ước Berne, Công ước Rome, Hiệp định TRIPS, Hiệp định CPTPP, Hiệp định	<p>Tiếp thu ý kiến Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp, Vụ Pháp chế, Cục Điện ảnh:</p> <p>Quyết định 917/QĐ-TTg quy định Nghị định được áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn. Do đó, xin tiếp thu đảm bảo thành phần hồ sơ theo quy định tại Điều 148, 149 Luật BHVBQPPL, đồng thời</p>

	<p>EVFTA...</p> <p>Bộ Tư pháp:</p> <p>- Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát kỹ lưỡng các quy định tại dự thảo Nghị định đề xử lý các bất cập, vướng mắc trong thực tiễn thi hành trong thời gian qua. Đồng thời, đề nghị xây dựng bảng so sánh các quy định của dự thảo Nghị định với các quy định pháp luật hiện hành, lý do sửa đổi, bổ sung để cơ quan có thẩm quyền có đầy đủ cơ sở để xem xét, quyết định.</p> <p>- Cơ quan chủ trì soạn thảo cần rà soát, đánh giá sự tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan mà nước CHXHCN Việt Nam là thành viên, như Hiệp định CPTPP, Hiệp định EVFTA...; nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế đối với một số vấn đề mới, như: thu, phân chia tiền bản quyền; biện pháp công nghệ bảo vệ quyền; trách nhiệm của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian...; xây dựng báo cáo kinh nghiệm quốc tế về các vấn đề này, để từ đó có hướng xử lý phù hợp, khả thi.</p> <p>Vụ Pháp chế - BVHTTDL: Nghị định được xây dựng, ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn. Hồ sơ dự thảo Nghị định được thực hiện theo quy định tại Điều 148, Điều 149 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Tuy nhiên, để đảm bảo tính thống nhất của hệ thống pháp luật, trong quá trình xây dựng, cơ quan chủ trì soạn thảo cần nghiên cứu, rà soát với các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan. Tại dự thảo có các quy định cụ thể các chính sách được giao trong luật, có các thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, ban hành mới, do vậy, cần nghiên cứu kỹ để đảm bảo tính khả thi, phù hợp với chủ trương chung của Đảng và Nhà nước về cải cách hành chính, trong đó có thủ tục hành chính.</p> <p>Cục Điện ảnh - BVHTTDL: Theo quy định tại Quyết định 917/QĐ-TTg ngày 01/8/2022, Nghị định được cho phép áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn. Theo quy định tại Điều 148, Điều 149 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, hồ sơ gửi kèm theo Tờ trình không cần <i>Báo cáo rà soát văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Nghị định; Bản sao ý kiến góp ý của các Bộ, ngành; Báo cáo đánh giá tác động của Chính sách đối với dự thảo Nghị định.</i></p>	<p>bổ sung Bảng thuyết minh các nội dung sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Nghị định, trong đó có rà soát với quy định pháp luật hiện hành, rà soát, đánh giá nội dung dự thảo với các điều ước quốc tế có liên quan; Báo cáo đánh giá thủ tục hành chính; Báo cáo về kinh nghiệm quốc tế một số nội dung mới trong dự thảo Nghị định.</p>
<p>DỰ THẢO TỜ TRÌNH</p>	<p>Vụ Pháp chế - BVHTTDL:</p> <p>- Phân quá trình xây dựng dự thảo Nghị định chỉ đưa những nội dung đã thực hiện, bỏ việc đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ và Cổng thông tin điện tử của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Lưu ý tên gọi Phòng Thương mại và Công nghiệp</p>	<p>Tiếp thu ý kiến Vụ Pháp chế, Cục HTQT:</p> <p>Chính lý lại dự thảo Tờ trình.</p>

	<p>Việt Nam.</p> <p>- Phần nội dung cơ bản: Đây là Nghị định mới, thay thế Nghị định số 22/2018/NĐ-CP ngày 23/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2009 về quyền tác giả, quyền liên quan. Do vậy, cần đưa ra nội dung cơ bản của Nghị định, trên cơ sở đối chiếu, so sánh với Nghị định số 22/2018/NĐ-CP. Phần nội dung cơ bản tại Tờ trình đang xây dựng theo hướng đưa ra các nội dung sửa đổi, bổ sung so với Nghị định 22/2018/NĐ-CP là không phù hợp.</p> <p>- Phần quy định quản lý nhà nước và bảo vệ quyền tác giả, quyền liên quan thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 105/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ, Nghị định số 119/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2006/NĐ-CP được đưa vào dự thảo Nghị định này cần nghiên cứu, cân nhắc vì theo Quyết định số 917/QĐ-TTg, Bộ Khoa học và Công nghệ được Thủ tướng Chính phủ phân công xây dựng Nghị định thay thế 02 Nghị định trên. Do đó, đề nghị đưa vào mục “Những vấn đề cần xin ý kiến”.</p> <p>- Phần quy định tại dự thảo có các phương án khác nhau cần đưa vào “Những vấn đề cần xin ý kiến”.</p> <p>Cục HTQT - BVHTTDL:</p> <p>- Theo Quyết định số 917/QĐ-TTg, việc xây dựng Dự thảo Nghị định được chấp thuận thực hiện theo trình tự, thủ tục rút gọn, nhưng phải bảo đảm lấy ý kiến của các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản.</p> <p>Tuy nhiên, Dự thảo Tờ trình Chính phủ do Cục Bản quyền tác giả xây dựng chưa thể hiện nội dung này, đề nghị bổ sung, cập nhật, nhấn mạnh tính thời sự, sự cần thiết ban hành Nghị định để triển khai thực hiện theo trình tự, thủ tục rút gọn.</p> <p>- mục II.2 - Quan điểm chỉ đạo: đề nghị bổ sung nội dung: “Tiếp tục thể chế hóa, nội luật hóa các cam kết quốc tế mà Việt Nam đã ký kết, tham gia”.</p>	
<p>DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH</p>	<p>Bộ Ngoại giao:</p> <p>Sơ bộ, nhận thấy việc quy định về biểu mức tiền bản quyền tại Phụ lục I, II cần phù hợp với các bước của “phép thứ 3 bước” quy định tại Điều 9 Công ước Berne, khoản 2 Điều 26 và khoản 2 Điều 33 Luật SHTT. Do đó, đề nghị làm rõ hơn cơ sở xác định</p>	<p>Tiếp thu, giải trình ý kiến Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ, Vụ Pháp chế:</p> <p>- Sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Tờ</p>

mức tiền bản quyền như được ấn định tại các Phụ lục nêu trên và mức độ phù hợp của các mức tiền này với quy định của Công ước.

Bộ Tư pháp:

- Đề đảm bảo phù hợp với quy định về xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, đề nghị Quý Bộ rà soát tổng thể dự thảo Nghị định để xác định rõ nội dung nào là “quy định biện pháp cụ thể để tổ chức thi hành luật” (tức “hướng dẫn thi hành” ngoài các nội dung quy định chi tiết Luật Sở hữu trí tuệ) để thực hiện việc: (i) lập đề nghị xây dựng nghị định về các nội dung này của dự thảo Nghị định theo quy định tại Điều 84 đến Điều 89; và (ii) xây dựng dự thảo Nghị định theo quy định tại Điều 90 đến Điều 96 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đối với các nội dung hướng dẫn thi hành này.

- Về tính thống nhất, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rà soát dự thảo Nghị định với: (i) dự thảo Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ; và (ii) dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về quyền đối với giống cây trồng để đảm bảo sự thống nhất, tránh trùng lặp, mâu thuẫn.

- Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát kỹ lưỡng để đảm bảo mỗi một TTHC được quy định tại dự thảo Nghị định đảm bảo đủ cấu thành (8 nội dung) được quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 48/2013/NĐ-CP, Nghị định số 92/2017/NĐ-CP).

- Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, chỉnh lý về ngôn ngữ và kỹ thuật soạn thảo văn bản của dự thảo Nghị định cho phù hợp với quy định tại Chương V Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ). Ví dụ: đề nghị bổ sung Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14 tháng 6 năm 2019 tại phần căn cứ ban hành Nghị định (và chỉnh lý tên gọi dự thảo Nghị định cho chính xác). Một số thuật ngữ tại dự thảo Nghị định cần được hoàn thiện để đảm bảo yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều 8 Luật Ban hành văn

trình: Về quy định chi tiết theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật SHTT năm 2022 về quyền tác giả, quyền liên quan giao Chính phủ quy định chi tiết tại các khoản 7, 9, 12, 14, 16, 18 và 77 Điều 1 (trương ứng tại các điều 25, 25a, 26, 32, 33, 42, 43, 44a, 49, 55, 56 và 198b của Luật Sở hữu trí tuệ)

Luật SHTT năm 2005 về quyền tác giả, quyền liên quan giao Chính phủ quy định chi tiết tại các điều 14, 24, 26, 33, 42, 43, 201 và 222 quy định “*Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật này*”.

- Tại Công văn số 4281/BVHTTDL-BQTG của Bộ VHTTDL đã nêu rõ đối với nội dung riêng biệt, đặc thù về bảo vệ quyền tác giả, quyền liên quan, đề nghị thống nhất quy định tại một văn bản quy phạm pháp luật là Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật SHTT về quyền tác giả, quyền liên quan, tránh trùng lặp, chồng chéo và tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân hiểu và thực hiện pháp luật.

bản quy phạm pháp luật “*Ngôn ngữ sử dụng trong văn bản quy phạm pháp luật phải chính xác, phổ thông, cách diễn đạt phải rõ ràng, dễ hiểu*”.

- Đề nghị sử dụng cụm từ “văn bản ủy quyền” (để bao quát trường hợp ủy quyền là hành vi pháp lý đơn phương và hợp đồng ủy quyền theo quy định của BLDS) thay cho các cụm từ “giấy ủy quyền” tại dự thảo Nghị định.

Bộ Nội vụ: nội dung một số điều, khoản, điểm của dự thảo quy định còn chưa rõ và chưa cụ thể theo quy định của văn bản pháp luật nào (ví dụ: điểm a khoản 4 Điều 40, điểm a khoản 3 Điều 41, điểm a khoản 3 Điều 42...). Vì vậy, đề nghị rà soát dẫn chiếu cụ thể tên văn bản pháp luật, tránh cách hiểu không thống nhất, bảo đảm tính công khai, minh bạch, thuận lợi trong tổ chức thực hiện.

Vụ Pháp chế - BVHTTDL:

Các quy định về thủ tục hành chính cần được rà soát và quy định cụ thể, đảm bảo rõ ràng, công khai, minh bạch, theo quy định của pháp luật về kiểm soát thủ tục hành chính.

Về thể thức, kỹ thuật trình bày dự thảo Nghị định

- Cần nhắc chia thành các mục, tiểu mục tại các chương có nhiều nội dung quy định khác nhau và sắp xếp thứ tự các điều có nội dung cùng điều chỉnh một nhóm vấn đề liên kế nhau.

Ví dụ như Chương 2 có thể chia thành các mục: Mục 1 về quyền tác giả, với các điều từ Điều 6 đến Điều 16, Điều 19, Điều 20. Tại mục này đổi điều 13 lên trước Điều 12 để phù hợp với kết cấu của Luật. Mục 2 về quyền liên quan với các Điều 18, 22. Mục 3 về chuyển quyền sử dụng quyền tác giả, quyền liên quan và sử dụng tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng trong một số trường hợp cụ thể bao gồm các Điều 21, 23, 24, 25. Điều 17 về quyền lợi vật chất khác có nội dung giải thích khái niệm, quy định cụ thể tại các điều khác nhau, cả ở phần quyền tác giả, quyền liên quan, do vậy, có thể cần nhắc đưa lên Điều 3 về giải thích từ ngữ.

Ví dụ như Chương 3 có thể chia thành các mục: Mục 1 về ngoại lệ không xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan với các tiểu mục (Tiểu mục 1 về ngoại lệ không xâm phạm quyền tác giả với các Điều 26, 27, 28, 29, 30,31. Tiểu mục 2 về ngoại lệ không xâm phạm quyền liên quan với các Điều 32, 33, 34). Mục 2 về giới hạn quyền tác giả, quyền liên quan với các Điều 35, 36, 37,38.

- Rà soát và chỉnh lý lại các quy định của dự thảo Nghị định về thủ tục hành chính, theo quy định của pháp luật về kiểm soát thủ tục hành chính.

- Bổ sung nội dung báo cáo về việc xây dựng biểu mức tiền bản quyền tại Tờ trình và Báo cáo kinh nghiệm quốc tế.

- Rà soát, chỉnh lý về thể thức, ngôn ngữ, kỹ thuật văn bản, sắp xếp các điều, khoản..., bổ sung các Mục trong Chương, dẫn chiếu văn bản...

- Rà soát tại toàn bộ dự thảo Nghị định, sử dụng thống nhất cụm từ “văn bản ủy quyền” thay cho cụm từ “giấy ủy quyền”.

- Về điểm a khoản 4 Điều 40, điểm a khoản 3 Điều 41, điểm a khoản 3 Điều 42 quy định đoạn “*nộp ... phí, lệ phí theo quy định của pháp luật*”: việc nộp phí, lệ phí đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan thực hiện theo quy định của Luật Phí, lệ phí, Luật Sở hữu trí tuệ, dự thảo Nghị định này, Thông tư số 211/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính.

- Về khoản 1 Điều 16, các khoản 1, 2 và 3 Điều 18 và Điều 19: xin

<p>Ví dụ như Chương VI có thể chia thành các mục: Mục 1 về tự bảo vệ quyền tác giả, quyền liên quan. Mục 2 về các tranh chấp quyền tác giả, quyền liên quan, xác định hành vi xâm phạm, xác định thiệt hại. Mục 3 về giám định quyền tác giả, quyền liên quan. Mục 4 về trách nhiệm của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian. Tại Chương này, các điều cũng cần được sắp xếp và lược bỏ những quy định chung, giữ lại những quy định đặc thù liên quan đến quyền tác giả, quyền liên quan.</p> <p>- Về dẫn chiếu văn bản: Hiện nay, Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 đã được sửa đổi, bổ sung rất nhiều lần. Dự thảo mới chỉ thống nhất về tên gọi của Luật tại Điều 1, tuy nhiên, chưa thống nhất cách gọi điều, khoản, điểm nên dẫn đến sự không chính xác, thống nhất trong dẫn chiếu văn bản.</p> <p>Ví dụ như quyền biểu diễn tác phẩm trước công chúng tại điểm b khoản 1 Điều 20 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 được sửa đổi thành quyền biểu diễn tác phẩm trước công chúng trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các bản ghi âm, ghi hình hoặc bất kỳ phương tiện kỹ thuật nào tại địa điểm mà công chúng có thể tiếp cận được nhưng công chúng không thể tự do lựa chọn thời gian và từng phần tác phẩm tại khoản 5 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2022. Như vậy, nếu dẫn chiếu đến điểm b khoản 1 Điều 20 Luật Sở hữu trí tuệ nhưng với tên gọi là quyền biểu diễn tác phẩm trước công chúng là không phù hợp.</p> <p>- Một số thủ tục hành chính chưa được kết cấu theo đúng theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ.</p> <p>Ví dụ như thủ tục chấp thuận việc khai thác, sử dụng quyền dịch các tác phẩm từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt để giảng dạy, nghiên cứu, không nhằm mục đích thương mại (Điều 37); thủ tục chấp thuận việc khai thác, sử dụng quyền sao chép để giảng dạy, nghiên cứu không nhằm mục đích thương mại (Điều 38).</p> <p>- Một số quy định diễn đạt khó hiểu, không có nội dung mới so với quy định tại Luật Sở hữu trí tuệ cần được rà soát, chỉnh sửa</p> <p>Ví dụ như khoản 1 Điều 16 dự thảo khó hiểu.</p> <p>Ví dụ như khoản 1, 2, 3 Điều 18 dự thảo nhắc lại quy định về việc chủ sở hữu độc quyền hoặc cho phép người khác thực hiện. Tuy nhiên, tại khoản 2 Điều 20 Luật Sở hữu trí tuệ đã khẳng định, tất cả các quyền tài sản đều do tác giả, chủ sở hữu quyền</p>	<p>được tiếp thu, giải trình tại các quy định cụ thể nêu trên.</p>
---	--

tác giả độc quyền hoặc cho người khác thực hiện. Do vậy, không cần nhắc lại quy định này tại các quy định về các quyền cụ thể. Ví dụ như cách diễn đạt như Điều 19 mâu thuẫn nhau.	
---	--

II. Ý KIẾN GÓP Ý CHO DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

DỰ THẢO 2 NGHỊ ĐỊNH THAY THẾ 22/2018/NĐ-CP	Ý KIẾN GÓP Ý	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Tên Nghị định	Học viện Chính trị Quốc gia HCM: Tên của Nghị định quá dài. Cơ quan soạn thảo nghiên cứu cách gọi tên ngắn gọn, đủ ý của Nghị định. Bộ Giáo dục và Đào tạo: đề nghị cân nhắc và thống nhất với Bộ KHCN tên của Nghị định theo lĩnh vực được phân công.	Tiếp thu ý kiến Học viện Chính trị Quốc gia HCM, Bộ Giáo dục và Đào tạo: sửa lại tên dự thảo Nghị định như quy định tại Quyết định số 917/QĐ-TTg ngày 01/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ.
Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG		
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh		
Nghị định này quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật sở hữu trí tuệ năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật sở hữu trí tuệ năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2022 (sau đây gọi chung là Luật sở hữu trí tuệ) về quyền tác giả, quyền liên quan.	Bộ Tư pháp: đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, loại bỏ các nội dung không được Luật Sở hữu trí tuệ, (gồm: Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 (Luật số 50/2005/QH11), được sửa đổi, bổ sung năm 2009 (Luật số 36/2009/QH12), năm 2019 (Luật số 42/2019/QH14) và năm 2022 (Luật số 07/2022/QH15)) giao quy định chi tiết ra khỏi dự thảo Nghị định. Trường hợp cần hướng dẫn thi hành Luật Sở hữu trí tuệ (trong phạm vi thẩm quyền của Chính phủ), đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nội dung nào trong dự thảo Nghị định là hướng dẫn thi hành (quy định biện pháp cụ thể để tổ chức thi hành luật) để thực hiện theo thủ tục 2 bước (lập đề nghị xây dựng nghị định và sau khi đề nghị đó được thông qua thì mới tiến hành xây dựng nghị định).	Tiếp thu ý kiến Bộ Tư pháp, Bộ Giáo dục và Đào tạo: Rà soát lại các nội dung được Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005, sửa đổi, bổ sung năm 2009, 2019 và 2022 giao quy định chi tiết và thể hiện, sắp xếp lại tại dự thảo Nghị định cũng như trình bày cụ thể các nội dung giao quy định chi tiết tại dự thảo Tờ trình.

	Bộ Giáo dục và Đào tạo: đề nghị cân nhắc làm rõ các nội dung chính cần điều chỉnh, bổ sung.	
Điều 3. Giải thích từ ngữ		
Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:		
3. Định hình là sự biểu hiện bằng chữ viết, các ký tự khác, đường nét, hình khối, bố cục, màu sắc, âm thanh, hình ảnh hoặc sự tái hiện âm thanh, hình ảnh dưới dạng vật chất nhất định để từ đó có thể nhận biết, sao chép hoặc truyền đạt.	<p>Liên đoàn Công nghiệp Ghi âm quốc tế (IFPI): Một số định nghĩa trong Điều 3 trong dự thảo Nghị định khác với các định nghĩa được quy định trong hiệp ước quốc tế về quyền liên quan và quyền tác giả.</p> <p>Trong một số trường hợp, các đối tượng khác nhau được bao gồm trong cùng một định nghĩa, chẳng hạn như: định nghĩa chung cho bản ghi âm, ghi hình; định nghĩa bản sao của bản ghi âm, ghi hình; hoặc phát hành bản định hình, buổi biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình. Trái lại, các điều ước quốc tế thường có các định nghĩa riêng cho từng đối tượng. Nói cách khác, định nghĩa trong quy định của dự thảo Nghị định (ví dụ: phát sóng lại) là khác với những định nghĩa có trong các điều ước quốc tế. Đề nghị sửa như sau:</p> <p>Bỏ quy định từ ngữ “Định hình”</p> <p>3. “Bản định hình âm thanh” là hiện thân của âm thanh, hoặc sự thể hiện âm thanh, mà từ đó các âm thanh đó có thể được nhận biết, sao chép hoặc truyền đạt thông qua một thiết bị.</p> <p>3a. “Bản định hình nghe nhìn” có nghĩa là hiện thân của các hình ảnh chuyển động, có hoặc không kèm theo âm thanh hoặc sự thể hiện âm thanh, mà từ đó các hình ảnh đó có thể được nhận biết, sao chép hoặc truyền đạt thông qua một thiết bị.</p>	<p>Giải trình ý kiến IFPI:</p> <p>Khoản 3 Điều 3 dự thảo Nghị định giải thích từ ngữ “định hình” đã bao hàm đủ các nội dung liên quan đến tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng.</p>

<p>6. Bản ghi âm, ghi hình là bản định hình các âm thanh, hình ảnh của cuộc biểu diễn hoặc các âm thanh, hình ảnh khác hoặc việc định hình sự tái hiện lại các âm thanh, hình ảnh không phải dưới hình thức định hình gắn với tác phẩm điện ảnh hoặc tác phẩm được tạo ra theo phương pháp tương tự.</p>	<p>Liên đoàn Công nghiệp Ghi âm quốc tế (IFPI): Bỏ quy định từ ngữ “Bản ghi âm, ghi hình” 6. Bản ghi âm là bản định hình các âm thanh của một buổi biểu diễn hoặc các âm thanh khác, hoặc sự thể hiện các âm thanh. Các quyền được cấp trong bản ghi âm sẽ không bị ảnh hưởng dưới bất kỳ hình thức nào nếu sau này bản ghi âm được kết hợp vào các phương tiện truyền thông hoặc tác phẩm khác. 6a. Bản ghi nghe nhìn là bản định hình các hình ảnh chuyển động, có hoặc không kèm theo âm thanh hoặc sự thể hiện âm thanh.</p>	<p>Giải trình ý kiến IFPI: xin giữ như dự thảo. Luật Sở hữu trí tuệ và dự thảo Nghị định sử dụng cụm từ “bản ghi âm, ghi hình”. Khoản 6 Điều 3 dự thảo Nghị định giải thích cụm từ này, không tách ra giải thích 2 cụm từ “bản ghi âm” và “bản ghi nghe nhìn”. Nội dung về quyền đối với bản ghi âm không phù hợp quy định ở Điều 3 về giải thích từ ngữ.</p>
<p>8. Công bố tác phẩm, cuộc biểu diễn đã định hình, hoặc bản ghi âm, ghi hình là việc phát hành các bản sao của dưới bất kỳ hình thức nào với số lượng hợp lý đủ để công chúng tiếp cận tác phẩm, cuộc biểu diễn đã được định hình, hoặc bản ghi âm, ghi hình với sự đồng ý của chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan để phổ biến đến tới công chúng với sự đồng ý của chủ sở hữu quyền liên quan tùy theo bản chất của tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình. Tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm kiến trúc được coi là đã công bố nếu tác phẩm đó được đặt tại nơi công cộng với sự đồng ý của chủ sở hữu quyền tác giả cho công chúng tiếp cận và có thể sao chép. Công bố tác phẩm không bao gồm việc trình biểu diễn một tác phẩm sân khấu,</p>	<p>Liên đoàn Công nghiệp Ghi âm quốc tế (IFPI): Quy định như sau: 8. Xuất bản cuộc biểu diễn hoặc bản ghi âm được định hình là việc cung cấp các bản sao của cuộc biểu diễn hoặc bản ghi âm được định hình cho công chúng, với sự đồng ý của chủ sở hữu quyền và với điều kiện là các bản sao được cung cấp cho công chúng với số lượng hợp lý. Vụ Pháp chế - BVHTTDL: Khái niệm công bố tác phẩm, cuộc biểu diễn đã định hình, bản ghi âm, ghi hình tại khoản 8 Điều 3 dự thảo và quyền công bố tác phẩm hoặc cho phép người khác công bố tác phẩm tại khoản 3 Điều 14 dự thảo và khái niệm tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình đã công bố tại khoản 9 Luật Sở hữu trí tuệ không thống nhất với nhau. Cục Điện ảnh - BVHTTDL: đề nghị sửa chữa cụm từ “trình chiếu tác phẩm điện ảnh” thành “<i>phổ biến tác phẩm điện ảnh</i>” để phù hợp với quy định của Luật Điện ảnh năm 2022.</p>	<p>Giải trình ý kiến IFPI: xin giữ như dự thảo, sử dụng cụm từ “công bố” thay vì cụm từ “xuất bản” và bổ sung hướng dẫn trường hợp chưa được coi là công bố theo quy định tại ... Công ước Berne. Đồng thời phù hợp với quy định tại khoản 9 Điều 4 của Luật Sở hữu trí tuệ. Tiếp thu ý kiến Vụ Pháp chế: rà soát, chỉnh lý quy định tại khoản 8 Điều 3, khoản 3 Điều 14 dự thảo, phù hợp với quy định tại khoản 9 Luật Sở hữu trí tuệ. Giải trình ý kiến Cục Điện ảnh: Theo quy định của Luật Điện ảnh, phổ biến phim bao gồm cả phổ biến trên không gian mạng, như vậy đã được coi là công bố tác phẩm điện ảnh. Chỉ đơn</p>

<p>điện ảnh, âm nhạc; trình chiếu tác phẩm điện ảnh; đọc trước công chúng một tác phẩm văn học; phát sóng tác phẩm văn học, nghệ thuật; trưng bày tác phẩm tạo hình mỹ thuật; xây dựng công trình từ tác phẩm kiến trúc chưa được coi là công bố tác phẩm.</p>		<p>thuần trình chiếu tác phẩm điện ảnh mà không có bản sao lưu lại thì chưa được coi là công bố. Quy định này phù hợp với Điều 3.3 Công ước Berne. Vì vậy, xin giữ cụm từ “trình chiếu” như tại dự thảo.</p>
<p>11. Tái phát sóng là việc truyền dẫn phát sóng lại hoặc tiếp sóng chương trình của một tổ chức phát sóng.</p>	<p>Cty TNHH Truyền hình cáp Saigontourist (SCTV): Đề nghị sửa thành: “<i>Tái phát sóng là việc truyền dẫn phát sóng lại nguyên vẹn sau thời gian phát sóng hoặc tiếp sóng nguyên vẹn chương trình cùng thời gian phát sóng của một tổ chức phát sóng</i>”.</p> <p>Liên đoàn Công nghiệp Ghi âm quốc tế (IFPI): Quy định như sau: <i>Tái phát sóng là việc phát sóng đồng thời của một tổ chức phát sóng đối với chương trình phát sóng của một tổ chức phát sóng khác.</i></p>	<p>Tiếp thu, giải trình ý kiến Cty Saigontourist, IFPI: Điều 3(g) Công ước Rome (1961) quy định “<i>tái phát sóng là sự phát sóng đồng thời bởi một tổ chức phát sóng một buổi phát sóng của một tổ chức phát sóng khác</i>”. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển của khoa học, kỹ thuật, công nghệ (như truyền hình cáp, vệ tinh, Internet...), định nghĩa tái phát sóng được mở rộng ra đối với việc truyền dẫn phát sóng lại. Xin được chỉnh lý khoản 11 Điều 3 dự thảo Nghị định như sau: “<i>Tái phát sóng là việc truyền dẫn phát sóng lại sau thời gian phát sóng hoặc tiếp sóng chương trình cùng thời gian phát sóng của một tổ chức phát sóng</i>”.</p>
	<p>Liên đoàn Công nghiệp Ghi âm quốc tế (IFPI): Đề nghị bổ sung khoản 13: 13. Quyền cung cấp sẽ bao gồm tất cả các hình thức truyền phát theo yêu cầu có tính tương tác, bao gồm các hành vi như trích xuất luồng. Việc sao chép nội dung phát trực tuyến (stream-ripping) là một hành vi xâm phạm bản quyền trong</p>	<p>Giải trình ý kiến IFPI: Nội dung và phạm vi quyền cung cấp đối với bản ghi âm, ghi hình đã được quy định tại điểm d khoản 1 Điều 30 Luật SHTT: “<i>Phát sóng, truyền đạt đến công chúng bản ghi âm, ghi hình của mình, bao gồm cả cung cấp tới công</i></p>

	<p>đó người dùng tải xuống và lưu trữ nội dung được phát trực tuyến, và do đó gây trở ngại nghiêm trọng cho các thị trường hợp pháp. Do đó, việc quy định hành vi nêu trên thuộc phạm vi quyền cung cấp tại Việt Nam, như ở các khu vực tài phán khác và theo WPPT, là điều cần thiết.</p> <p>Vì những lý do này, chúng tôi đề nghị rằng dự thảo Nghị định đưa ra một quy định, có thể trong Điều 3 để làm rõ rằng tất cả các hình thức truyền phát theo yêu cầu có tính tương tác, bao gồm các hành vi như sao chép nội dung phát trực tuyến (stream-ripping) hoặc việc cung cấp các dịch vụ phụ trợ theo yêu cầu thuộc phạm vi của quyền này.</p>	<p><i>chúng bản ghi âm, ghi hình theo cách mà công chúng có thể tiếp cận tại địa điểm và thời gian do họ lựa chọn.”</i></p>
	<p>Vụ KHCNMT - BVHTTDL: Xem xét bổ sung giải thích thuật ngữ "Tác phẩm văn học", "Tác phẩm văn học, nghệ thuật" để có cách hiểu chung khi sử dụng trong văn bản này. Đồng thời đây là đối tượng chính cần bảo vệ quyền tác giả và quyền liên quan và thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p>	<p>Giải trình ý kiến Vụ KHCNMT: Cụm từ “<i>tác phẩm văn học, khoa học và tác phẩm khác thể hiện dưới dạng chữ viết</i>” được giải thích và quy định chi tiết tại khoản 1 Điều 6 dự thảo.</p>
<p>Điều 4. Chính sách của Nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan</p>		
<p>1. Hỗ trợ tài chính để mua bản quyền cho các cơ quan, tổ chức Nhà nước có nhiệm vụ phổ biến tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng có giá trị tư tưởng, khoa học, giáo dục và nghệ thuật phục vụ lợi ích công cộng, góp phần phát triển kinh tế - xã hội.</p>	<p>Hội Người mù VN: đề nghị bổ sung như sau: <i>“1. Hỗ trợ tài chính để mua bản quyền cho các cơ quan, tổ chức Nhà nước có nhiệm vụ phổ biến tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng có giá trị tư tưởng, khoa học, giáo dục và nghệ thuật phục vụ lợi ích công cộng; tạo điều kiện để các cơ quan, tổ chức quy định tại Điều 31 Nghị định này tiếp cận với bản gốc hoặc bản sao tác phẩm nhằm chuyển đổi, sao chép, phân phối, hỗ trợ người khuyết tật tiếp cận tác</i></p>	<p>Tiếp thu ý kiến Hội Người mù VN: bổ sung thể hiện tại khoản 6 Điều 4 dự thảo Nghị định.</p>

<p>6. Ưu đãi cho tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp về thuế, tín dụng, quy hoạch về cơ sở hạ tầng, đất đai nhằm thúc đẩy phát triển các ngành công nghiệp văn hóa được bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan; thúc đẩy thực hiện việc chuyển đổi định dạng để tiếp cận cho người khuyết tật theo quy định của pháp luật.</p>	<p>phẩm, góp phần phát triển kinh tế - xã hội.”</p> <p>UNDP: - Chính Phủ cần ban hành kịp thời hướng dẫn cách thức và thủ tục để các tổ chức đáp ứng điều kiện theo quy định của Chính Phủ được hưởng những ưu đãi thuế, tín dụng, quy hoạch về cơ sở hạ tầng, đất đai được quy định trong Điều 4(6) của dự thảo.</p> <p>- bổ sung “<i>thúc đẩy thực hiện việc chuyển đổi định dạng để tiếp cận cho người khuyết tật theo quy định của pháp luật và các cam kết quốc tế của Việt Nam về bảo đảm quyền của người khuyết tật</i>”.</p> <p>Hội Người mù VN: đề nghị bổ sung việc hỗ trợ cho các tổ chức thực hiện việc tạo điều kiện cho người khuyết tật tiếp cận tác phẩm như sau: “<i>6. Ưu đãi cho tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp về thuế, tín dụng, quy hoạch về cơ sở hạ tầng, phương tiện, đất đai nhằm thúc đẩy phát triển các ngành công nghiệp văn hóa được bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan, tạo điều kiện để người khuyết tật tiếp cận tác phẩm, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.</i>”</p>	<p>Giải trình ý kiến UNDP: Quy định của pháp luật đã bao gồm pháp luật VN và cam kết quốc tế. Vì vậy, xin giữ như dự thảo.</p> <p>Tiếp thu ý kiến Hội Người mù VN: Chính lý quy định tại khoản 6 Điều 4 như sau: “<i>Ưu đãi cho tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp về thuế, tín dụng, quy hoạch về cơ sở hạ tầng, đất đai nhằm thúc đẩy phát triển các ngành công nghiệp văn hóa được bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan; thúc đẩy thực hiện việc chuyển đổi định dạng để tiếp cận cho người khuyết tật theo quy định của pháp luật, tạo điều kiện để người khuyết tật tiếp cận tác phẩm.</i>”</p>
<p>Điều 5. Trách nhiệm và nội dung quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan</p>		
<p>2. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan, có nhiệm vụ và quyền hạn sau:</p>	<p>Bộ Tư pháp: Theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, văn bản quy phạm pháp luật “<i>không quy định lại các nội dung đã được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật khác</i>”. Tuy nhiên, Điều 5 dự thảo Nghị</p>	<p>Giải trình ý kiến Bộ Tư pháp: về nội dung quản lý nhà nước, dự thảo Nghị định do Bộ KHCN chủ trì soạn thảo quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về</p>

	<p>định quy định về trách nhiệm và nội dung quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan và Chương VI dự thảo Nghị định quy định về bảo vệ quyền tác giả, quyền liên quan. Trong khi đó, theo Quyết định số 917/QĐ-TTg, Bộ Khoa học và Công nghệ đang được giao nhiệm vụ xây dựng Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ. Vì vậy, đề nghị rà soát để tránh trùng lặp với các quy định của Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ (trong đó cũng có nội dung về quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan và bảo vệ quyền tác giả, quyền liên quan).</p>	<p>sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ.</p> <p>Trách nhiệm quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan của Bộ VH-TT-DL đã được xác định tại Điều 11 Luật SHTT.</p> <p>Do đó, nội dung quản lý nhà nước riêng về quyền tác giả, quyền liên quan đặt tại dự thảo Nghị định do Bộ VH-TT-DL chủ trì soạn thảo quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả, quyền liên quan. Nghị định 22/2018/NĐ-CP cũng quy định nội dung này.</p>
<p>đ) Hướng dẫn việc cung cấp, hợp tác, đặt hàng, sử dụng và đảm bảo quyền tác giả đối với tác phẩm, quyền liên quan đối với cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng;</p>	<p>Bộ Tư pháp: đề nghị cân nhắc tính hợp lý, sự cần thiết của quy định tại điểm đ và e Điều 5 dự thảo Nghị định để tránh hành chính hóa các quan hệ dân sự.</p>	<p>Giải trình ý kiến Bộ Tư pháp: đây là nội dung giữ nguyên như quy định tại Nghị định 22/2018/NĐ-CP, vì vậy xin giữ như dự thảo.</p>
<p>e) Chấp thuận việc dịch tác phẩm từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt và sao chép tác phẩm để giảng dạy, nghiên cứu không nhằm mục đích thương mại theo quy định tại Phụ lục Công ước Berne về bảo hộ tác phẩm văn học, nghệ thuật;</p>	<p>Bộ Tư pháp: tại điểm e Điều 5 dự thảo Nghị định, đề nghị cân nhắc thêm phương án quy định Tòa án là cơ quan có thẩm quyền chấp thuận việc dịch tác phẩm từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt và sao chép tác phẩm để giảng dạy, nghiên cứu không nhằm mục đích thương mại.</p>	<p>Giải trình ý kiến Bộ Tư pháp: theo quy định tại Điều II, III, IV Phụ lục Công ước Berne, quyền dịch, sao chép các tác phẩm đã xuất bản dưới dạng in ấn hoặc tương tự phải được xác định bằng quy chế cấp giấy phép không độc quyền và bất khả nhượng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp. Việc chấp thuận này phải đảm bảo các điều kiện về việc chứng minh đã xin phép</p>

		<p>chủ sở hữu quyền mà không được dịch, sao chép hoặc không tìm được chủ sở hữu quyền; các điều kiện về thời hạn, phạm vi sử dụng, tiền đền bù cân xứng cho chủ sở hữu quyền được trả thông qua cơ quan nhà nước có thẩm quyền và chuyển đến chủ sở hữu quyền, không phải là cơ quan xét xử hoặc tài phán.</p> <p>Vì vậy, quy định cơ quan có quyền chấp thuận việc dịch, sao chép này là cơ quan quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan là phù hợp.</p>
<p>i) Phê duyệt biểu mức và phương thức thanh toán tiền bản quyền do tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan xây dựng;</p>	<p>Cty TNHH Truyền hình cáp Saigontourist (SCTV): Đề nghị sửa thành: “Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt...”.</p>	<p>Giải trình ý kiến Cty Saigontourist: Điểm c khoản 3 Điều 56 Luật Sở hữu trí tuệ giao Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt biểu mức và phương thức thanh toán tiền bản quyền do tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan xây dựng. Vì vậy xin giữ như dự thảo để phù hợp với quy định của Luật Sở hữu trí tuệ.</p>
<p>l) Lập và quản lý Sổ đăng ký quốc gia về quyền tác giả, quyền liên quan;</p>		
<p>m) Xuất bản và phát hành Công báo về quyền tác giả, quyền liên quan;</p>	<p>Cty TNHH Truyền hình cáp Saigontourist (SCTV): Đề nghị gộp 2 điểm l, m thành: “Lập, quản lý và công bố dữ liệu quốc gia về quyền tác giả, quyền liên quan”.</p>	<p>Giải trình ý kiến Cty Saigontourist: Xin giữ như dự thảo để phù hợp quy định tại Điều 54 Luật Sở hữu trí tuệ (bao gồm 2 khoản tương ứng với 2 điểm l, m khoản 2 Điều 5 dự thảo)</p>
<p>4. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) thực hiện quản lý</p>	<p>Bộ Giáo dục và Đào tạo: đề nghị xem xét quy định về đơn vị chịu trách nhiệm giúp UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quản lý về quyền tác</p>	<p>Tiếp thu ý kiến Bộ Giáo dục và Đào tạo: bổ sung khoản 5 Điều 5 dự thảo Nghị định để quy định đơn vị chịu</p>

<p>nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan tại địa phương có nhiệm vụ và quyền hạn sau:</p>	<p>giả, quyền liên quan.</p>	<p>trách nhiệm giúp UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quản lý về quyền tác giả, quyền liên quan là các Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao.</p>
<p>a) Tổ chức các hoạt động bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan tại địa phương; thực hiện các biện pháp bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nhà nước, tổ chức, cá nhân về quyền tác giả, quyền liên quan; tổ chức thực hiện phát triển các ngành công nghiệp văn hóa theo quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều 4 của Nghị định này tại địa phương;</p> <p>b) Thanh tra, kiểm tra, xử lý theo thẩm quyền các khiếu nại, tố cáo, vi phạm các quy định pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan tại địa phương.</p> <p>c) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Đài PTTH Tây Ninh: Bổ sung làm rõ: “<i>a) Tổ chức các hoạt động bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan tại địa phương theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, Điều 4 của Nghị định này; ...</i>”</p>	<p>Tiếp thu ý kiến Đài PTTH Tây Ninh: Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 5 dự thảo Nghị định để làm rõ nhiệm vụ và quyền hạn của UBND cấp tỉnh trong thực hiện quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan tại địa phương.</p>
<p>Chương II QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN</p>		
<p>Điều 6. Các loại hình tác phẩm được bảo hộ quyền tác giả</p>		
<p>1. Tác phẩm văn học, khoa học, sách giáo khoa, giáo trình và tác phẩm khác được thể hiện dưới dạng chữ viết hoặc ký tự khác quy định tại điểm a khoản 1 Điều 14 của Luật sở hữu trí tuệ:</p> <p>a) Tác phẩm văn học, khoa học và tác phẩm khác thể hiện dưới dạng chữ viết</p>	<p>NXB Tư pháp: - Cần thống nhất về logic trong quy phạm định nghĩa về “sách giáo khoa” và “giáo trình” tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều 6. Sách giáo khoa và giáo trình đều là tài liệu phục vụ cho việc giảng dạy, học tập theo các cấp học được Luật Giáo dục hiện hành quy định. Tuy nhiên, tại điểm b khoản 1 Điều 6 định nghĩa “sách giáo khoa</p>	<p>Tiếp thu, giải trình ý kiến NXB Tư pháp:</p> <p>- Khác với Sách giáo khoa, Giáo trình là hệ thống giảng dạy cho một môn học, được thiết kế để giảng dạy, mục đích để làm tài liệu giảng dạy chính thức cho giáo viên hoặc làm tài liệu</p>

<p>bao gồm: tiểu thuyết, truyện vừa, truyện ngắn; bút ký, ký sự, tùy bút, hồi ký; thơ, trường ca; kịch bản; công trình nghiên cứu văn hoá, văn học, nghệ thuật, khoa học và các bài viết khác;</p> <p>b) Sách giáo khoa là tác phẩm được xuất bản cụ thể hóa các yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông; được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt, cho phép sử dụng làm tài liệu dạy học chính thức trong các cơ sở giáo dục phổ thông;</p> <p>c) Giáo trình là tác phẩm tài liệu giảng dạy, học tập có nội dung phù hợp với chương trình đào tạo, bồi dưỡng được người đứng đầu cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng, trung cấp duyệt, lựa chọn hoặc được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật;</p> <p>d) Tác phẩm thể hiện dưới dạng ký tự khác quy định tại điểm a khoản 1 Điều 14 của Luật sở hữu trí tuệ là tác phẩm thể hiện bằng chữ nổi cho người khiếm thị, ký hiệu tốc ký và các ký hiệu tương tự thay cho chữ viết mà các đối tượng cá nhân, tổ chức tiếp cận có thể hiểu và sao chép được bằng nhiều hình thức khác nhau.</p>	<p>là tác phẩm “được xuất bản” cụ thể hóa...”, trong khi đó định nghĩa về giáo trình tại điểm c khoản 1 Điều 6 không có cụm từ “được xuất bản”. Đề nghị đơn vị soạn thảo cân nhắc để bảo đảm sự chính xác và logic trong quy phạm định nghĩa ở điểm b, điểm c cũng như các điểm khác tại khoản 1 Điều 6 của Dự thảo Nghị định.</p> <p>- Thông tư số 31/2017/TT-BLĐTĐ và Thông tư số 42/2015/TT-BLĐTĐ có quy định về giáo trình đào tạo ở trình độ sơ cấp, do đó để có sự thống nhất trong các quy định pháp luật, đề nghị Quý đơn vị bổ sung vào điểm c khoản 1 Điều 6 Dự thảo Nghị định như sau: “... được người đứng đầu cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng, trung cấp, sơ cấp duyệt, lựa chọn...”.</p> <p>- Nghiên cứu bổ sung vào điểm c khoản 1 Điều 6 Dự thảo Nghị định như sau: “... tài liệu giảng dạy, học tập, nghiên cứu chính có nội dung phù hợp...” để thống nhất nội dung khái niệm về giáo trình tại điểm a khoản 4 Điều 2 Quyết định số 37/2018/QĐ-TTg và khoản 2 Điều 2 Thông tư số 35/2021/TT-BGDĐT.</p> <p>- Cân nhắc bổ sung quy định cụ thể về quyền tác giả đối với tác phẩm sách giáo khoa, giáo trình, đây là loại hình tác phẩm được bảo hộ quyền tác giả mới được bổ sung trong Dự thảo Nghị định nên cần có sự hướng dẫn, quy định cụ thể.</p>	<p>học tập cho sinh viên. Giáo trình có thể lưu hành nội bộ trong cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng, trung cấp, sơ cấp, vì vậy nên giáo trình không có tính bắt buộc phải xuất bản vẫn có thể đưa vào giảng dạy trong các giảng đường.</p> <p>Việc có được xuất bản hay không không phải tiêu chí để được coi là giáo trình.</p> <p>- Tiếp thu, bổ sung cụm từ “sơ cấp” (Điều 3 Thông tư số 31/2017/TT-BLĐTĐ) và cụm từ “nghiên cứu” (khoản 2 Điều 2 Thông tư số 35/2021/TT-BGDĐT) tại điểm c khoản 1 Điều 6 dự thảo:</p> <p><i>“Giáo trình là tác phẩm tài liệu giảng dạy, học tập, nghiên cứu có nội dung phù hợp với chương trình đào tạo, bồi dưỡng được người đứng đầu cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng, trung cấp, sơ cấp duyệt, lựa chọn hoặc được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật”.</i></p> <p>- Sách giáo khoa, giáo trình là một trong những loại hình tác phẩm được bảo hộ quyền tác giả quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Sở hữu trí tuệ, không phải loại hình mới được bổ sung. Quyền tác giả đối với sách giáo khoa, giáo trình thực hiện theo các quy định về quyền tác giả nói chung tại</p>
---	---	---

	<p>Vụ KHCNMT - BVHTTDL: Xem xét thay thế, bổ sung "Tác phẩm văn học, khoa học và tác phẩm khác thể hiện dưới dạng chữ viết và ký tự đặc biệt, hình ảnh" bao gồm:...."</p> <p>Lý do: Các nội dung đã liệt kê ở Dự thảo Nghị định (tiểu thuyết, truyện vừa, truyện ngắn; bút ký, ký sự, tùy bút, hồi ký;...) thông thường sẽ bao gồm chữ viết, hình ảnh, chữ số, ký tự đặc biệt (ví dụ bản nhạc chưa ghi âm sẽ có các node nhạc, ký hiệu...). Do vậy có thể nhóm "chữ viết, chữ số, ký tự đặc biệt" thành "ký tự đặc biệt" nói chung hoặc liệt kê các loại ký hiệu cơ bản khi thể hiện.</p>	<p>Luật Sở hữu trí tuệ.</p> <p>Giải trình ý kiến Vụ KHCNMT: Điểm a khoản 1 Điều 14 Luật Sở hữu trí tuệ quy định loại hình tác phẩm được bảo hộ quyền tác giả đó là “<i>Tác phẩm văn học, khoa học, sách giáo khoa, giáo trình và tác phẩm khác được thể hiện dưới dạng chữ viết hoặc ký tự khác</i>”. Trong tác phẩm văn học, khoa học có thể có những phần thể hiện bằng chữ số, hình ảnh, công thức toán học,... Tuy nhiên, vẫn xếp vào nhóm tác phẩm thể hiện dưới dạng chữ viết để nhấn mạnh cái chung và cái quan trọng nhất của tác phẩm, tránh sự nhầm lẫn với các loại hình tác phẩm khác như tác phẩm nhiếp ảnh...</p>
<p>2. Bài giảng, bài phát biểu và bài nói khác quy định tại điểm b khoản 1 Điều 14 của Luật Sở hữu trí tuệ là tác phẩm thể hiện bằng ngôn ngữ nói và phải được định hình dưới một hình thức vật chất nhất định.</p>	<p>Học viện Chính trị Quốc gia HCM: Bổ sung Tác phẩm là Tập bài giảng tại Điều 6. Các loại hình tác phẩm được bảo hộ quyền tác giả.</p>	<p>Giải trình ý kiến Học viện Chính trị Quốc gia HCM: điểm b khoản 1 Điều 14 của Luật Sở hữu trí tuệ và khoản 2 Điều 6 dự thảo có quy định về 1 loại hình tác phẩm được bảo hộ quyền tác giả đó là “<i>bài giảng, bài phát biểu và bài nói khác</i>”.</p>
<p>6. Tác phẩm điện ảnh và tác phẩm được tạo ra theo phương pháp tương tự quy định tại điểm e khoản 1 Điều 14 của Luật sở hữu trí tuệ là tác phẩm có nội dung, được thể hiện bằng hình ảnh động liên tiếp hoặc hình ảnh do các thiết bị kỹ thuật, công nghệ tạo ra; kết hợp hoặc không kết hợp với có hoặc không có âm</p>	<p>Cục Điện ảnh - BVHTTDL: đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau “<i>Tác phẩm điện ảnh (hay còn gọi là Phim) và tác phẩm được tạo ra theo phương pháp tương tự quy định tại điểm e khoản 1 Điều 14 của Luật sở hữu trí tuệ</i>”. Lý do: Luật Điện ảnh năm 2022 có quy định về việc sản xuất, phát hành, phổ biến phim, lưu chiếu, lưu trữ phim phải tuân theo quy định tại Luật Điện ảnh, Luật Sở hữu trí tuệ và</p>	<p>Giải trình ý kiến Cục Điện ảnh: Điểm e khoản 1 Điều 14 của Luật Sở hữu trí tuệ quy định loại hình tác phẩm được bảo hộ quyền tác giả đó là “<i>Tác phẩm điện ảnh và tác phẩm được tạo ra theo phương pháp tương tự</i>”. Đồng thời, khoản 2 Điều 3 Luật Điện ảnh 2022 đã có quy định “<i>Phim là tác</i></p>

<p>thanh và các phương tiện hiệu ứng khác theo nguyên tắc của ngôn ngữ điện ảnh. Hình ảnh tĩnh được lấy ra từ một tác phẩm điện ảnh là một phần của tác phẩm điện ảnh đó.</p> <p>Tác phẩm điện ảnh không bao gồm bản ghi hình nhằm mục đích phổ biến tin tức trên dịch vụ phát thanh, truyền hình, không gian mạng; chương trình biểu diễn nghệ thuật, trò chơi điện tử; bản ghi hình về hoạt động của một hoặc nhiều người, mô tả các sự kiện, tình huống hoặc chương trình thực tế.</p>	<p>các quy định khác của pháp luật có liên quan. Tuy nhiên, pháp luật về sở hữu trí tuệ chỉ định nghĩa về Tác phẩm điện ảnh. Hơn nữa, định nghĩa về Tác phẩm điện ảnh được xây dựng trên định nghĩa Phim tại Luật Điện ảnh năm 2022, do vậy đề nghị bổ sung cụm từ trên tại dự thảo Nghị định.</p>	<p><i>phẩm điện ảnh có nội dung, được biểu hiện bằng hình ảnh động liên tiếp...”.</i></p>
<p>Điều 7. Tác phẩm phái sinh</p>		
<p>Tác phẩm phái sinh quy định tại khoản 2 Điều 14 của Luật Sở hữu trí tuệ là tác phẩm được sáng tạo trên cơ sở một hoặc nhiều tác phẩm đã có, bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tác phẩm dịch là tác phẩm được thể hiện bằng ngôn ngữ khác với ngôn ngữ của tác phẩm được dịch; 2. Tác phẩm phóng tác là tác phẩm mô phỏng theo nội dung của tác phẩm được phóng tác, có thể được chuyển từ thể loại này sang thể loại khác hoặc sửa đổi trong cùng một thể loại, bao gồm cả sửa đổi bố cục tác phẩm để làm cho tác phẩm phù hợp với điều kiện khác nhau của việc khai thác, sử dụng; 3. Tác phẩm biên soạn là tác phẩm được soạn ra từ một phần hoặc toàn bộ các tác phẩm đã có theo chủ đề nhất 	<p>Bộ Công Thương: Khoản 1 Điều 14 Luật SHTT quy định: “Chính phủ hướng dẫn cụ thể về các loại hình tác phẩm quy định tại khoản 1 Điều này”. Tuy nhiên, tác phẩm phái sinh được quy định tại khoản 2 Điều 14 Luật SHTT. Như vậy, Điều 7 dự thảo Nghị định quy định về tác phẩm phái sinh (không thuộc trường hợp Chính phủ được giao nhiệm vụ hướng dẫn tại khoản 4 Điều 14 Luật SHTT). Do vậy, đề nghị Quý Bộ giải trình về sự cần thiết của quy định này.</p> <p>Đồng thời, đề nghị rà soát các điều khoản khác như khoản 3 Điều 8 của dự thảo để có giải trình tương tự như đã nêu tại phần trên.</p>	<p>Giải trình ý kiến Bộ Công Thương:</p> <p>Tác phẩm phái sinh được sáng tạo trên cơ sở một hoặc nhiều tác phẩm đã có thuộc một trong các loại hình quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật SHTT.</p> <p>Vì vậy, xin được giữ quy định này để quy định rõ các loại tác phẩm phái sinh, đáp ứng nhu cầu của thực tiễn nhiều trường hợp khi thực hiện sửa đổi, biên soạn, sắp xếp lại tác phẩm, chuyển đổi loại hình tác phẩm, tuyển tập các tác phẩm... nhưng lại chưa xác định rõ được tác phẩm được tạo ra có phải tác phẩm phái sinh hay không.</p> <p>Đồng thời, Điều 222 Luật SHTT giao Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật này . Do đó, việc quy định nội</p>

<p>định mà không có sự tham gia của tác giả các tác phẩm được sử dụng để biên soạn và có thể có bình luận, đánh giá;</p> <p>4. Tác phẩm chú giải là tác phẩm được sáng tạo từ việc làm rõ nghĩa và nội dung một số từ, câu hoặc sự kiện, điển tích, địa danh nêu tại tác phẩm được chú giải;</p> <p>5. Tác phẩm tuyển chọn là tác phẩm được chọn lọc từ các tác phẩm đã có của một hoặc nhiều tác giả theo thời gian hoặc chủ đề nhất định, bao gồm cả tác phẩm tuyển tập, hợp tuyển;</p> <p>6. Tác phẩm cải biên là tác phẩm được thay đổi hình thức diễn đạt theo mục đích, yêu cầu nhất định trong trường hợp cụ thể;</p> <p>7. Tác phẩm chuyển thể là tác phẩm được chuyển từ loại hình này sang loại hình khác hoặc tác phẩm được thể hiện bằng thủ pháp nghệ thuật khác với tác phẩm được chuyển thể trong cùng một loại hình.</p>	<p>Trung tâm Bảo vệ quyền tác giả âm nhạc VN (VCPMC):</p> <p>- Đề xuất sửa đổi khoản 6 Điều 7 như sau: <i>“6. Tác phẩm cải biên là tác phẩm được soạn lại, viết lại, chuyển soạn hoặc được thay đổi hình thức diễn đạt khác so với tác phẩm gốc.”</i></p> <p>Lý do: Bổ sung một số thuật ngữ cụ thể để phù hợp thuật ngữ “tác phẩm chuyển soạn” hoặc “bản chuyển soạn” (arrangement) tại khoản 3 Điều 2 Công ước Berne.</p> <p>- Đề xuất vẫn sử dụng thuật ngữ “tác phẩm gốc” tại tất cả các khoản của Điều 7 để thể hiện được tính tương quan và khái niệm bản chất của “tác phẩm phái sinh” theo khoản 3 Điều 2 Công ước Berne (Derivative work – Original work).</p>	<p>dung này tại dự thảo Nghị định là phù hợp.</p> <p>Tiếp thu, giải trình ý kiến VCPMC:</p> <p>- Tiếp thu, bổ sung cụm từ “soạn lại, viết lại, chuyển soạn” tại khoản 6 Điều 7 dự thảo.</p> <p>- Không sử dụng cụm từ “tác phẩm gốc” do việc hiểu và định nghĩa tác phẩm gốc khá phức tạp, có thể gây nhầm lẫn khi áp dụng. Tác phẩm được coi là tác phẩm gốc chỉ khi đặt trong mối quan hệ với tác phẩm được phái sinh từ tác phẩm đó. Tác phẩm phái sinh này có thể lại được coi là tác phẩm gốc của tác phẩm được tiếp tục phái sinh từ tác phẩm phái sinh đó.</p> <p><i>“Tác phẩm cải biên là tác phẩm được soạn lại, viết lại, chuyển soạn lại hoặc được thay đổi hình thức diễn đạt khác với tác phẩm được dùng để cải biên theo mục đích, yêu cầu nhất định trong trường hợp cụ thể.”</i></p>
<p>Điều 8. Đối tượng không thuộc phạm vi bảo hộ quyền tác giả</p>		
<p>1. Tin tức thời sự thuần túy đưa tin quy định tại khoản 1 Điều 15 của Luật sở hữu trí tuệ là các thông tin báo chí ngắn hàng ngày, tin vật, số liệu sự thật, chỉ mang tính chất đưa tin không có tính sáng tạo.</p>	<p>Đài Truyền hình VN: khoản 1 Điều 8 quy định không bảo hộ cho tin tức thời sự thuần túy đưa tin mà không giải thích rõ vấn đề “tính sáng tạo” là chưa đầy đủ. Các chương trình của Đài THVN ít nhiều đều mang dấu ấn của sự sáng tạo cá nhân (các yếu tố như góc máy quay, bố cục khuôn hình, thời điểm ghi hình, hiệu ứng âm thanh, ánh sáng...) đều</p>	<p>Giải trình ý kiến Đài THVN:</p> <p>Đối với những bản tin thời sự được biên tập, dàn dựng, thêm hiệu ứng hay có phần bình luận thêm thì có thể xem xét được bảo hộ quyền tác giả.</p>

	thể hiện trình độ, sự sáng tạo cá nhân của các biên tập viên, phóng viên, quay phim,... của Đài THVN. Cách quy định chưa đầy đủ như tại Điều 8 sẽ gây khó khăn cho việc bảo vệ bản quyền các chương trình bản tin thời sự, tin tức của Đài THVN.	
Điều 10. Quyền tác giả đối với tác phẩm điện ảnh		
<p>1. Những người quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 21 của Luật Sở hữu trí tuệ có quyền đứng tên trên tác phẩm điện ảnh, được nêu tên khi tác phẩm điện ảnh được công bố, sử dụng. Trường hợp bắt buộc do cách thức sử dụng tác phẩm điện ảnh thì có thể không nêu tên toàn bộ diễn viên điện ảnh và người thực hiện các công việc khác có tính sáng tạo đối với tác phẩm điện ảnh quy định tại điểm b khoản 1 Điều 21 của Luật Sở hữu trí tuệ.</p> <p>2. Trường hợp thỏa thuận về việc đặt tên, sửa đổi tác phẩm điện ảnh theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 21 của Luật Sở hữu trí tuệ, biên kịch, đạo diễn không được lợi dụng quyền nhân thân của mình ngăn cản việc đặt tên, sửa đổi tác phẩm phù hợp với các điều kiện về sáng tạo, khai thác, sử dụng tác phẩm điện ảnh.</p> <p>Tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả đối với kịch bản, tác phẩm âm nhạc trong tác phẩm điện ảnh chỉ có thể cấm hành vi xuyên tạc hiển nhiên hoặc bóp méo</p>	<p>Vụ Pháp chế - BVHTTDL:</p> <p>+ Khoản 1 cần viết đúng theo quyền quy định tại khoản 2 Điều 19 của Luật Sở hữu trí tuệ.</p> <p>+ Việc quy định 02 trường hợp tại khoản 1 và khoản 2 không phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 14 Hiến pháp năm 2013 và không phù hợp với Luật Sở hữu trí tuệ. Luật Sở hữu trí tuệ không quy định hạn chế nào đối với quyền nhân thân này tại khoản 2 Điều 19 và Điều 21.</p> <p>Bộ Tư pháp: Đề nghị chỉnh lý quy định “hành vi xuyên tạc hiển nhiên hoặc bóp méo trắng trợn tác phẩm” bảo đảm khoản 1 Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật “Ngôn ngữ sử dụng trong văn bản quy phạm pháp luật phải chính xác, phổ thông, cách diễn đạt phải rõ ràng, dễ hiểu”.</p> <p>Cục Điện ảnh - BVHTTDL: đề nghị xem xét lại cách diễn đạt cụm từ “xuyên tạc hiển nhiên” và “bóp méo trắng trợn” để bảo đảm văn phong của văn bản quy phạm pháp luật.</p>	<p>Giải trình ý kiến Vụ Pháp chế:</p> <p>- Khoản 1 Điều 10 dự thảo Nghị định phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 19 và khoản 1 Điều 21 Luật SHTT.</p> <p>- Đồng thời, Điều 24 Luật SHTT giao Chính phủ quy định cụ thể “việc bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm văn học, nghệ thuật và khoa học quy định tại khoản 1 Điều 14” của Luật SHTT. Các quy định tại Điều 10 dự thảo nhằm tháo gỡ vướng mắc từ thực tiễn sản xuất, khai thác, sử dụng tác phẩm điện ảnh.</p> <p>Tiếp thu ý kiến Bộ Tư pháp, Cục Điện ảnh: sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 15 dự thảo như sau: “Tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả đối với kịch bản, tác phẩm âm nhạc được sử dụng trong tác phẩm điện ảnh chỉ có thể cấm hành vi xuyên tạc kịch bản, tác phẩm âm nhạc hoặc sửa đổi, cắt xén kịch bản, tác phẩm âm nhạc gây phung hại đến danh dự, uy tín của họ”.</p>

<p>trắng trợn tác phẩm của họ khi được sử dụng trong tác phẩm điện ảnh.</p> <p>3. Quyền cho thuê bản gốc hoặc bản sao tác phẩm điện ảnh quy định tại điểm e khoản 1 Điều 20 của Luật Sở hữu trí tuệ là quyền của chủ sở hữu quyền tác giả độc quyền thực hiện hoặc cho phép người khác thực hiện việc cho thuê để khai thác, sử dụng có thời hạn.</p>		
<p>Điều 11. Quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc</p>		
<p>1. Tác giả được hưởng các quyền nhân thân quy định tại Điều 19 của Luật sở hữu trí tuệ và các quyền tài sản quy định tại Điều 20 của Luật Sở hữu trí tuệ.</p> <p>2. Tác giả không đồng thời là chủ sở hữu quyền tác giả được hưởng các quyền nhân thân quy định tại các khoản 1, 2 và khoản 4 Điều 19 của Luật Sở hữu trí tuệ; chủ sở hữu quyền tác giả được hưởng các quyền quy định tại khoản 3 Điều 19 và Điều 20 của Luật sở hữu trí tuệ.</p> <p>3. Tác giả và tổ chức, cá nhân đầu tư tài chính và cơ sở vật chất - kỹ thuật để sáng tạo tác phẩm có thể thỏa thuận về việc sửa chữa tác phẩm.</p>	<p>Bộ Tư pháp: đề nghị xem xét, chỉnh lý quy định tại khoản 1 Điều 11 dự thảo Nghị định vì nội dung các quy định này không chi tiết, cụ thể hơn quy định tại Điều 19 và Điều 20 Luật Sở hữu trí tuệ.</p> <p>Vụ Pháp chế - BVHTTDL: không phù hợp với Luật Sở hữu trí tuệ. Thứ nhất, trong các quyền tác giả, không có quyền sửa chữa tác phẩm. Thứ hai, quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm không cho người khác xuyên tạc; không cho người khác sửa đổi, cắt xén tác phẩm dưới bất kỳ hình thức nào gây phương hại đến danh dự và uy tín của tác giả không có quy định nào khác đối với tác phẩm kiến trúc.</p>	<p>Tiếp thu, giải trình ý kiến Bộ Tư pháp: tiếp thu chỉnh lý lại khoản 1 và khoản 2 Điều 11 dự thảo để phân định 2 trường hợp hưởng quyền khi: tác giả đồng thời là chủ sở hữu quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc và tác giả không đồng thời là chủ sở hữu quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc. Đây là 2 trường hợp tiếp cận theo thực tiễn, tạo cơ sở và hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân thực hiện pháp luật.</p> <p>Giải trình ý kiến Vụ Pháp chế: Điều 24 Luật SHTT giao Chính phủ quy định cụ thể “việc bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm văn học, nghệ thuật và khoa học quy định tại khoản 1 Điều 14” của Luật SHTT. Khoản 3 Điều 11 dự thảo Nghị định quy định các bên thỏa thuận về việc sửa chữa tác phẩm. Hành vi sửa chữa tác phẩm thuộc quyền bảo vệ sự toàn</p>

		<p>ven của tác phẩm không cho người khác xuyên tạc; không cho người khác sửa đổi, cắt xén tác phẩm dưới bất kỳ hình thức nào gây phương hại đến danh dự và uy tín của tác giả. Tuy nhiên xuất phát từ thực tiễn lĩnh vực kiến trúc, xây dựng: khi xây dựng nhà, chủ nhà có thể thỏa thuận đề sửa chữa, điều chỉnh đối với ngôi nhà, công trình xây dựng đó.</p>
<p>Điều 12. Quyền tác giả đối với tác phẩm văn học, nghệ thuật dân gian</p>		
<p>1. Tác phẩm văn học, nghệ thuật dân gian quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 23 của Luật Sở hữu trí tuệ được bảo hộ không phụ thuộc vào việc định hình.</p> <p>2. Sử dụng tác phẩm văn học, nghệ thuật dân gian quy định tại khoản 2 Điều 23 của Luật Sở hữu trí tuệ là việc sưu tầm, nghiên cứu, biểu diễn, giới thiệu giá trị đích thực của tác phẩm văn học, nghệ thuật dân gian.</p> <p>3. Dẫn chiếu xuất xứ loại hình tác phẩm văn học, nghệ thuật dân gian quy định tại khoản 2 Điều 23 của Luật Sở hữu trí tuệ là việc chỉ ra nguồn gốc, địa danh của cộng đồng cư dân nơi tác phẩm văn học, nghệ thuật dân gian được hình thành.</p>	<p>Vụ Pháp chế - BVHTTDL: khoản 1 không phù hợp với quy định tại khoản 7 Điều 4 Luật Sở hữu trí tuệ.</p>	<p>Giải trình ý kiến Vụ Pháp chế: Quy định về việc tác phẩm được định hình dưới một hình thức vật chất nhất định là nguyên tắc chung. Tuy nhiên đối với loại hình tác phẩm văn học, nghệ thuật dân gian có sự đặc thù. Điều 23 Luật SHTT quy định “<i>tác phẩm dân gian là sáng tạo tập thể... được lưu truyền bằng cách mô phỏng hoặc bằng cách khác</i>”. Tác phẩm văn học, nghệ thuật dân gian có thể được tồn tại, lưu truyền bằng phương thức truyền khẩu, truyền miệng như ca dao, tục ngữ, hò, vè... nên thường ngắn gọn, dễ nhớ và được cả cộng đồng thuộc, lưu giữ. Do đó, để bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân gian, xin được giữ quy định tại khoản 1 Điều 12 dự thảo.</p>
	<p>Đài Truyền hình VN: khoản 2 Điều 12 dự thảo Nghị định: vấn đề sử dụng tác phẩm văn học, nghệ thuật dân gian cần được bổ sung để quy định được</p>	<p>Tiếp thu, giải trình ý kiến Đài THVN, VCPMC: Phái sinh từ tác phẩm văn học, nghệ thuật dân gian thì hưởng</p>

	<p>hoàn thiện. Cụ thể, cần bổ sung thêm các hình thức như: phóng tác, cải biên, chuyển thể...</p> <p>Trung tâm Bảo vệ quyền tác giả âm nhạc VN (VCPMC): Đề xuất bổ sung thêm quy định: "<i>Người sử dụng tác phẩm văn học, nghệ thuật dân gian theo quy định tại Điều này phải thỏa thuận về việc trả thù lao cho người sưu tầm tác phẩm văn học, nghệ thuật dân gian và được hưởng quyền tác giả đối với phần nghiên cứu chỉnh lý, ký âm của mình.</i>"</p> <p>Lý do: Thực tế có rất nhiều tác phẩm âm nhạc dân gian được lưu truyền qua nhiều đời nhưng dưới hình thức truyền miệng. Sau đó, đã có nhiều nhạc sĩ đã đi khắp các vùng miền để sưu tầm những ca khúc đó và chỉnh lý, ký âm lại thành những bản nhạc hoàn chỉnh để có thể sử dụng và phổ biến rộng rãi đến công chúng.</p>	<p>quyền tác giả đối với phần phái sinh. Nghiên cứu quy định về Cộng đồng sưu tầm, lưu giữ tác phẩm văn học, nghệ thuật dân gian được hưởng một phần tiền bản quyền khi tác phẩm phái sinh từ tác phẩm văn học, nghệ thuật dân gian đó được khai thác, sử dụng và thu lợi.</p>
<p>Điều 13. Quyền tác giả đối với chương trình máy tính</p>		
<p>1. Tác giả được hưởng các quyền nhân thân quy định tại Điều 19 của Luật Sở hữu trí tuệ và các quyền tài sản quy định tại Điều 20 của Luật Sở hữu trí tuệ.</p> <p>2. Tác giả không đồng thời là chủ sở hữu quyền tác giả được hưởng các quyền nhân thân quy định tại các khoản 1, 2 và khoản 4 Điều 19 của Luật Sở hữu trí tuệ; chủ sở hữu quyền tác giả được hưởng các quyền quy định tại khoản 3 Điều 19 và Điều 20 của Luật Sở hữu trí tuệ.</p> <p>3. Tổ chức, cá nhân có quyền sử dụng hợp pháp bản sao chương trình máy tính được sửa lỗi trên bản sao chương</p>	<p>Bộ Tư pháp: đề nghị xem xét, chỉnh lý quy định tại khoản 1 Điều 13 dự thảo Nghị định vì nội dung các quy định này không chi tiết, cụ thể hơn quy định tại Điều 19 và Điều 20 Luật Sở hữu trí tuệ.</p> <p>Vụ Pháp chế - BVHTTDL: khoản 3 quy định mới so với Luật Sở hữu trí tuệ. Điều này có thể đưa lên trước Điều 12 để phù hợp với trật tự của Luật Sở hữu trí tuệ.</p> <p>LS Nguyễn Thị Thu Hà (Vission & Associates) +</p>	<p>Tiếp thu, giải trình ý kiến Bộ Tư pháp: tiếp thu chỉnh lý lại khoản 1 và khoản 2 Điều 13 dự thảo để phân định 2 trường hợp hưởng quyền khi: tác giả đồng thời là chủ sở hữu quyền tác giả đối với chương trình máy tính và tác giả không đồng thời là chủ sở hữu quyền tác giả đối với chương trình máy tính.</p> <p>Tiếp thu ý kiến Vụ Pháp chế: đưa nội dung Điều 13 lên trước Điều 12 dự thảo Nghị định để phù hợp với trật tự của Luật Sở hữu trí tuệ.</p> <p>Giải trình ý kiến VIPA, LS Nguyễn</p>

<p>trình máy tính đó trong trường hợp cần thiết cho việc sử dụng.</p> <p>4. Quyền cho thuê chương trình máy tính quy định tại điểm e khoản 1 Điều 20 của Luật Sở hữu trí tuệ là quyền của chủ sở hữu quyền tác giả độc quyền thực hiện hoặc cho phép người khác thực hiện việc cho thuê để khai thác, sử dụng có thời hạn.</p> <p>5. Quyền cho thuê đối với chương trình máy tính không áp dụng trong trường hợp bản thân chương trình đó không phải là đối tượng chủ yếu để cho thuê quy định tại điểm c khoản 2 Điều 20 của Luật Sở hữu trí tuệ như chương trình máy tính gắn với việc vận hành bình thường các loại phương tiện giao thông hoặc các máy móc, thiết bị kỹ thuật khác.</p>	<p>VIPA: “3. Tổ chức, cá nhân, nếu có quyền sử dụng hợp pháp bản sao chương trình máy tính, thì được sửa lỗi trên bản sao chương trình máy tính đó trong trường hợp cần thiết cho việc sử dụng”. Đề xuất sửa đổi để rõ ý và dễ hiểu hơn.</p>	<p>Thị Thu Hà: xin được giữ như dự thảo để phù hợp với ngôn ngữ của Nghị định.</p>
<p>Điều 14. Quyền nhân thân</p>		
<p>1. Quyền đặt tên cho tác phẩm quy định tại khoản 1 Điều 19 của Luật sở hữu trí tuệ. Quyền này không áp dụng đối với tác phẩm dịch từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác. Việc đặt tên cho tác phẩm không được vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 7 của Luật Sở hữu trí tuệ và pháp luật khác có liên quan.</p>	<p>Vụ Pháp chế - BVHTTDL: khoản 1 không phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 14 của Luật Sở hữu trí tuệ.</p>	<p>Giải trình ý kiến Vụ Pháp chế: khoản 2 Điều 14 Luật SHTT quy định: “<i>Tác phẩm phái sinh chỉ được bảo hộ theo quy định tại khoản 1 Điều này nếu không gây phương hại đến quyền tác giả đối với tác phẩm được dùng để làm tác phẩm phái sinh</i>”. Đối với tác phẩm dịch chuyển đổi ngôn ngữ thể hiện tác phẩm, phải đảm bảo yếu tố phản ánh trung thực, khách quan nội dung tác phẩm được chuyển đổi sang ngôn ngữ mới. Đồng thời, phải bảo đảm các quyền đứng tên, nêu tên theo quy định</p>

		tại khoản 2 Điều này, quyền về tính toàn vẹn của tác phẩm theo quy định của Luật SHTT. Do đó, cần quy định tác phẩm dịch không được đặt tên khác về nội dung, ý nghĩa với tác phẩm được dịch.
<p>4. Quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm không cho người khác xuyên tạc; không cho người khác sửa chữa, cắt xén tác phẩm dưới bất kỳ hình thức nào gây phương hại đến danh dự và uy tín của tác giả quy định tại khoản 4 Điều 19 của Luật sở hữu trí tuệ là việc không cho người khác sửa chữa, cắt xén tác phẩm hoặc sửa chữa, nâng cấp chương trình máy tính trừ trường hợp có thỏa thuận của tác giả.</p>	<p>Bộ Tư pháp: khoản 4 Điều 14 dự thảo Nghị định quy định quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm của tác giả theo hướng “<i>không cho người khác sửa chữa, cắt xén tác phẩm... trừ trường hợp có thỏa thuận của tác giả</i>” là chưa phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 19 Luật Sở hữu trí tuệ, theo đó, quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm gắn với điều kiện “<i>không cho người khác xuyên tạc; không cho người khác sửa đổi, cắt xén tác phẩm dưới bất kỳ hình thức nào gây phương hại đến danh dự và uy tín của tác giả</i>”.</p> <p>Vụ Pháp chế - BVHTTDL: khoản 4 không phù hợp với khoản 4 Điều 19 của Luật Sở hữu trí tuệ.</p> <p>LS Nguyễn Thị Thu Hà (Vission & Associates) + VIPA: Quy định này nhằm giải thích cho quy định tại khoản 4, Điều 19, Luật SHTT sửa đổi (2022), theo đó, quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm chỉ dừng ở phạm vi “không cho người khác xuyên tạc”, “không gây phương hại đến danh dự và uy tín của tác giả”.</p> <p>Mặt khác, quy định về yếu tố xâm phạm quyền tác giả tại khoản 1d, Điều 76, dự thảo Nghị định thay thế Nghị định 103 và 105/ND-CP về sở hữu trí tuệ (Dự thảo 1, ngày 10/10/2022) quy định “Yếu tố xâm phạm quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm, gây phương hại đến danh dự và uy tín của tác giả:</p>	<p>Tiếp thu ý kiến Bộ Tư pháp, Vụ Pháp chế, VIPA, LS Nguyễn Thị Thu Hà: bỏ quy định tại khoản 4 Điều 14 dự thảo Nghị định.</p>

	<p>[là] xuyên tạc tác phẩm; sửa đổi, cắt xén tác phẩm gây phương hại tới danh dự và uy tín của tác giả;”</p> <p>So sánh với hai quy định trên, chúng tôi nhận thấy việc giải thích quyền “bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm” theo Khoản 4, Điều 14 Nghị định đang theo hướng mở rộng, vượt quá phạm vi quyền quy định tại khoản 4, Điều 19, Luật SHTT sửa đổi (2022), tới mức bao gồm mọi hành vi “sửa chữa, cắt xén tác phẩm hoặc sửa chữa, nâng cấp chương trình máy tính (trừ trường hợp có thoả thuận của tác giả)”, trong khi quyền “bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm” chỉ có thể thực thi khi việc “sửa chữa, cắt xén tác phẩm” được thực hiện tới mức “xuyên tạc tác phẩm hay gây phương hại tới danh dự và uy tín của tác giả”. Cách giải thích như vậy là quá rộng, không phù hợp với bản chất của loại quyền này, đồng thời mâu thuẫn với quy định tại khoản 1d, Điều 76, dự thảo Nghị định thay thế Nghị định 103 và 105/ND-CP về sở hữu trí tuệ (Dự thảo 1, ngày 10/10/2022).</p> <p>Đề xuất bổ sung đoạn: <i>“tới mức xuyên tạc tác phẩm hoặc gây phương hại đến danh dự và uy tín của tác giả”</i>.</p>	
<p><i>Điều 15. Quyền biểu diễn tác phẩm trước công chúng</i></p>		
<p>Quyền biểu diễn tác phẩm trước công chúng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 20 của Luật Sở hữu trí tuệ được hiểu như sau:</p> <p>1. Đối với tác phẩm thể hiện bằng ngôn ngữ, tác phẩm thể hiện dưới dạng chữ viết quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 14 của Luật Sở hữu trí tuệ: là</p>	<p><i>Bộ Nội vụ:</i> đề nghị nghiên cứu, biên tập lại cho phù hợp với tính chất của nội dung hướng dẫn thi hành. Trường hợp giữ nguyên như dự thảo, đề nghị kết cấu vào Điều 3 (giải thích từ ngữ) để thống nhất.</p>	<p><i>Giải trình ý kiến Bộ Nội vụ:</i> Xin được giữ như dự thảo đề quy định chi tiết làm rõ nội hàm quyền biểu diễn tác phẩm trước công chúng phù hợp với từng loại hình tác phẩm.</p>

quyền của chủ sở hữu quyền tác giả độc quyền thực hiện hoặc cho phép người khác thực hiện việc thuyết trình, trình bày của cá nhân làm cho công chúng cảm nhận được tác phẩm được bằng thính giác, bao gồm cả việc cảm nhận từ bên ngoài không gian nơi đang diễn ra thuyết trình qua màn hình, loa hoặc thiết bị kỹ thuật tương tự.

2. Đối với tác phẩm âm nhạc quy định tại điểm d khoản 1 Điều 14 của Luật Sở hữu trí tuệ: là quyền của chủ sở hữu quyền tác giả độc quyền thực hiện hoặc cho phép người khác thực hiện việc biểu diễn cá nhân làm cho công chúng cảm nhận được tác phẩm bằng thính giác hoặc trình bày tác phẩm trên sân khấu cho công chúng, bao gồm cả việc cảm nhận từ bên ngoài không gian nơi đang diễn ra việc biểu diễn qua màn hình, loa hoặc thiết bị kỹ thuật tương tự.

3. Đối với tác phẩm điện ảnh quy định tại điểm e khoản 1 Điều 14 của Luật Sở hữu trí tuệ: là quyền của chủ sở hữu quyền tác giả độc quyền thực hiện hoặc cho phép người khác thực hiện việc trình chiếu làm cho công chúng cảm nhận được tác phẩm điện ảnh thông qua các phương tiện kỹ thuật.

4. Đối với tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh quy định tại điểm g, h khoản

Trung tâm Bảo vệ quyền tác giả âm nhạc VN (VCPMC): Đề xuất sửa khoản 2 Điều 15 như sau: “2. ...*thực hiện việc biểu diễn tác phẩm một cách trực tiếp hoặc gián tiếp làm cho công chúng tiếp cận, cảm nhận được tác phẩm tại địa điểm mà công chúng có thể tiếp cận được nhưng công chúng không thể tự do lựa chọn thời gian và từng phần tác phẩm, bao gồm cả việc cảm nhận từ bên ngoài ...*”

Lý do: Phù hợp với điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 20 Luật SHTT.

Tiếp thu ý kiến VCPMC: sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 15 dự thảo như sau: “Đối với tác phẩm âm nhạc quy định tại điểm d khoản 1 Điều 14 của Luật Sở hữu trí tuệ: là quyền của chủ sở hữu quyền tác giả độc quyền thực hiện hoặc cho phép người khác thực hiện việc biểu diễn cá nhân làm cho công chúng tiếp cận, cảm nhận được tác phẩm bằng thính giác hoặc trình bày tác phẩm trên sân khấu cho công chúng nhưng công chúng không thể tự do lựa chọn thời gian và từng phần tác phẩm, bao gồm cả việc cảm nhận từ bên ngoài không gian nơi đang diễn ra việc biểu diễn qua màn hình, loa hoặc thiết bị kỹ thuật tương tự.”

Đồng thời, sửa tương ứng tại các khoản còn lại của Điều 15 dự thảo.

<p>1 Điều 14 của Luật Sở hữu trí tuệ: là quyền của chủ sở hữu quyền tác giả độc quyền thực hiện hoặc cho phép người khác thực hiện việc triển lãm, trưng bày, trình chiếu để công chúng xem bản gốc hoặc bản sao của tác phẩm.</p>		
	<p>Trung tâm Bảo vệ quyền tác giả âm nhạc VN (VCPMC): Bổ sung điều khoản hướng dẫn quy định tại điểm a khoản 3 Điều 20 Luật SHTT: “Sao chép tác phẩm chỉ để thực hiện các quyền khác theo quy định của Luật này là việc sao chép từ bản đã được định hình để thực hiện một quyền khác.”</p> <p>Lý do: Để làm rõ hành vi sao chép để thực hiện quyền khác trong trường hợp này là việc sao chép từ một bản đã được định hình trên bản ghi âm, ghi hình chứ không phải việc sao chép để tạo ra một bản định hình mới.</p>	<p>Giải trình ý kiến VCPMC:</p> <p>Tác phẩm được bảo hộ kể từ khi được sáng tạo và thể hiện dưới một hình thức vật chất nhất định.</p> <p>Do vậy, giải thích theo yếu tố “bản đã được định hình” là chưa phù hợp và không có nội dung quy định chi tiết so với quy định của Luật SHTT.</p> <p>Xin không bổ sung nội dung này tại dự thảo Nghị định.</p>
<p>Điều 16. Quyền của đồng tác giả</p>		
<p>1. Các đồng tác giả thỏa thuận về việc thực hiện quyền nhân thân và quyền tài sản đối với tác phẩm có đồng tác giả không được phản đối việc cho phép khai thác, sử dụng tác phẩm theo cách thông thường.</p> <p>2. Đồng tác giả có thể tuyên bố bằng văn bản về việc từ bỏ quyền của mình đối với tác phẩm quy định tại khoản 3 Điều 19 và khoản 1 Điều 20 của Luật Sở hữu trí tuệ và thông báo cho các đồng tác giả khác biết.</p> <p>Trường hợp tác phẩm không có phần</p>	<p>Bộ Tư pháp: khoản 2 Điều 16 dự thảo Nghị định quy định về việc đồng tác giả tuyên bố từ bỏ quyền của mình trong trường hợp tác phẩm không có phần riêng biệt có thể tách ra sử dụng độc lập nhưng chưa quy định về trường hợp tác phẩm có phần riêng biệt có thể tách ra sử dụng độc lập. Do đó, đề nghị nghiên cứu đề quy định cụ thể hơn.</p> <p>Vụ Pháp chế - BVHTTDL: khoản 1 Điều 16 dự thảo khó hiểu; khoản 2, 3 quy định mới so với Luật Sở hữu trí tuệ.</p> <p>LS Nguyễn Thị Thu Hà (Vission & Associates) + VIPA: Chúng tôi hiểu rằng quy định này nhằm giải thích khoản 3 Điều 12a Luật SHTT liên quan tới tài</p>	<p>Tiếp thu, giải trình ý kiến Bộ Tư pháp, Vụ Pháp chế, VIPA, LS Nguyễn Thị Thu Hà:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiếp thu, sửa đổi, bổ sung khoản 1, 2 Điều 16 dự thảo Nghị định theo hướng quy định rõ đồng tác giả, đồng chủ sở hữu quyền tác giả, các trường hợp từ bỏ phần quyền tài sản của mình đối với tác phẩm. - Khoản 2 Điều 16 được quy định dựa trên nguyên tắc của Bộ luật dân sự về sở hữu chung (Điều 218 BLDS), không phải nội dung thể hiện chính sách mới

<p>riêng biệt có thể tách ra sử dụng độc lập, quyền của đồng tác giả đã tuyên bố từ bỏ được tự động chuyển giao cho các đồng tác giả khác.</p>	<p>liệu cho thủ tục đăng ký quyền tác giả. Tuy nhiên, khi đưa vào Nghị định, quy định này sẽ được hiểu là quy định về việc từ bỏ quyền bởi các đồng tác giả trong các trường hợp nói chung, không chỉ phục vụ cho thủ tục đăng ký quyền tác giả. Với cách hiểu như vậy, chúng tôi có một số ý kiến như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyền quy định tại khoản 1 Điều 20 Luật SHTT sửa đổi (2022) là quyền tài sản. Quyền này thuộc về chủ sở hữu tác phẩm. Như vậy, việc quy định đồng tác giả từ bỏ quyền quy định tại khoản 1 Điều 20 Luật SHTT sửa đổi (2022) là không hợp lý. (Tác giả chỉ có thể thực hiện quyền này nếu tác giả đồng thời là chủ sở hữu, nhưng ngay cả khi đó, họ cũng thực hiện quyền với tư cách chủ sở hữu, không phải với tư cách tác giả); - Đề xuất quy định việc từ bỏ quyền bởi tác giả đơn nhất, do về bản chất, tác giả đơn nhất và đồng tác giả đều là tác giả của tác phẩm. Đồng tác giả có quyền nào thì tác giả đơn nhất cũng sẽ có quyền đó; - Đề xuất quy định về việc từ bỏ quyền của chủ sở hữu tác phẩm, cụ thể là đối với các quyền tài sản quy định tại khoản 1, Điều 20, Luật SHTT sửa đổi (2022); - Đề xuất quy định cụ thể trường hợp tác giả đơn nhất, hoặc toàn bộ các đồng tác giả đều từ bỏ quyền, khi đó quyền nhân thân của các đồng tác giả sẽ được xử lý như thế nào, có thuộc về công chúng hay không? - Đề xuất quy định cụ thể trường hợp sở hữu chủ đơn nhất, hoặc toàn bộ các đồng sở hữu chủ đều từ bỏ quyền, khi đó quyền tài sản của chủ sở hữu sẽ được xử lý như thế nào, có thuộc về công chúng 	<p>so với Luật SHTT. Quy định này nhằm tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân thực hiện pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan thuận lợi hơn.</p> <p>- Không quy định việc từ bỏ quyền của tác giả đơn nhất do Luật Sở hữu trí tuệ không quy định nguyên tắc này. Nội dung về từ bỏ quyền cần được tiếp tục nghiên cứu, đánh giá thêm.</p>
---	--	---

	hay không?	
Điều 18. Quyền của người biểu diễn		
<p>1. Quyền sao chép trực tiếp cuộc biểu diễn đã được định hình trên bản ghi âm, ghi hình theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 29 của Luật sở hữu trí tuệ là quyền của chủ sở hữu cuộc biểu diễn độc quyền thực hiện hoặc cho phép người khác thực hiện việc tạo ra các bản sao khác từ bản ghi âm, ghi hình đó.</p> <p>2. Quyền sao chép gián tiếp cuộc biểu diễn đã được định hình trên bản ghi âm, ghi hình theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 29 của Luật sở hữu trí tuệ là quyền của chủ sở hữu cuộc biểu diễn độc quyền thực hiện hoặc cho phép người khác thực hiện việc tạo ra các bản sao khác không từ bản ghi âm, ghi hình đó như việc sao chép từ chương trình phát sóng, mạng thông tin điện tử, mạng viễn thông, mạng Internet và các hình thức tương tự khác.</p> <p>3. Quyền truyền theo cách khác đạt đến công chúng cuộc biểu diễn chưa được định hình theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 29 của Luật sở hữu trí tuệ là quyền của chủ sở hữu cuộc biểu diễn độc quyền thực hiện hoặc cho phép người khác thực hiện việc phổ biến cuộc biểu diễn chưa được định hình đến công chúng bằng bất kỳ phương tiện kỹ thuật nào ngoài phát sóng.</p>	<p>Vụ Pháp chế - BVHTTDL: khoản 1, 2, 3 Điều 18 dự thảo nhắc lại quy định về việc chủ sở hữu độc quyền hoặc cho phép người khác thực hiện. Tuy nhiên, tại khoản 2 Điều 20 Luật Sở hữu trí tuệ đã khẳng định, tất cả các quyền tài sản đều do tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả độc quyền hoặc cho người khác thực hiện. Do vậy, không cần nhắc lại quy định này tại các quy định về các quyền cụ thể.</p>	<p>Giải trình ý kiến Vụ Pháp chế: xin được giữ như dự thảo để quy định diễn giải được quyền sao chép trực tiếp và gián tiếp cuộc biểu diễn đã được định hình trên bản ghi âm, ghi hình, quyền truyền đạt đến công chúng cuộc biểu diễn chưa được định hình của người biểu diễn.</p>
Điều 19. Thời hạn bảo hộ quyền tác giả		

<i>đối với tác phẩm di cảo</i>		
<p>Thời hạn bảo hộ quyền nhân thân quy định tại khoản 3 Điều 19 và quyền tài sản tác giả đối với tác phẩm di cảo thực hiện theo quy định tại Điều 20 27 của Luật Sở hữu trí tuệ. đối với Trường hợp tác phẩm di cảo không thuộc loại hình quy định tại điểm a khoản 2 Điều 27 của Luật Sở hữu trí tuệ thì thời hạn bảo hộ là năm mươi năm, kể từ khi tác phẩm được công bố lần đầu tiên tác giả chết.</p>	<p><i>Vụ Pháp chế - BVHTTDL:</i> cách diễn đạt như Điều 19 mâu thuẫn nhau.</p>	<p><i>Tiếp thu ý kiến Vụ Pháp chế:</i> Chỉnh lý lại quy định tại Điều 19 dự thảo.</p>
<p><i>Điều 21. Chuyển quyền sử dụng quyền tác giả, quyền liên quan</i></p>		
<p>Chuyển quyền sử dụng quyền tác giả, quyền liên quan quy định tại Điều 47 của Luật Sở hữu trí tuệ bao gồm cho phép tổ chức, cá nhân độc quyền hoặc cùng sử dụng một, một số hoặc toàn bộ các quyền quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 19, khoản 1 Điều 20, khoản 3 Điều 29, khoản 1 Điều 30 và khoản 1 Điều 31 của Luật Sở hữu trí tuệ với các điều kiện về thời gian, không gian, nội dung sử dụng.</p>	<p><i>Bộ Tư pháp:</i> Đề nghị chỉnh lý cụm từ “nội dung” thành “phạm vi” <i>Công ty Truyền thông Viettel:</i> đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau: “...với các điều kiện về thời gian, không gian, nội dung sử dụng, phương thức truyền đạt tác phẩm đến công chúng và các điều kiện khác”.</p> <p><i>Trung tâm Bảo vệ quyền tác giả âm nhạc VN (VCPMC):</i> Bổ sung điều khoản hướng dẫn quy định tại khoản 4 Điều 47 Luật SHTT: <i>“Tổ chức, cá nhân được chuyển quyền sử dụng quyền tác giả, quyền liên quan từ chủ sở hữu quyền tác giả, quyền liên quan theo quy định tại khoản 4 Điều 47 Luật Sở hữu trí tuệ, trường hợp là tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan thì thực hiện theo quy định tại Điều 56</i></p>	<p><i>Tiếp thu ý kiến Bộ Tư pháp:</i> chỉnh lý cụm từ “nội dung” thành “phạm vi”. <i>Giải trình ý kiến Công ty Truyền thông Viettel:</i> Nội dung về phương thức truyền đạt tác phẩm đến công chúng đã bao gồm trong phạm vi sử dụng và sẽ do các bên thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng quyền tác giả, quyền liên quan. <i>Tiếp thu, giải trình ý kiến VCPMC:</i> Tổ chức đại diện tập thể thực hiện quản lý quyền tác giả, quyền liên quan theo ủy quyền của tác giả, chủ sở hữu quyền và thực hiện cấp phép cho khai thác, sử dụng các quyền được ủy quyền thông qua chuyển quyền sử dụng lại. Tuy nhiên, quy định các trường hợp khác thực hiện theo quy định tại Điều</p>

	<p><i>Luật Sở hữu trí tuệ, các trường hợp khác thực hiện theo quy định tại Điều 57 Luật Sở hữu trí tuệ.</i></p> <p>Lý do: Việc đặt thêm điều kiện để thực hiện việc chuyển quyền không trái với nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự theo quy định tại Điều 3 Bộ luật Dân sự, vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 4 Bộ luật Dân sự, khi pháp luật về sở hữu trí tuệ quy định cụ thể điều kiện về việc chuyển quyền, tức bất cứ người nào đáp ứng các điều kiện chuyển quyền hoặc nhận chuyển quyền sử dụng quyền tác giả, quyền liên quan đều có thể thực hiện quyền của mình nhưng phải đáp ứng các điều kiện cụ thể theo nội dung góp ý ở trên.</p> <p>Việc cụ thể hóa nội dung thực hiện quyền như trên sẽ tránh gây hiểu nhầm trong việc chuyển quyền sử dụng lại phần quyền đang được chủ sở hữu quyền cho phép sử dụng với việc ủy quyền và cấp phép, phân phối quyền tác giả, quyền liên quan của các tổ chức, cá nhân. Trong trường hợp các tổ chức, cá nhân sử dụng quy định khoản 4 Điều 47 Luật Sở hữu trí tuệ để thực hiện việc cấp phép sử dụng quyền tác giả, quyền liên quan cho tổ chức khác dưới hình thức chuyển quyền lại sẽ gây khó khăn cho cơ quan nhà nước trong việc kiểm soát và quản lý Nhà nước về lĩnh vực quyền tác giả, quyền liên quan; đồng thời điều này cũng sẽ có nguy cơ gây ra sự rối loạn trong nền kinh tế thị trường.</p>	<p>57 Luật SHTT về tổ chức tư vấn, dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan là chưa bao quát hết các trường hợp, ví dụ trường hợp bên được chuyển quyền sử dụng lại là cá nhân, trường hợp tổ chức khác nhận chuyển quyền và sau đó chuyển quyền lại hợp pháp.</p> <p>Để có biện pháp kiểm soát hoạt động của các tổ chức khác trên thị trường hiện nay thực hiện nhận ủy quyền của một số lượng lớn tác giả, chủ sở hữu quyền để đi cấp phép và thu tiền bản quyền theo cơ chế dân sự đơn thuần, gây ra sự thiếu minh bạch, thiếu kiểm soát, có dấu hiệu của cạnh tranh không lành mạnh và nguy cơ gây rối loạn thị trường, xin được bổ sung quy định tại khoản 5 Điều 49 dự thảo Nghị định về việc thu, phân chia tiền bản quyền theo hướng <i>các tổ chức không phải là tổ chức đại diện tập thể mà thực hiện thu, phân chia tiền bản quyền theo ủy quyền thì phải thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 57 của Luật SHTT và các quy định pháp luật khác được liệt kê.</i></p>
<p><i>Điều 22. Sử dụng chương trình phát sóng</i></p>		
<p>1. Chủ sở hữu chương trình phát sóng theo quy định tại khoản 3 Điều 44 của</p>	<p><i>Vụ Pháp chế - BVHTTDL:</i> + Khoản 1: xem xét lại trích dẫn Luật, thay bằng</p>	<p><i>Tiếp thu, giải trình ý kiến Vụ Pháp chế:</i></p>

<p>Luật sở hữu trí tuệ là tổ chức phát sóng đầu tư tài chính và cơ sở vật chất - kỹ thuật của mình để phát sóng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.</p> <p>2. Khi sử dụng các tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình để sản xuất chương trình phát sóng, tổ chức phát sóng phải thực hiện nghĩa vụ với chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Tổ chức, cá nhân sử dụng chương trình phát sóng của tổ chức phát sóng khác theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 31 của Luật Sở hữu trí tuệ để tái phát sóng hoặc truyền qua cáp, trên mạng thông tin điện tử, mạng viễn thông, mạng Internet hoặc bất kỳ phương tiện kỹ thuật nào thực hiện theo thỏa thuận và các quy định pháp luật liên quan. Việc sửa đổi, cắt xén, bổ sung chương trình phát sóng của tổ chức phát sóng khác để tái phát sóng hoặc truyền qua cáp, trên mạng thông tin điện tử, mạng viễn thông, mạng Internet hoặc bất kỳ phương tiện kỹ thuật nào khác phải có sự thỏa thuận với chủ sở hữu chương trình phát sóng.</p>	<p>điểm c khoản 1 Điều 44.</p> <p>+ Khoản 3: quy định mới so với Luật Sở hữu trí tuệ.</p>	<p>- Chính lý lại khoản 1 Điều 22 dự thảo Nghị định</p> <p>- Về khoản 3 Điều 22: đây là nội dung đã được quy định tại Nghị định 22/2018/NĐ-CP. Nội dung này nhằm quy định chi tiết, hướng dẫn về việc tái phát sóng, truyền phát lại qua cáp, trên mạng... và phù hợp với quy định về quyền của tổ chức phát sóng tại Điều 31 Luật SHTT.</p>
<p>Điều 23. Sử dụng tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng mà Nhà nước là đại diện chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan</p>	<p>Cục Điện ảnh - BVHTTDL: trong thực tế có trường hợp tác phẩm điện ảnh chỉ sử dụng một phần ngân sách nhà nước, như vậy, cần xác định rõ trường hợp này tổ chức, cá nhân thực hiện các nghĩa vụ về tài sản với những đối tượng nào.</p>	<p>Giải trình ý kiến Cục Điện ảnh: trường hợp tác phẩm điện ảnh chỉ sử dụng một phần ngân sách nhà nước thì Nhà nước hưởng phần quyền tương ứng với phần đầu tư, góp vốn đó, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.</p>

1. Tổ chức, cá nhân sử dụng tác phẩm, **cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng thuộc sở hữu nhà nước mà Nhà nước là đại diện chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan** quy định tại khoản 1 Điều này **42 của Luật Sở hữu trí tuệ phải được phép của chủ sở hữu quyền tác giả và tôn trọng quyền nhân thân theo quy định tại các khoản 1, 2, và 4 Điều 19 và khoản 2 Điều 29 của Luật Sở hữu trí tuệ và thực hiện các nghĩa vụ đối với quyền tài sản quy định tại khoản 3 Điều 19, khoản 1 Điều 20, khoản 3 Điều 29, khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31 của Luật Sở hữu trí tuệ bao gồm xin phép sử dụng và trả tiền bản quyền theo quy định.**

Đài PTTH Quảng Bình: Chủ trương, chính sách hiện nay là khuyến khích sử dụng một số tác phẩm đã được chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước nhưng LSHTT chưa xác định rõ cơ chế sử dụng các tác phẩm này như thế nào, vì vậy, vẫn quy định rõ trong Nghị định hướng dẫn cụ thể các loại tác phẩm nào thuộc sở hữu Nhà nước, nếu sử dụng phải xin phép và các tác phẩm nào thì không cần phải xin phép.

Đài PTTH Tây Ninh: Các Đài Phát thanh và Truyền hình thực hiện nhiệm vụ chính trị sử dụng tác phẩm âm nhạc để phát sóng không có tài trợ, quảng cáo và không thu tiền dưới bất kỳ hình thức nào quy định tại điểm a khoản 1 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 33 của Luật Sở hữu trí tuệ không phải xin phép, chưa thống nhất với quy định tại khoản 1 Điều 23. Đề nghị: bỏ đoạn “xin phép sử dụng”, chỉ còn nghĩa vụ “trả tiền bản quyền theo quy định”.

Tiếp thu ý kiến Đài PTTH Quảng Bình + Đài PTTH Tây Ninh: sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 23 dự thảo như sau: “**Tổ chức, cá nhân sử dụng tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng thuộc sở hữu nhà nước mà Nhà nước là đại diện chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan** quy định tại khoản 1 Điều này **42 của Luật Sở hữu trí tuệ phải được phép của chủ sở hữu quyền tác giả và tôn trọng quyền nhân thân theo quy định tại các khoản 1, 2, và 4 Điều 19 và khoản 2 Điều 29 của Luật Sở hữu trí tuệ và thực hiện các nghĩa vụ đối với quyền tài sản như sau:**

a) **Phải xin phép sử dụng và trả tiền bản quyền đối với trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 19, khoản 1 Điều 20, khoản 3 Điều 29, khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31 của Luật Sở hữu trí tuệ;**

b) **Không phải xin phép sử dụng nhưng phải trả tiền bản quyền đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 26 và khoản 1 Điều 33 của Luật Sở hữu trí tuệ;**

c) **Không phải xin phép sử dụng và không phải trả tiền bản quyền đối với trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 20, khoản 1 Điều 25, Điều 25a,**

		<i>khoản 5 Điều 29, khoản 3 Điều 30, khoản 3 Điều 31 và khoản 1 Điều 32 của Luật Sở hữu trí tuệ.</i>
<p>2. Tổ chức, cá nhân thực hiện các nghĩa vụ quy định tại khoản 1 Điều này với cơ quan sau đây:</p> <p>a) Cơ quan sử dụng ngân sách nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ, đấu thầu để sáng tạo tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng trong trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 42 của Luật Sở hữu trí tuệ;</p> <p>b) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Bản quyền tác giả) trong trường hợp quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều 42 của Luật Sở hữu trí tuệ.</p> <p>3. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Bản quyền tác giả) chịu trách nhiệm nhận chuyển giao quyền tác giả, quyền liên quan của tổ chức, cá nhân quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều 42 của Luật Sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Bộ Tư pháp: Dự thảo Nghị định có một số quy định về thẩm quyền của Cục Bản quyền tác giả trong việc quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan. Tuy nhiên, khoản 2 Điều 11 Luật Sở hữu trí tuệ quy định “<i>Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện quản lý nhà nước về quyền tác giả và quyền liên quan</i>”. Do vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát lại dự thảo Nghị định, chỉnh lý cụm từ “<i>Cục Bản quyền tác giả</i>” thành “<i>Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch</i>” để đảm bảo tính thống nhất của dự thảo Nghị định với Luật Sở hữu trí tuệ.</p>	<p>Giải trình ý kiến Bộ Tư pháp: Xin được giữ như dự thảo, nêu rõ cơ quan quản lý để tạo thuận lợi cho người dân khi thực hiện pháp luật và làm việc với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</p>
<p>Điều 24. Sử dụng tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng mà Nhà nước là đại diện quản lý quyền tác giả, quyền liên quan</p>	<p>Sở VHTTDL Hưng Yên: Xem xét sửa đổi, bãi bỏ Điều 24, lý do: phù hợp điều kiện thực tế VN, đảm bảo thống nhất, đồng bộ hệ thống PL, tương thích các điều ước quốc tế VN đã tham gia; đặc biệt ngành Tòa án rất khó giải quyết vi phạm trong bối cảnh bùng nổ các phương tiện thông tin, mạng xã hội...</p>	<p>Giải trình ý kiến Sở VHTTDL Hưng Yên: Đây là nội dung mới được bổ sung quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2022 (khoản 2 Điều 42), nhằm giải quyết vướng mắc phát sinh từ thực tiễn. Vì vậy, xin giữ nội dung này.</p>

<p>1. Tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng mà Nhà nước là đại diện quản lý quyền tác giả, quyền liên quan quy định tại khoản 2 Điều 42 của Luật Sở hữu trí tuệ bao gồm:</p> <p>a) Tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng mà không thể tìm được hoặc xác định được chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan, đồng chủ sở hữu quyền tác giả, đồng chủ sở hữu quyền liên quan: là tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng đã công bố không có thông tin về tác giả, người biểu diễn, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan hoặc có thông tin về tác giả, người biểu diễn, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan là tổ chức, cá nhân Việt Nam nhưng không thể tìm được hoặc không liên hệ được.</p> <p>b) Tác phẩm khuyết danh: là tác phẩm không hoặc chưa có tên tác giả (tên khai sinh hoặc bút danh) trên tác phẩm khi công bố.</p> <p>Tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan, đồng chủ sở hữu quyền tác giả, đồng chủ sở hữu quyền liên quan quy định tại điểm a và điểm b khoản này sau đây gọi là “chủ thể quyền”.</p>	<p>Đài PTTH Vĩnh Long: - <i>Đối với tác phẩm khuyết danh:</i> đề xuất tổ chức, cá nhân có nhu cầu được sử dụng tự do tác phẩm, không phải trả tiền bản quyền, vì trong thực tế số lượng tác phẩm khuyết danh không nhiều, khoản thu tiền bản quyền là không lớn, do đó không cần thiết quy định thêm thủ tục tìm kiếm và thanh toán tiền bản quyền cho chủ thể quyền. Chỉ trong trường hợp xác định được tác giả của những tác phẩm này thì bên sử dụng phải thanh toán tiền kể từ thời điểm xác định được tác giả của tác phẩm.</p> <p>- <i>Đối với tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng mà không thể tìm được hoặc xác định được chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan:</i> đề nghị Cục BQTG dành riêng một trang web để các tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng mà không tìm được tác giả thì đăng tải thông tin tìm kiếm trên trang này và đăng ký việc sử dụng với Cục. Sau thời hạn 30 ngày, nếu không tìm được tác giả thì Cục tạm thời đưa tác phẩm này vào danh sách tác phẩm khuyết danh. Khi đó bên có nhu cầu được sử dụng tác phẩm và thanh toán tiền bản quyền kể từ thời điểm tìm được tác giả, chủ sở hữu. Việc quy định như trên sẽ góp phần đơn giản hóa thủ tục, tạo thuận lợi cho người sử dụng tác phẩm, góp phần truyền đạt tác phẩm đến đông đảo công chúng hưởng thụ.</p>	<p>Giải trình ý kiến Đài PTTH Vĩnh Long:</p> <p>Xin được giữ như dự thảo để vừa đảm bảo nhu cầu khai thác, sử dụng tác phẩm một cách hợp pháp của tổ chức cá nhân, vừa bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng cho các chủ thể quyền.</p> <p>Đây là nội dung mới được bổ sung quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2022 (khoản 2 Điều 42), nhằm giải quyết vướng mắc phát sinh từ thực tiễn.</p> <p>Tham khảo kinh nghiệm một số quốc gia như: Nhật Bản, Hàn Quốc, Anh Quốc...</p>
---	---	--

<p>7. Trách nhiệm quản lý tiền bản quyền:</p> <p>a) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm thu tiền bản quyền theo quy định tại khoản 3 Điều này và phải mở một tài khoản tiền bản quyền chung cho các chủ thể quyền không thể tìm thấy hoặc không liên hệ được;</p> <p>b) Trường hợp tìm thấy và liên hệ được chủ thể quyền đối với tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng đã được chấp thuận/phê duyệt sử dụng theo quy định của pháp luật thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu ngừng việc sử dụng và chuyển khoản tiền bản quyền thu được cho chủ thể quyền sau khi trừ chi phí quản lý, tìm kiếm theo quy định của pháp luật;</p> <p>c) Sau thời hạn 5 năm kể từ khi đăng tải trên trang thông tin điện tử về quyền tác giả, quyền liên quan mà vẫn không thể tìm thấy hoặc không liên hệ được với chủ thể quyền, khoản tiền bản quyền đã thu được sử dụng vào các hoạt động khuyến khích sáng tạo, tuyên truyền và đẩy mạnh thực thi bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Bộ Tư pháp: quy định tại khoản 7 Điều 24 dự thảo Nghị định (“<i>khoản tiền bản quyền đã thu được sử dụng vào các hoạt động khuyến khích sáng tạo, tuyên truyền và đẩy mạnh thực thi bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan theo quy định của pháp luật</i>”) không cụ thể, chi tiết hơn so với quy định tại khoản 5 Điều 56 Luật Sở hữu trí tuệ. Vì vậy, đề nghị xem xét, chỉnh lý lại quy định này.</p>	<p>Giải trình ý kiến Bộ Tư pháp: quy định tại điểm c khoản 7 Điều 24 dự thảo Nghị định về quản lý tiền bản quyền do sử dụng tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng mà Nhà nước đại diện quản lý quyền tác giả, quyền liên quan, khác với quy định tại khoản 5 Điều 56 Luật SHTT. Do đó, xin được giữ quy định như tại dự thảo.</p>
<p>Chương III GIỚI HẠN, NGOẠI LỆ QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN</p>		
	<p><i>TS. Nguyễn Thái Cường - Trường ĐH Luật TP.</i></p>	<p><i>Giải trình ý kiến TS. Nguyễn Thái</i></p>

	<p>HCM: điểm a khoản 1 Điều 25 LSHTT quy định trường hợp ngoại lệ không xâm phạm quyền tác giả: “<i>Tự sao chép một bản để nghiên cứu khoa học, học tập của cá nhân và không nhằm mục đích thương mại. Quy định này không áp dụng trong trường hợp sao chép bằng thiết bị sao chép</i>”. Thực tế xã hội hiện nay, nhu cầu học tập, nghiên cứu kiến thức của mọi người tăng cao. Bởi thế, nhu cầu sao chép trở nên vô cùng phổ biến, đặc biệt là trong môi trường giáo dục đại học. Vì vậy, cần có văn bản hướng dẫn thi hành khoản 1 điều 25 LSHTT về việc sao chép, trích dẫn tác phẩm.</p> <p>Thứ nhất, hành vi tự sao chép. Hành vi tự sao chép được hiểu là người sao chép phải tự mình thực hiện hành vi này mà không được nhờ sự can thiệp, giúp đỡ từ người khác, ví dụ như tự người sao chép sử dụng máy photocopy. Điều này là không hợp lý vì không phải bất kì cá nhân nào cũng có thể sử dụng thành thạo máy móc hỗ trợ sao chép và không phải cơ sở photocopy nào cũng cho phép người sao chép tự ý sử dụng máy móc của họ.</p> <p>Đề xuất: không nhất thiết phải là tự cá nhân thực hiện mà có thể nhờ sự hỗ trợ từ bên thứ ba (có thể là thư viện, các tổ chức khác) để thực hiện hành vi này. Miễn sao hành vi đó xuất phát từ ý chí của cá nhân đó. Cụ thể, tại điểm a khoản 1 điều 25 cần bỏ nội dung “<i>Tự sao chép</i>”</p> <p>Thứ hai, pháp luật quy định số lượng được phép sao chép là 1 bản. Điều này không khả thi về việc kiểm soát số lượng bản sao, xuất phát từ nhận thức pháp luật còn hạn chế của chủ thể và mong muốn tìm kiếm lợi nhuận của chủ cơ sở kinh doanh. Do</p>	<p>Cường:</p> <p>- Điểm a khoản 1 Điều 25 LSHTT quy định trường hợp ngoại lệ không xâm phạm quyền tác giả đối với hành vi tự sao chép một bản để nghiên cứu khoa học, học tập của cá nhân và không nhằm mục đích thương mại; và đã có quy định hướng dẫn về việc không được sao chép bằng thiết bị sao chép. Đồng thời, điểm này cũng quy định rõ số lượng bản sao được sao chép là một bản.</p> <p>Do đó, nhận thấy không cần quy định chi tiết nội dung này.</p> <p>- Quy định này được xây dựng trên cơ sở bảo đảm hài hòa lợi ích giữa tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, bên khai thác, sử dụng với công chúng hưởng thụ; và phù hợp với điều kiện thực tiễn Việt Nam hiện nay.</p>
--	---	---

	<p>đó, phải được xem xét theo tỉ lệ phần trăm nhất định tùy thuộc vào từng mục đích sử dụng, cụ thể là bổ sung tính định lượng trong việc sao chép.</p> <p>Pháp luật một số nơi trên thế giới cũng chú trọng vào quy định tính định lượng trong sao chép. Điển hình có thể kể đến pháp luật Đức có khá nhiều ngoại lệ trong việc sao chép tác phẩm cho mục tiêu giáo dục phù hợp với cách tiếp cận về chính sách phát triển giáo dục của Việt Nam, trong đó có việc định lượng theo tỷ lệ phần trăm nhất định cho từng hành vi và từng mục đích sao chép cụ thể... Ta có thể tham khảo và sửa đổi, bổ sung tính định lượng trong việc sao chép tùy thuộc vào từng mục đích sử dụng, ví dụ như :</p> <ul style="list-style-type: none"> + Mục đích học tập : tối đa 15 % + Mục đích giảng dạy : tối đa 15 % + Mục đích nghiên cứu khoa học : tối đa 75% 	
<p>Điều 26. Sao chép hợp lý một phần tác phẩm bằng thiết bị sao chép</p>	<p>Vụ Pháp chế - BVHTTDL: Tên điều nên ghi đầy đủ như điểm b khoản 1 Điều 25 của Luật Sở hữu trí tuệ.</p> <p>Cục Điện ảnh - BVHTTDL: tại Điều 26 quy định Sao chép hợp lý một phần tác phẩm bằng thiết bị sao chép và Điều 32 quy định Sao chép hợp lý một phần cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tuy nhiên tại 02 Điều này đều chưa có nội dung điều chỉnh liên quan đến sao chép hợp lý một phần tác phẩm điện ảnh được hiểu là như thế nào.</p>	<p>Tiếp thu, giải trình ý kiến Vụ Pháp chế: chỉnh lý lại, bổ sung khoản 1 điều 26 để dẫn chiếu phù hợp với điểm b khoản 1 Điều 25 của Luật Sở hữu trí tuệ. Còn tên điều xin được giữ nguyên để đảm bảo ngắn gọn, xác định đúng hành vi điều chỉnh.</p> <p>Giải trình ý kiến Cục Điện ảnh: Điều 26 dự thảo Nghị định quy định chi tiết đối với trường hợp sao chép tác phẩm thể hiện dưới dạng chữ viết, là đối tượng phổ biến của quy định này. Các loại hình tác phẩm còn lại sao chép hợp lý được xem xét dựa trên bước 2, 3 của phép thử 3 bước quy định tại khoản 2</p>

		Điều 25 Luật SHTT.
<p>1. Thiết bị sao chép quy định tại các điểm a, b và e khoản 1 Điều 25 của Luật Sở hữu trí tuệ là thiết bị có chức năng sao chép với toàn bộ hoặc một phần linh kiện liên quan được tự động hóa. trên cơ sở có hoặc không có trả phí bởi bất kỳ ai không thuộc về tổ chức sở hữu, chiếm hữu hoặc khai thác thương mại thiết bị đó.</p> <p>2. Đối với tác phẩm được thể hiện dưới dạng chữ viết, sao chép hợp lý một phần tác phẩm bằng thiết bị sao chép quy định tại điểm b và điểm e khoản 1 Điều 25 của Luật Sở hữu trí tuệ là hành vi sao chép bằng cách photocopy, chụp ảnh hoặc hình thức tương tự khác tối đa không quá 10% tổng số trang hoặc tổng đơn vị lưu trữ (bytes), tổng số từ của ấn bản, độ dài nội dung của ấn bản đối với tác phẩm được cung cấp dưới dạng ấn bản điện tử không chia trang. Hành vi sao chép hợp lý bằng thiết bị sao chép quy định tại khoản này phải là hành vi độc lập và nếu có sự lặp lại thì đó là các trường hợp riêng lẻ không liên quan đến nhau.</p> <p>3. Tổ chức, cá nhân sao chép tác phẩm được thể hiện dưới dạng chữ viết với tỷ lệ phần trăm nhiều hơn mức quy định tại khoản 2 Điều này phải được sự cho phép của chủ sở hữu quyền tác giả và</p>	<p>Bộ Tư pháp: đề nghị bổ sung quy định về số bản được phép sao chép để được coi là “sao chép hợp lý” theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Luật Sở hữu trí tuệ.</p> <p>đề nghị nghiên cứu, đánh giá kỹ lưỡng quy định “<i>tối đa không quá 10% tổng số trang hoặc tổng đơn vị lưu trữ...</i>”, đảm bảo phù hợp với trình độ phát triển kinh tế - xã hội hiện nay của Việt Nam.</p> <p>Sở VHTT TP Hồ Chí Minh: chọn PA2 (10%)</p> <p>LS Nguyễn Thị Thu Hà (Vission & Associates) + VIPA: Dự thảo đưa ra tỷ lệ phần trăm được coi là sao chép hợp lý là tối đa không quá 10% tổng số trang hoặc tổng đơn vị lưu trữ (bytes), tổng số từ của ấn bản...</p> <p>Con số “10%” được cho là tham khảo từ một số quốc gia như Sing, Úc, Đức; tuy nhiên, lý do này chưa đầy đủ để mức 10% mang tính thuyết phục cao.</p> <p>Ngoài ra, Nghị định chưa quy định về số lượng bản sao chép, ví dụ sao chép dưới 10% nhưng thành nhiều bản thì có thuộc trường hợp ngoại lệ hay không.</p> <p>Liên quan đến quy định “<i>Hành vi sao chép hợp lý bằng thiết bị sao chép quy định tại khoản này phải là hành vi độc lập và nếu có sự lặp lại thì đó là các trường hợp riêng lẻ không liên quan đến nhau</i>”, cần được giải thích rõ thêm về cách hiểu? Như thế nào là hành vi độc lập (độc lập với từng cá nhân thực hiện?).</p> <p>Bộ Giáo dục và Đào tạo: đề nghị xem xét có thể quy định tỷ lệ phần trăm sao chép hợp lý là không</p>	<p>Tiếp thu ý kiến Bộ Tư pháp, VIPA, LS Nguyễn Thị Thu Hà:</p> <p>- Bổ sung quy định hành vi sao chép hợp lý một bản một phần tác phẩm bằng thiết bị sao chép; bổ sung mục đích “<i>nghiên cứu khoa học, học tập của cá nhân không nhằm mục đích thương mại</i>” cho phù hợp với quy định Điều 25 Luật Sở hữu trí tuệ.</p> <p>- Chính lý lại đoạn rơi của khoản 2 Điều 26 dự thảo cho rõ nghĩa hơn.</p> <p>Giải trình ý kiến Bộ Giáo dục và Đào tạo: xin được giữ tỷ lệ 10% như tại</p>

<p>trả tiền bản quyền, quyền lợi vật chất khác (nếu có) cho chủ sở hữu quyền tác giả.</p>	<p>quá 15%.</p>	<p>khoản 2 Điều 26 dự thảo đề đảm bảo không quá mở rộng phạm vi ngoại lệ sẽ ảnh hưởng đến quyền, lợi ích của tác giả, chủ sở hữu quyền và lập luận thêm tại dự thảo Tờ trình, Bảng thuyết minh.</p>
<p>Điều 27. Sử dụng hợp lý tác phẩm</p>	<p>Vụ Pháp chế - BVHTTDL: Tên điều nên ghi đầy đủ như điểm c khoản 1 Điều 25 Luật Sở hữu trí tuệ.</p>	<p>Giải trình ý kiến Vụ Pháp chế: tên điều xin được giữ nguyên để đảm bảo ngắn gọn, xác định đúng hành vi điều chỉnh. Các nội dung về phạm vi sử dụng, mục đích sử dụng được quy định trong nội dung điều đảm bảo phù hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 25 Luật Sở hữu trí tuệ.</p>
<p>1. Sử dụng hợp lý tác phẩm để minh họa trong bài giảng, cuộc biểu diễn chưa được định hình nhằm mục đích giảng dạy quy định tại điểm c khoản 1 Điều 25 của Luật Sở hữu trí tuệ phải đáp ứng các điều kiện sau:</p> <p>a) Việc sử dụng tác phẩm để minh họa trong bài giảng, cuộc biểu diễn chưa được định hình phải bảo đảm chỉ sử dụng trong phạm vi buổi học và chỉ người học, người dạy trong buổi học đó có thể tiếp cận tác phẩm.</p> <p>Trường hợp sử dụng tác phẩm trong đề thi, đáp án kiểm tra kiến thức, kỹ năng trong hệ thống giáo dục quốc dân thì có thể sử dụng theo mức độ cần thiết;</p> <p>b) Việc sử dụng tác phẩm không gây thiệt hại một cách bất hợp lý đến lợi ích hợp pháp của tác giả, chủ sở hữu quyền</p>	<p>Hội nghị La Thành - Hà Nội: chưa có quy định cụ thể phạm vi hoạt động giáo dục được hưởng ngoại lệ. Đối với trường hợp ngoại lệ QTG trong giảng dạy, kinh nghiệm của Anh thì quy định chỉ áp dụng với các cơ sở giáo dục, tránh tình trạng các cơ sở dạy thêm, trung tâm, lò đào tạo hoạt động nhằm mục đích kinh doanh cũng được áp dụng ngoại lệ này.</p> <p>Trung tâm Bảo vệ quyền tác giả âm nhạc VN (VCPMC):</p> <p>- Đề xuất sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 27 như sau: <i>“Việc sử dụng tác phẩm không nhằm mục đích thương mại và không gây thiệt hại một cách bất hợp lý đến lợi ích hợp pháp của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả.”</i></p> <p>- Đề xuất sửa đổi khoản 2 Điều 27 như sau: <i>“2. Sử dụng hợp lý tác phẩm để minh họa trong ấn phẩm, cuộc biểu diễn đã được định hình trên bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng nhằm mục</i></p>	<p>Tiếp thu ý kiến tại Hội nghị La Thành - Hà Nội: Bổ sung quy định trong phạm vi các cơ sở giáo dục. Theo khoản 12 Điều 5 Luật Giáo dục năm 2019 thì <i>“Cơ sở giáo dục là tổ chức thực hiện hoạt động giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân gồm nhà trường và cơ sở giáo dục khác.”</i></p> <p>Giải trình ý kiến VCPMC: xin giữ như khoản 1 Điều 27 dự thảo để phù hợp với quy định của điểm c khoản 1 Điều 25 Luật SHTT, phù hợp với quy định tại Điều 10 Công ước Berne, phù hợp với yêu cầu của hoạt động giáo dục hiện nay.</p>

<p>tác giả.</p> <p>2. Sử dụng hợp lý tác phẩm để minh họa trong ấn phẩm, cuộc biểu diễn đã được định hình trên bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng nhằm mục đích giảng dạy quy định tại điểm c khoản 1 Điều 25 của Luật Sở hữu trí tuệ phải đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Điều 28 của Nghị định này.</p>	<p><i>đích giảng dạy quy định tại điểm c khoản 1 Điều 25 của Luật Sở hữu trí tuệ phải đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Điều 28 của Nghị định này và không nhằm mục đích thương mại.”</i></p> <p>Vụ Pháp chế - BVHTTDL: Khoản 2 không dẫn chiếu đến Điều 28 được hành vi khác nhau, do vậy, chỉ quy định tương tự.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến Vụ Pháp chế: chỉnh lý lại khoản 2 Điều 28 theo hướng quy định tương tự.</p>
<p>Điều 28. Trích dẫn hợp lý tác phẩm</p>		
<p>Trích dẫn hợp lý tác phẩm mà không làm sai ý tác giả để bình luận hoặc minh họa trong tác phẩm của mình quy định tại điểm b đ khoản 1 Điều 25 của Luật Sở hữu trí tuệ phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Phần trích dẫn chỉ nhằm mục đích giới thiệu, bình luận hoặc làm sáng tỏ vấn đề được đề cập trong tác phẩm của mình; 2. Phần trích dẫn từ tác phẩm được sử dụng để trích dẫn không gây phương hại đến quyền tác giả đối với tác phẩm được sử dụng để trích dẫn; phù hợp với tính chất, đặc điểm của loại hình tác phẩm được sử dụng để trích dẫn. <p>3. Việc trích dẫn phải kèm theo chỉ dẫn về nguồn gốc tác phẩm và tên tác giả, nếu tên tác giả được nêu trên tác phẩm sử dụng để trích dẫn.</p>	<p>Bộ Tư pháp: đề nghị xem xét, chỉnh lý quy định tại khoản 2 Điều 28 dự thảo Nghị định (“không gây phương hại đến quyền tác giả”) cho phù hợp với điều kiện “không được mâu thuẫn với việc khai thác bình thường tác phẩm và không gây thiệt hại một cách bất hợp lý đến lợi ích hợp pháp của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả” đã được quy định tại khoản 2 Điều 25 Luật Sở hữu trí tuệ.</p> <p>Vụ Pháp chế - BVHTTDL: Điều 28 chuyển xuống sau Điều 29 để phù hợp với trật tự của Luật Sở hữu trí tuệ. Tên điều nên ghi đầy đủ như điểm đ khoản 1 Điều 25 Luật Sở hữu trí tuệ.</p>	<p>Giải trình ý kiến Bộ Tư pháp: Không gây phương hại đến quyền tác giả đối với tác phẩm được sử dụng để trích dẫn được hiểu là khi đưa phần tác phẩm của người khác vào tác phẩm của mình phải không phương hại đến cả quyền nhân thân và quyền tài sản của người đó. Và việc đánh giá có phương hại hay không còn khá chủ quan và xét trên từng trường hợp cụ thể. Xin được giữ như dự thảo vì nội dung này được thực thi ổn định từ Nghị định 22/2018/NĐ-CP.</p> <p>Tiếp thu ý kiến Vụ Pháp chế: chuyển Điều 28 xuống sau Điều 29 để phù hợp với trật tự của Luật Sở hữu trí tuệ.</p>
<p>Điều 29. Sử dụng tác phẩm trong hoạt động công vụ của cơ quan nhà nước</p>		
<p>Cán bộ, công chức thực hiện hoạt động</p>	<p>Vụ Pháp chế - BVHTTDL: hạn chế hoạt động công</p>	<p>Giải trình ý kiến Vụ Pháp chế: xin</p>

<p>công vụ của cơ quan nhà nước quy định tại điểm d khoản 1 Điều 25 của Luật Sở hữu trí tuệ được sao chép, chuyển thể, triển lãm hoặc trưng bày tác phẩm phục vụ hoạt động tư pháp, hành chính hoặc báo cáo kết quả của các hoạt động đó.</p>	<p>vụ so với quy định tại điểm d khoản 1 Điều 25 Luật Sở hữu trí tuệ.</p>	<p>được giữ như dự thảo để đảm bảo phép thử 3 bước, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp cho tác giả, chủ sở hữu quyền, không mở rộng quá mức ngoại lệ quyền. Ví dụ: quy định tại Điều 29 dự thảo sẽ không bao gồm việc biểu diễn tác phẩm âm nhạc trong các chương trình thực hiện nhiệm vụ chính trị, tuyên truyền của địa phương được giao tổ chức.</p>
<p><i>Điều 30. Sử dụng tác phẩm trong hoạt động thư viện không nhằm mục đích thương mại</i></p>		
<p>2. Sao chép hợp lý một phần tác phẩm bằng thiết bị sao chép cho người khác phục vụ nghiên cứu, học tập quy định tại điểm e khoản 1 Điều 25 của Luật Sở hữu trí tuệ phải bao gồm thông tin về quyền tác giả xuất hiện trên bản sao được sao chép theo quy định của pháp luật, hoặc bao gồm chú thích rõ ràng về việc tác phẩm được bảo hộ quyền tác giả nếu không có thông tin nào về quyền tác giả được tìm thấy trên bản sao được sao chép.</p>	<p><i>Vụ Pháp chế - BVHTTDL:</i> Không có sự tương đồng với quy định về việc sao chép hợp lý một phần tác phẩm bằng thiết bị sao chép cho người khác phục vụ nghiên cứu, học tập trong hoạt động thư viện tại khoản 2 Điều 30 vì cùng mục đích, phương tiện nhưng quy định lại khác nhau.</p>	<p><i>Tiếp thu ý kiến Vụ Pháp chế:</i> chỉnh lý quy định tại khoản 2 Điều 30 dự thảo Nghị định, dẫn chiếu sang Điều 26.</p>
<p><i>Điều 31. Ngoại lệ không xâm phạm quyền tác giả dành cho người khuyết tật</i></p>	<p><i>NXB Tư pháp:</i> Bổ sung vào tên Điều 31 như sau: “Các trường hợp ngoại lệ không xâm phạm quyền tác giả dành cho người khuyết tật”.</p> <p><i>UNDP:</i> Cần nêu rõ ở Điều 31 của dự thảo: Các ngoại lệ dành cho NKT quy định trong Điều 25a của Luật là những ngoại lệ không cần xin phép chủ</p>	<p><i>Giải trình ý kiến NXB Tư pháp:</i> Nội dung của Điều 31 không quy định theo hướng phân chia thành các trường hợp ngoại lệ quyền. Do vậy xin giữ tên điều như dự thảo.</p> <p><i>Giải trình ý kiến UNDP:</i> Đã quy định tại điểm m khoản 1 Điều 25 Luật Sở</p>

	thể quyền và không phải trả phí.	hữu trí tuệ.
<p>1. Bản sao dưới định dạng dễ tiếp cận quy định tại Điều 25a của Luật Sở hữu trí tuệ là bản sao được thể hiện bằng cách chuyển định dạng thành chữ nổi Braille, ghi âm, chuyển đổi kỹ thuật số, hình ảnh thành lời nói, ngôn ngữ ký hiệu đi kèm hoặc bằng cách khác.</p>	<p>UNDP: Theo xu hướng xuất bản số và xuất bản dễ tiếp cận hiện nay để đảm bảo NKT được tiếp cận tác phẩm một cách công bằng và kịp thời như những độc giả khác, định dạng dễ tiếp cận không chỉ được tạo ra qua quá trình chuyển đổi, mà cũng được tạo ra từ việc xuất bản (ngay khi tác phẩm có mặt trên thị trường). Việc xuất bản ở định dạng dễ tiếp cận này sẽ giúp tiết kiệm nguồn lực con người, thời gian, và tài chính hơn rất nhiều so với cách chuyển đổi.</p> <p>Vì vậy, UNDP đề nghị sửa thành: “Bản sao dưới định dạng dễ tiếp cận quy định tại Điều 25a của Luật Sở hữu trí tuệ là bản sao ở định dạng chữ nổi... đảm bảo NKT sử dụng được thuận tiện”.</p> <p>Phần bổ sung này giúp làm rõ bản sao dễ tiếp cận phải đáp ứng đúng nhu cầu của NKT, tránh tình trạng vừa thừa, vừa thiếu sách dễ tiếp cận (ví dụ: sách được chuyển đổi sang chữ nổi, nhưng người nhìn kém lại cần sách phóng lớn). Thêm vào đó, Hiệp ước Marrakesh cũng không giới hạn ở những định dạng đặc thù cho NKT mà bất kỳ định dạng nào, được chuyển đổi bằng phương thức nào khả dụng và tiện dụng cho NKT cũng thuộc nội hàm của “bản sao ở định dạng dễ tiếp cận”, bao gồm cả những định dạng người không khuyết tật sử dụng được. Số lượng và loại định dạng sẽ thay đổi theo thời gian cùng với sự phát triển công nghệ, nên trong luật hiện hành không thể liệt kê hết các định dạng và phương thức chuyển đổi có thể thực hiện.</p> <p>Hội Người mù VN: đề nghị sửa như sau: “1. ... là bản sao được thể hiện bằng cách chuyển định dạng</p>	<p>Tiếp thu ý kiến UNDP, Hội Người mù VN:</p> <p>Chính lý khoản 1 Điều 31 dự thảo Nghị định để bản sao dưới định dạng dễ tiếp cận không chỉ được tạo ra bằng cách chuyển định dạng khác so với tác phẩm thông thường và bổ sung đoạn bảo sao này phải “đảm bảo người khuyết tật sử dụng được thuận tiện”.</p> <p><i>“Bản sao dưới định dạng dễ tiếp cận quy định tại Điều 25a của Luật Sở hữu trí tuệ là bản sao được thể hiện bằng cách chuyển định dạng thành chữ nổi, ghi âm, chuyển đổi kỹ thuật số, hình ảnh thành lời nói, ngôn ngữ ký hiệu đi kèm hoặc bằng cách khác định dạng hay phương thức khác bảo đảm người khuyết tật tiếp cận tác phẩm thuận lợi.”</i></p>

	<p><i>thành chữ nổi, ghi âm... hoặc bằng định dạng hay phương thức khác phù hợp với đặc điểm tiếp cận của người khuyết tật (hoặc đảm bảo cho người khuyết tật tiếp cận tác phẩm thuận lợi.”</i> Do có những trường hợp bản thân tác phẩm được thể hiện bằng định dạng dễ tiếp cận (không cần phải chuyển đổi) như: văn bản điện tử, ghi âm... Bên cạnh đó các bản sao dễ tiếp cận cần phù hợp với đặc điểm tiếp cận của các dạng tật khác nhau.</p>	
<p>2. Tổ chức đáp ứng điều kiện theo quy định của Chính phủ quy định tại khoản 2, 3, 4 và khoản 5 Điều 25a của Luật Sở hữu trí tuệ là tổ chức phi lợi nhuận, có hoạt động chính là cung cấp dịch vụ cho người khuyết tật trong các lĩnh vực giáo dục, đào tạo, đọc thích nghi và tiếp cận thông tin, bao gồm các tổ chức sau đây:</p> <p>a) Quỹ trợ giúp người khuyết tật quy định tại Luật Người Khuyết tật;</p> <p>b) Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập quy định tại Luật Người Khuyết tật;</p> <p>c) Cơ sở chăm sóc người khuyết tật bao gồm cơ sở dịch vụ hỗ trợ người khuyết tật, trung tâm hỗ trợ người khuyết tật sống độc lập, và cơ sở chăm sóc người khuyết tật khác quy định tại Luật Người Khuyết tật;</p> <p>d) Trường dành cho người khuyết tật quy định tại Luật Giáo dục;</p> <p>đ) Các tổ chức khác được Bộ Văn hóa,</p>	<p>Bộ Tư pháp: quy định giới hạn “<i>tổ chức đáp ứng điều kiện theo quy định của Chính phủ... là tổ chức phi lợi nhuận, có hoạt động chính là cung cấp dịch vụ cho người khuyết tật...</i>”, đề nghị xem xét tính hợp lý của quy định nêu trên.</p> <p>Thư viện QG - BVHTTDL: nên bổ sung Thư viện hoặc các đơn vị sự nghiệp có hoạt động phục vụ người khuyết tật vào ngoại lệ không xâm phạm quyền tác giả dành cho người khuyết tật</p> <p>UNDP:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cần giải thích cụm từ “đọc thích nghi” xuất hiện ở Điều 31(2) của dự thảo. Gợi ý cách giải thích: “là cách đọc bằng các giác quan khác nhau, có thể với sự trợ giúp của công cụ /công nghệ phù hợp để từng cá nhân tiếp cận thông tin một cách thuận tiện”. - Phạm vi các tổ chức này có phần hạn chế số lượng các tổ chức được Chính Phủ cho phép chuyển đổi và phân phối các bản sao dễ tiếp cận, khiến Việt Nam khó được hưởng lợi trọn vẹn từ những ngoại lệ mà Hiệp ước Marrakesh cho phép. <p>UNDP đề xuất mở rộng loại hình các tổ chức thành “<i>các cơ quan Nhà nước và các tổ chức phi lợi nhuận, phục vụ NKT trong giáo dục, đào tạo, đọc</i></p>	<p>Tiếp thu ý kiến Bộ Tư pháp, Thư viện QG, UNDP, Hội Người mù VN:</p> <p>Chỉnh lý các nội dung về “hoạt động chính”, “đọc thích nghi”, bổ sung cơ quan nhà nước, bổ sung quy định liệt kê một số tổ chức đáp ứng điều kiện là: thư viện, tổ chức của và vì người khuyết tật.</p> <p>“<i>Tổ chức đáp ứng điều kiện theo quy định của Chính phủ quy định tại khoản 2, 3, 4 và khoản 5 Điều 25a của Luật Sở hữu trí tuệ tổ chức phi lợi nhuận, cơ quan nhà nước có hoạt động hoặc chức năng, nhiệm vụ cung cấp dịch vụ cho người khuyết tật trong các lĩnh vực giáo dục, đào tạo, tiếp cận thông tin và đọc thích nghi theo phương pháp và cách thức phù hợp, bao gồm các tổ chức sau đây:</i></p> <p><i>a) Quỹ trợ giúp người khuyết tật quy định tại Luật Người Khuyết tật;</i></p> <p><i>b) Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập quy định tại Luật Người</i></p>

<p>Thể thao và Du lịch chấp thuận.</p>	<p><i>thích nghi hoặc tiếp cận thông tin trên cơ sở phi lợi nhuận như một trong những hoạt động chính hoặc nghĩa vụ đã được thể chế hóa của các tổ chức đờ</i>”, theo Điều 2 (c) của Hiệp ước Marrakesh. Các tổ chức này có thể bao gồm các trường phổ thông, bệnh viện công, thư viện, các tổ chức phi chính phủ hỗ trợ NKT (nhưng NKT không phải đối tượng hưởng lợi duy nhất), bên cạnh các đối tượng hưởng lợi khác như phụ nữ, người dân tộc thiểu số, người nghèo... Ngoài ra còn có “Các tổ chức khác được Bộ VH-TT&DL chấp thuận”. Tuy nhiên, việc mở rộng phạm vi cần được nêu rõ ngay từ phần đầu của Điều 31(2) để các tổ chức biết mình có đủ điều kiện hay không để tiến hành các bước xin Bộ VH-TT&DL cấp phép.</p> <p>Hội Người mù VN: đề nghị bổ sung các cơ quan nhà nước, các tổ chức có chức năng, nhiệm vụ/đã đăng ký hoạt động cung cấp dịch vụ cho người khuyết tật trong các lĩnh vực giáo dục, đào tạo, đọc theo phương pháp (hoặc cách thức) phù hợp và tiếp cận thông tin trên cơ sở phi lợi nhuận (Bên cạnh hoạt động phục vụ người khuyết tật, các tổ chức này có thể có các hoạt động phục vụ các đối tượng khác nhưng hoạt động phục vụ người khuyết tật phải là một hoạt động nằm trong chức năng, nhiệm vụ/ đã được đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước và trên cơ sở phi lợi nhuận; tham khảo điểm c Điều 2 Marrakesh. Nếu liệt kê cụ thể các tổ chức thì cần mở rộng các cơ quan, tổ chức theo quy định, trong đó có các tổ chức của và vì người khuyết tật.</p> <p>Về từ ngữ, cụm từ “<i>đọc thích nghi</i>” (adaptive reading) hơi khó hiểu đối với người Việt, có thể sửa</p>	<p><i>Khuyết tật;</i></p> <p><i>c) Cơ sở chăm sóc người khuyết tật bao gồm cơ sở dịch vụ hỗ trợ người khuyết tật, trung tâm hỗ trợ người khuyết tật sống độc lập, và cơ sở chăm sóc người khuyết tật khác quy định tại Luật Người Khuyết tật;</i></p> <p><i>d) Tổ chức của người khuyết tật, tổ chức vì người khuyết tật quy định tại Luật Người Khuyết tật;</i></p> <p><i>đ) Trường dành cho người khuyết tật quy định tại Luật Giáo dục;</i></p> <p><i>e) Thư viện quy định tại Luật Thư viện;</i></p> <p><i>đ) Các tổ chức khác đáp ứng điều kiện và được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chấp thuận.”</i></p>
---	--	---

	<p>thành: “<i>đọc theo phương pháp (hoặc cách thức) phù hợp</i>”.</p>	
<p>3. Tổ chức quy định tại khoản 2 Điều này phải thực hiện các nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Thông báo cho Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Bản quyền tác giả) khi tiến hành các hoạt động theo quy định tại Điều 25a Luật Sở hữu trí tuệ;</p> <p>b) Công khai danh mục bản sao tác phẩm dưới định dạng dễ tiếp cận trên trang thông tin điện tử của tổ chức;</p> <p>c) Báo cáo hằng năm cho Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Bản quyền tác giả) về việc thực hiện các hoạt động theo quy định tại Điều 25a Luật Sở hữu trí tuệ; chịu sự thanh tra, kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</p>	<p>UNDP:</p> <p>- Ba nghĩa vụ quy định trong dự thảo hiện nay có thể đặt ra gánh nặng đáng kể về mặt hành chính và không khuyến khích được nhiều tổ chức đáp ứng điều kiện theo quy định của Chính Phủ tham gia vào công tác chuyên đổi và phân phối bản sao dễ tiếp cận đặc biệt là các tổ chức cộng đồng nhỏ muốn giúp đỡ NKT, nhưng không có trang web để đáp ứng nghĩa vụ tại mục 31(3)(B) (Công khai danh mục bản sao tác phẩm dưới định dạng dễ tiếp cận trên trang thông tin điện tử của tổ chức).</p> <p>Vì Hiệp ước Marrakesh không bắt buộc các tổ chức được ủy quyền thực hiện các nghĩa vụ này, UNDP đề xuất bỏ hoặc giảm thiểu các nghĩa vụ này. Các tổ chức được Chính Phủ cho phép chỉ cần đáp ứng bốn điều kiện đã nêu trong Điều 2(C) của Hiệp ước Marrakesh và nộp báo cáo về việc thực thi bốn điều kiện này cho Bộ VH-TT&DL khi có yêu cầu. Thay vào đó, để thuận lợi cho công tác quản lý, Bộ VH-TT&DL có thể yêu cầu các tổ chức đáp ứng điều kiện theo quy định của Chính Phủ thông báo cho Cục bản quyền Tác giả (CBQTG) (1) Các tựa sách được chuyên đổi; (2) Thời gian chuyên đổi /phân phối /xuất khẩu /nhập khẩu; và (3) Chuyên đổi sang định dạng nào. Các thông tin này có thể được gửi về CBQTG qua e-mail hoặc một ứng dụng di động CBQTG sử dụng để quản lý kho bản sao dễ tiếp cận (UNDP có thể hỗ trợ phát triển ứng dụng này). Danh mục bản sao dễ tiếp cận tổng hợp từ các tổ chức đáp ứng điều kiện theo quy định của Chính</p>	<p>Tiếp thu, giải trình ý kiến UNDP, Hội Người mù VN:</p> <p>- Sửa đổi, bổ sung quy định tại khoản 3 Điều 31 dự thảo để phù hợp hơn với quy định của Hiệp ước Marrakesh, không đặt ra gánh nặng quá mức đối với các tổ chức này.</p> <p>- Bổ sung quy định về tôn trọng quyền riêng tư của người khuyết tật, phù hợp với Hiệp ước Marrakesh.</p> <p>- Bổ sung quy định về trách nhiệm đối với bản sao dễ tiếp cận được tạo ra</p> <p>“<i>Tổ chức quy định tại khoản 2 Điều này phải thực hiện các nghĩa vụ sau:</i></p> <p><i>a) Bảo đảm bản sao dưới định dạng dễ tiếp cận của tổ chức đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 25a của Luật Sở hữu trí tuệ;</i></p> <p><i>b) Thông báo cho Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Bản quyền tác giả) danh mục bản sao tác phẩm dưới định dạng dễ tiếp cận của tổ chức và công khai danh mục này trên trang thông tin điện tử của tổ chức nếu tổ chức có trang thông tin điện tử;</i></p> <p><i>c) Bảo đảm tôn trọng quyền riêng tư của người khuyết tật trên cơ sở bình đẳng với những người khác;</i></p> <p><i>d) Báo cáo hằng năm cho Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Bản quyền</i></p>

	<p>Phủ sẽ được công bố trên một trang web riêng của CBQTG, hoặc của một tổ chức cấp trung ương (như thư viện quốc gia) được CBQTG ủy quyền.</p> <p>- Thêm vào đó, quyền riêng tư của NKT cần được tôn trọng theo Điều 2(C)(IV) của Hiệp ước Marrakesh.</p> <p>- UNDP đề xuất bổ sung điều kiện (II) Điều 4(2)(A) của Hiệp ước Marrakesh về việc chuyển đổi, phân phối bản sao dễ tiếp cận của các tổ chức được ủy quyền vào Điều 31(3) của dự thảo: “<i>Được chuyển đổi sang định dạng dễ tiếp cận với những thay đổi cần thiết làm cho tác phẩm dễ tiếp cận, nhưng không được làm thay đổi nội dung của tác phẩm</i>”. Điều kiện (II) rất quan trọng để bảo đảm sự cân bằng lợi ích giữa công chúng hưởng thụ tác phẩm và chủ thể quyền, đồng thời cũng góp phần thúc đẩy sự hợp tác của các tác giả và nhà xuất bản trong việc cho phép các ngoại lệ chuyển đổi và phân phối bản sao dễ tiếp cận của các tác phẩm khi họ biết rằng việc xâm vi phạm bản quyền được quy định rõ ràng trong Nghị Định.</p> <p>- Cần có những hướng dẫn cụ thể cho các tổ chức đáp ứng điều kiện theo quy định của Chính Phủ thực hiện từng ngoại lệ được cho phép trong Điều 25A của Luật và những quy định xử phạt thích đáng đối với những vi phạm quyền tác giả, quyền liên quan và quyền thụ hưởng của NKT để đảm bảo quyền lợi cho các nhóm đối tượng</p> <p>Hội Người mù VN: cần nghiên cứu cân nhắc những vấn đề sau:</p> <p>- có những tổ chức không có trang thông tin điện tử riêng thì có thể công khai trên các phương tiện</p>	<p><i>tác giả) về việc thực hiện các hoạt động theo quy định tại Điều 25a Luật Sở hữu trí tuệ; chịu sự thanh tra, kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.”</i></p> <p>- Về đề xuất bổ sung nội dung “<i>Được chuyển đổi sang định dạng dễ tiếp cận với những thay đổi cần thiết làm cho tác phẩm dễ tiếp cận, nhưng không được làm thay đổi nội dung của tác phẩm</i>”: nội dung này đã được quy định tại khoản 1 Điều 25a Luật SHTT và định nghĩa bản sao dưới định dạng dễ tiếp cận.</p> <p>- Về việc xây dựng cơ sở dữ liệu về bản sao dưới định dạng dễ tiếp cận, xin được tiếp thu để tiếp tục nghiên cứu, đề xuất trong thời gian tới.</p>
--	--	---

	<p>truyền thông của tổ chức đó</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bộ VHTTDL/Cục BQTG hay có thể giao cho một cơ quan/tổ chức ở Trung ương tập hợp và đăng tải thông tin về tất cả các tác phẩm ở định dạng dễ tiếp cận, về lâu dài, cần xây dựng cơ sở dữ liệu để người khuyết tật và các tổ chức theo quy định được tiếp cận và sử dụng các tác phẩm đó - Bổ sung nghĩa vụ: trong quá trình tạo ra các bản sao dễ tiếp cận, có thể có những thay đổi cần thiết để tạo ra định dạng theo nhu cầu truy cập của người khuyết tật nhưng phải bảo đảm tính toàn vẹn của tác phẩm gốc (tham khảo điểm b Điều 2 Marrakesh) 	
<p><i>Điều 32. Sao chép hợp lý một phần cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng</i></p>		
<p>Sao chép hợp lý một phần cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng để giảng dạy trực tiếp của cá nhân và không nhằm mục đích thương mại quy định tại điểm c khoản 1 Điều 32 của Luật Sở hữu trí tuệ phải đáp ứng các điều kiện sau:</p> <p>1. Việc sao chép phải bảo đảm chỉ sử dụng trong phạm vi buổi học và chỉ người học, người dạy trong buổi học đó có thể tiếp cận đối với phần cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng được sao chép.</p> <p>Trường hợp sử dụng trong đề thi, đáp án kiểm tra kiến thức, kỹ năng trong hệ thống giáo dục quốc dân thì có thể sử dụng theo mức độ cần thiết;</p>	<p><i>Liên đoàn Công nghiệp Ghi âm quốc tế (IFPI):</i></p> <p>Đề nghị bổ sung đoạn:</p> <p><i>1. Tất cả các trường hợp ngoại lệ có trong khoản 1 Điều 32 của Luật SHTT chỉ được áp dụng khi các bản ghi âm có được một cách hợp pháp.</i></p>	<p><i>Giải trình ý kiến IFPI:</i></p> <p>Khoản 1 Điều 32 Luật SHTT quy định các trường hợp ngoại lệ không xâm phạm quyền liên quan áp dụng đối với cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng đã công bố.</p> <p>Mà theo quy định tại khoản 9 Điều 4 Luật SHTT, khoản 8 Điều 3 dự thảo Nghị định này thì hành vi công bố có yếu tố là phải được sự đồng ý của chủ sở hữu quyền.</p>

<p>2. Việc sao chép không gây thiệt hại một cách bất hợp lý đến lợi ích hợp pháp của chủ sở hữu quyền liên quan;</p> <p>3. Quy định này không áp dụng trong trường hợp cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng đã được công bố để giảng dạy.</p>		
<p>Điều 34. Bản sao tạm thời</p>		
<p>Bản sao tạm thời quy định tại điểm d đ khoản 1 Điều 32 của Luật sở hữu trí tuệ là bản định hình có thời hạn, do tổ chức phát sóng thực hiện bằng các phương tiện thiết bị của mình, nhằm phục vụ cho buổi phát sóng ngay sau đó của chính tổ chức phát sóng. Trong trường hợp đặc biệt thì bản sao đó được lưu trữ tại trung tâm lưu trữ chính thức.</p>	<p>Liên đoàn Công nghiệp Ghi âm quốc tế (IFPI): Đề nghị sửa như sau: <i>“Bản sao tạm thời... tổ chức phát sóng. Trong trường hợp đặc biệt thì bản sao đó được lưu trữ tại trung tâm lưu trữ chính thức. và phải đáp ứng các điều kiện sau:</i> <i>(i) Các bản sao không được lưu giữ lâu hơn 30 ngày;</i> <i>(ii) Các bản sao không được sử dụng để truyền phát quá ba lần; và</i> <i>(iii) Các tổ chức phát sóng không được sử dụng các bản sao này để tạo cơ sở dữ liệu vĩnh viễn về các tác phẩm có bản quyền mà tổ chức phát sóng sử dụng trong các hoạt động phát sóng của mình.”</i> dự thảo Nghị định cần quy định thêm phạm vi áp dụng để tránh việc lạm dụng quy định này. Để đạt được điều này và khiến cho các trường hợp ngoại lệ phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế, chúng tôi khuyến nghị rằng điều khoản này được sửa đổi để đưa ra các giới hạn hợp lý như trên: nên đưa vào giới hạn thời gian “tạm thời” để giới hạn các bản sao được tạo ra là các bản sao thực sự "tạm thời", tức là các bản sao không được lưu giữ lâu hơn 30</p>	<p>Giải trình ý kiến IFPI: Xin được giữ như dự thảo - Quy định về bản sao tạm thời do tổ chức phát sóng tự làm để phục vụ việc phát sóng khi tổ chức này được hưởng quyền phát sóng. - Các điều kiện cụ thể về thời hạn lưu giữ và sử dụng bản sao lưu tạm thời này thực hiện theo quy định về phát thanh, truyền hình. Với đặc thù kỹ thuật của lĩnh vực phát sóng và tính chất, đặc điểm, yêu cầu phát sóng chương trình phát sóng đó.</p>

	ngày...	
	<p>Liên đoàn Công nghiệp Ghi âm quốc tế (IFPI): Đề nghị bổ sung Điều 34a: “Điều 34a. Danh sách các trường hợp ngoại lệ không xâm phạm quyền liên quan Không có trường hợp ngoại lệ đối với xâm phạm quyền liên quan ngoài các trường hợp được liệt kê từ điểm a đến điểm đ khoản 1 Điều 32 Luật Sở hữu trí tuệ.”</p> <p>dự thảo Nghị định cần làm rõ rằng danh sách các trường hợp ngoại lệ nêu tại khoản 1 Điều 32 là một danh sách hoàn chỉnh, vì câu chữ của điều khoản này hiện vẫn chưa rõ ràng. Sự mơ hồ này mở ra cơ hội cho những bên sử dụng âm nhạc không thuộc các đối tượng được liệt kê tại Điều này cố tìm ra lý lẽ để lập luận rằng việc sử dụng âm nhạc của họ cũng nên được miễn trừ việc phải có được giấy phép, do đó làm tăng rủi ro phát sinh tranh chấp.</p>	<p>Giải trình ý kiến IFPI: quy định tại khoản 1 Điều 32 Luật SHTT là một danh sách cứng, không xem xét trường hợp nào khác ngoài những trường hợp đã được liệt kê là trường hợp được hưởng ngoại lệ quyền liên quan.</p>
<p>Điều 35. Sử dụng tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình trong trường hợp giới hạn quyền tác giả, giới hạn quyền liên quan</p>	<p>Vụ Pháp chế - BVHTTDL: Tên Điều nghiên cứu viết lại cho phù hợp với nội dung điều chỉnh.</p>	<p>Giải trình ý kiến Vụ Pháp chế: tên điều đã phù hợp với nội dung quy định của điều.</p>
<p>1. PA1: Sử dụng tác phẩm đã được chủ sở hữu quyền tác giả cho phép định hình trên bản ghi âm, ghi hình công bố nhằm mục đích thương mại trong hoạt động kinh doanh, thương mại theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 26 của Luật Sở hữu trí tuệ; bản ghi âm, ghi hình đã được công bố nhằm mục đích thương mại trong hoạt động kinh doanh, thương mại theo quy định tại điểm b khoản 2 1 Điều 33 của Luật Sở hữu trí tuệ</p>	<p>Chọn PA1: Bộ Nội vụ (quy định chặt chẽ và phù hợp với thực tiễn); Thông tấn xã VN; Cục Điện ảnh; Sở VHTT TP Hồ Chí Minh; Sở VHTTDL Yên Bái; Sở VHTTDL Sóc Trăng; Đài PTTH Tây Ninh; Trung tâm Bảo vệ quyền tác giả âm nhạc VN (VCPMC).</p>	<p>Nội dung này xin được giữ 2 phương án và đưa và bổ sung tại dự thảo Tờ trình ở phần Những vấn đề xin ý kiến. (Tiếp thu ý kiến Bộ Tư pháp, Vụ Pháp chế)</p>

là việc tổ chức, cá nhân sử dụng ~~trực tiếp~~ hoặc ~~gián tiếp~~ bản ghi âm, ghi hình đã công bố nhằm mục đích thương mại để sử dụng tại nhà hàng, khách sạn, cửa hàng, siêu thị; **khu vui chơi, giải trí, trung tâm thương mại; câu lạc bộ thể dục, chăm sóc sức khỏe - thẩm mỹ;** cơ sở kinh doanh dịch vụ karaoke; **quán bar, vũ trường;** dịch vụ ~~bưu chính, viễn thông, môi trường kỹ thuật số;~~ trong các hoạt động ~~du lịch, hàng không, giao thông công cộng~~ và các **hoạt động kinh doanh, thương mại có bản chất tương tự.**

PA2: Sử dụng tác phẩm đã được chủ sở hữu quyền tác giả cho phép định hình trên bản ghi âm, ghi hình công bố nhằm mục đích thương mại trong hoạt động kinh doanh, thương mại theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 26 của Luật sở hữu trí tuệ; bản ghi âm, ghi hình đã được công bố **nhằm mục đích thương mại** trong hoạt động kinh doanh, thương mại theo quy định tại **điểm b** khoản 2 1 Điều 33 của Luật sở hữu trí tuệ là việc tổ chức, cá nhân sử dụng trực tiếp hoặc gián tiếp bản ghi âm, ghi hình này tại nhà hàng, khách sạn, cửa hàng, siêu thị; **khu vui chơi, giải trí, trung tâm thương mại; câu lạc bộ thể dục, chăm sóc sức khỏe - thẩm mỹ;** cơ sở kinh doanh dịch vụ karaoke; **quán bar, vũ trường;** ~~dịch vụ bưu chính,~~ **trên môi trường mạng**

Chọn PA2:

Bộ Ngoại giao;

Bộ Giáo dục và Đào tạo (phù hợp với các bộ Luật hiện hành);

Bộ Công Thương (Môi trường mạng viễn thông và mạng Internet là một phương thức/hình thức sử dụng. Theo quy định của khoản 1 Điều 12 Luật SHTT sẽ có sự thỏa thuận giữa bên sử dụng và tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả. Do vậy nội dung thỏa thuận có thể bao gồm thỏa thuận về phương thức/hình thức sử dụng. Bên cạnh đó, hình thức sử dụng trên mạng viễn thông và mạng Internet là hình thức phổ biến và tất yếu hiện nay);

Bộ Thông tin và Truyền thông;

Đài Truyền hình VN;

Sở VH TTDL Sóc Trăng;

Vụ Kế hoạch, Tài chính - BVHTTDL (lý do: sử dụng tác phẩm ghi âm, ghi hình nhằm mục đích kinh doanh, thương mại “trên môi trường mạng viễn thông và Internet” là phương thức sử dụng ngày càng phổ biến và phát sinh doanh thu lớn so với những phương thức truyền thống);

Cục HTQT - BVHTTDL;

Công ty Truyền thông Viettel;

Tập đoàn Bưu chính viễn thông VN - VNPT (Để bảo vệ lợi ích hợp pháp của chủ sở hữu quyền tác giả đồng thời để nâng cao trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân khi sử dụng tác phẩm trên môi trường mạng viễn thông và mạng internet).

Hội nghị La Thành - Hà Nội: 7/22 chọn PA1; 12/22 chọn PA2; 2/22 không đồng ý

Bộ Tư pháp: dự thảo Nghị định hiện quy định 02

<p>viễn thông môi trường kỹ thuật số và mạng Internet; trong các hoạt động du lịch, hàng không, giao thông công cộng và các hoạt động kinh doanh, thương mại có bản chất tương tự.</p>	<p>Phương án, dự thảo Tờ trình (trang 6-7) đã phân tích ưu, nhược điểm của từng phương án nhưng cơ quan chủ trì soạn thảo chưa đề xuất lựa chọn phương án nào và lý do lựa chọn phương án, đề nghị bổ sung nội dung này tại dự thảo Tờ trình.</p> <p>Vụ Pháp chế - BVHTTDL: Cần nhắc đưa một phương án vào dự thảo. Việc xây dựng 02 phương án nên đưa vào Tờ trình, phân những vấn đề còn có ý kiến khác nhau.</p>	
	<p>Hội Luật gia VN: Trên thực tế, quá trình triển khai thu tiền nhuận bút, thù lao khi sử dụng bản ghi âm, ghi hình đã được công bố trong hoạt động kinh doanh thương mại thời gian qua cho thấy đây là vấn đề rất vướng mắc và vì vậy cần được xử lý rõ ràng trong Nghị định này.</p> <p>Ví dụ: việc thu tiền quyền tác giả của các sản phẩm âm nhạc tại khách sạn/cơ sở lưu trú du lịch: Việc yêu cầu các cơ sở lưu trú phải trả tiền tác quyền khi sử dụng các sản phẩm âm nhạc thông qua các ti vi ở trong phòng lưu trú gây nhiều băn khoăn cho đối tượng áp dụng: Tivi trong phòng khách sạn do khách hàng sử dụng, và không có gì đảm bảo là khách hàng sẽ sử dụng tivi hay khi sử dụng thì có mở xem các chương trình ca nhạc hay không. Trong trường hợp khách hàng không sử dụng/không xem các chương trình ca nhạc trên tivi, đồng nghĩa với việc khách sạn sẽ không khai thác bản ghi âm, ghi hình trong hoạt động kinh doanh của mình, do đó việc phải trả tiền tác quyền trong trường hợp này là không hợp lý. Nói cách khác, việc thu đồng loạt tiền tác quyền cho các sản phẩm âm nhạc được phát sóng trên tivi thông qua đếm số lượng tivi trong các</p>	<p>Giải trình ý kiến Hội Luật gia VN: Quy định của Luật SHTT và dự thảo Nghị định đảm bảo nguyên tắc người sử dụng chỉ phải trả tiền tác quyền khi có sử dụng tác phẩm và tôn trọng thỏa thuận giữa các bên.</p> <p>Về việc người sử dụng chỉ phải trả chi phí một lần một việc sử dụng của mình, Luật SHTT đã bổ sung các trường hợp hạn quyền tại khoản 3 Điều 20, khoản 5 Điều 29, khoản 3 Điều 30, khoản 3 Điều 31.</p>

	<p>phòng lưu trữ chưa phù hợp với bản chất của việc thu tác quyền các bản ghi âm, ghi hình. Hơn nữa, ngay cả khi khách hàng mở xem các chương trình âm nhạc phát sóng trên các tivi này thì cũng cần phải làm rõ đây bản chất là việc sử dụng bản ghi âm, ghi hình hay sử dụng chương trình phát sóng (có nội dung là các tác phẩm ghi âm, ghi hình)? Nếu là sử dụng chương trình phát sóng thì quy định này sẽ dẫn đến cách hiểu: Cơ sở lưu trữ phải trả tiền cho sản phẩm ghi âm, ghi hình và cho chương trình phát sóng (hiện nay là phần lớn đang sử dụng các kênh truyền hình trả tiền), tức trả 02 lần tiền tác giả cho một sản phẩm mà mình sử dụng. Điều này là chưa hợp lý.</p> <p>Để đảm bảo tính minh bạch trong chính sách và phù hợp với bản chất tác quyền, khi định nghĩa/giải thích cần chú ý bảo đảm các yêu cầu: (i) người sử dụng chỉ phải trả tiền tác quyền khi có sử dụng tác phẩm; (ii) người sử dụng chỉ phải trả chi phí một lần một việc sử dụng của mình.</p>	
	<p>Cty TNHH Truyền hình cáp Saigontourist (SCTV): Đề nghị có hướng dẫn chi tiết khái niệm “<i>tác phẩm đã công bố, tác phẩm đã được chủ sở hữu quyền tác giả cho phép định hình trên bản ghi âm, ghi hình công bố nhằm mục đích thương mại</i>” tại khoản 1 Điều 26 và “<i>bản ghi âm, ghi hình đã công bố nhằm mục đích thương mại</i>” tại khoản 1 Điều 33 LSHTT, đặc biệt là dấu hiệu xác định “<i>nhằm mục đích thương mại</i>” để giúp xác định chính xác đối tượng phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền bản quyền.</p>	<p>Giải trình ý kiến Cty Saigontourist: Hành vi nhằm mục đích thương mại là hành vi nhằm vào phát sinh lợi nhuận về kinh tế hoặc lợi ích khác. Nội dung này xin giữ như quy định tại dự thảo.</p>
	<p>Liên đoàn Công nghiệp Ghi âm quốc tế (IFPI):</p>	<p>Giải trình ý kiến IFPI:</p>

	<p>Đề nghị bỏ quy định này. Chúng tôi cho rằng không có lý do chính đáng nào cho việc bảo vệ quyền phát sóng và truyền đạt tới công chúng của nhà sản xuất bản ghi âm chỉ bằng quyền nhận tiền bản quyền và do đó không cho phép họ và nghệ sĩ ký kết các thỏa thuận trên cơ sở thương lượng tự do về việc sử dụng các quyền của họ. Quy định này trái với các tiêu chuẩn trong WPPT và nghĩa vụ của Việt Nam theo Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU. Cần phải nói thêm, việc miễn trừ như vậy cũng làm giảm thu nhập của nghệ sĩ và công ty thu âm, giảm nguồn thu có được để tái đầu tư vào các nghệ sĩ và tiết mục của Việt Nam.</p> <p>WPPT trao cho người biểu diễn và nhà sản xuất bản ghi âm quyền độc quyền phân phối tới công chúng, và quyền này là độc lập với quyền truyền đạt tới công chúng. Trên thực tế, mặc dù giới hạn mức độ bảo vệ tối thiểu đối với các hành vi truyền đạt tới công chúng và phát sóng ở mức độ quyền nhận tiền bản quyền nhưng WPPT trao quyền độc quyền phân phối tới công chúng và quyền này không thể bị biến thành một quyền nhận tiền bản quyền đơn thuần. Quy định này không làm ảnh hưởng đến việc các bên ký kết cấp mức độ bảo vệ cao hơn thông qua các quyền độc quyền.</p> <p>Nếu cơ quan soạn thảo quyết định giữ lại đoạn đầu tiên của Điều 35 trong dự thảo Nghị định, chúng tôi đề xuất rằng đoạn đó được diễn đạt như sau:</p> <p>(i) đặt ra giới hạn rõ ràng đối với trường hợp ngoại lệ quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 33 của Luật SHTT chỉ còn là hoạt động biểu diễn trước công chúng</p>	<p>Nội dung về giới hạn quyền tác giả, giới hạn quyền liên quan này đã được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 26 và điểm b khoản 1 Điều 33 Luật SHTT. Luật giao Chính phủ quy định chi tiết các hoạt động kinh doanh, thương mại được áp dụng giới hạn quyền.</p> <p>Do đó, xin được giữ nội dung này tại dự thảo.</p>
--	--	---

	<p>(ii) xóa việc dẫn chiếu quá rộng đến các trường hợp sử dụng trong môi trường mạng viễn thông và Internet trong danh sách các doanh nghiệp và các hoạt động thương mại hưởng lợi từ các trường hợp miễn trừ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 33; và</p> <p>(iii) quy định rõ ràng toàn bộ các doanh nghiệp và các hoạt động thương mại thực hiện việc biểu diễn trước công chúng của tác phẩm âm nhạc phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền bản quyền và danh sách được quy định trong Điều luật chỉ đơn thuần nêu một số ví dụ, chứ đó không phải toàn bộ các doanh nghiệp và các hoạt động thương mại phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền bản quyền.</p>	
<p>2. Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng theo quy định tại khoản 1 Điều 26, khoản 1 và khoản 2 Điều 33 của Luật Sở hữu trí tuệ có nghĩa vụ liên lạc trực tiếp với chủ sở hữu quyền tác giả, người biểu diễn, chủ sở hữu quyền liên quan hoặc tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan về việc khai thác, sử dụng, cung cấp danh mục, thời lượng tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình đã sử dụng và trả tiền bản quyền theo quy định của pháp luật.</p> <p>Trường hợp không tìm thấy hoặc không liên lạc trực tiếp được với chủ sở hữu quyền tác giả, người biểu diễn, chủ sở hữu quyền liên quan hoặc tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên</p>	<p>Đài PTTT Tây Ninh: Chủ thể quyền sở hữu trí tuệ có quyền áp dụng biện pháp công nghệ theo Điều 60 Nghị định này và theo Điều 198 Luật Sở hữu trí tuệ.</p> <p>Để tiết kiệm nguồn lực, nên cân nhắc khi quy định Tổ chức, cá nhân sử dụng tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình theo quy định tại khoản 1 Điều 26, khoản 1 Điều 33 của Luật sở hữu trí tuệ phải “<i>cung cấp danh mục, thời lượng tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình đã sử dụng</i>”.</p>	<p>Giải trình ý kiến Đài PTTT Tây Ninh: Biện pháp công nghệ bảo vệ quyền theo quy định tại khoản 10b Điều 4 Luật Sở hữu trí tuệ là biện pháp có chức năng chính nhằm bảo vệ quyền tác giả, quyền liên quan khỏi các hành vi xâm phạm.</p>

<p>quan thì tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tác phẩm, bản ghi âm ghi hình, chương trình phát sóng phải thông báo trên hoặc trên phương tiện thông tin đại chúng thực hiện nghĩa vụ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại khoản 5 Điều 24 của Nghị định này, cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp tục tìm kiếm, quản lý theo quy định tại khoản 7 Điều 24 của Nghị định này.</p>		
<p>3. Việc hưởng Tỷ lệ phân chia tiền bản quyền của người biểu diễn trong trường hợp bản ghi âm, ghi hình được sử dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 26 và khoản 1 Điều 33 của Luật Sở hữu trí tuệ tùy thuộc vào thực hiện theo thoả thuận của chủ sở hữu quyền tác giả, người biểu diễn, với nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình chủ sở hữu quyền liên quan đối với bản ghi âm, ghi hình đó khi thực hiện chương trình ghi âm, ghi hình. Trường hợp không đạt được thoả thuận thì thực hiện phân chia theo tỷ lệ như sau: Chủ sở hữu quyền tác giả hưởng 50%, người biểu diễn hưởng 25%; chủ sở hữu quyền liên quan đối với bản ghi âm, ghi hình hưởng 25% trên tổng số tiền bản quyền thu được.</p>	<p>Đài Truyền hình VN: đề nghị đơn vị soạn thảo nghiên cứu lại cơ sở, căn cứ và tính hợp lý khi đưa ra tỷ lệ phân chia như trên.</p> <p>Vụ Kế hoạch, Tài chính - BVHTTDL: Đề nghị xem xét và có cơ sở khoa học đối với việc ấn định tỷ lệ phần trăm tuyệt đối trong quy định về phân chia tiền bản quyền.</p> <p>Liên đoàn Công nghiệp Ghi âm quốc tế (IFPI): tỷ lệ phân chia tiền bản quyền có trong khoản 3 Điều 35 dự thảo Nghị định đối với các tình huống không có thoả thuận của chủ sở hữu quyền về các khoản thu đối với các quyền nhận tiền bản quyền đối với chương trình phát sóng và buổi biểu diễn trước công chúng chỉ có thể được áp dụng trong trường hợp biểu mức được xác định theo phụ lục của dự thảo Nghị định hoặc khi các chủ sở hữu quyền hoạt động theo cơ cấu một cửa liên thông. Quy định này không chỉ có lợi hơn với các tác giả theo cách không phản ánh giá trị kinh tế thực sự của các quyền được đề cập mà nó còn hạn chế sự nỗ lực của giữa các chủ sở hữu quyền để đạt được sự thoả thuận về việc phân chia các nguồn thu từ tiền bản</p>	<p>Tiếp thu ý kiến Đài THVN, Vụ Kế hoạch, Tài chính: bổ sung thuyết minh về nội dung này.</p> <p>Giải trình ý kiến IFPI: đây là nội dung được Luật SHTT giao quy định chi tiết tại khoản 2 Điều 44a của Luật SHTT. Quy định này nhằm đảm bảo phù hợp với quy định tại Điều 12 Công ước Rome, Điều 15 Hiệp ước WPPT, Điều 18.61 Hiệp định CPTPP, Điều 12.10 Hiệp định EVFTA.</p>

	<p>quyền. Như một thực tế hiển nhiên, các tác giả không có nhiều động lực để chấp nhận một tỷ lệ phân chia tiền bản quyền thấp hơn 50%, và những người biểu diễn và nhà sản xuất bản ghi âm sẽ từ chối một thỏa thuận không đảm bảo cho họ ít nhất 25% tiền bản quyền.</p> <p>Đề nghị bỏ quy định này.</p>	
<p>Điều 36. Trả tiền bản quyền trong trường hợp giới hạn quyền tác giả, giới hạn quyền liên quan</p>		
<p>1. Tổ chức, cá nhân sử dụng tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình đã công bố nhằm mục đích thương mại để phát sóng có tài trợ, quảng cáo hoặc thu tiền dưới bất kỳ hình thức nào quy định tại điểm a khoản 1 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 33 của Luật Sở hữu trí tuệ không phải xin phép, nhưng phải trả tiền bản quyền cho chủ sở hữu quyền tác giả, người biểu diễn, chủ sở hữu quyền liên quan đối với bản ghi âm, ghi hình theo thỏa thuận kể từ khi sử dụng; trường hợp không đạt được thỏa thuận thì phải trả tiền bản quyền theo biểu mức quy định tại Phụ lục I của Nghị định này hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Tổ chức, cá nhân sử dụng tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình đã công bố nhằm mục đích thương mại để phát sóng không có tài trợ, quảng cáo và không thu tiền dưới bất kỳ hình thức nào quy</p>	<p>Đài PTTH Đồng Tháp: đề nghị làm rõ trong trường hợp tổ chức, cá nhân sử dụng tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình đã công bố không nhằm mục đích thương mại (mang tính chính trị, tuyên truyền hoặc tính chất tương tự) thì có phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền bản quyền hay không.</p> <p>Về đối tượng áp dụng biểu mức tiền bản quyền theo Phụ lục I, có thể hiểu rằng, khi tổ chức, cá nhân sử dụng tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình thì trả tiền bản quyền trực tiếp cho chủ sở hữu quyền tác giả, người biểu diễn, chủ sở hữu quyền liên quan theo biểu mức nêu trên. Tuy nhiên, khi trả tiền bản quyền thông qua Tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả thì biểu mức tiền bản quyền lại do Tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả xây dựng. Mặc dù dự thảo Nghị định có quy định nhiều nội dung xây dựng biểu mức, tuy nhiên Đài chúng tôi nhận thấy cơ sở cơ bản nhất vẫn phải căn cứ vào Biểu mức tiền bản quyền theo Phụ lục 1 và 2.</p> <p>Liên đoàn Công nghiệp Ghi âm quốc tế (IFPI): tại các khoản 1, 2, 4, đề nghị quy định trả tiền bản quyền theo biểu mức quy định tại Điều 47 Nghị</p>	<p>Giải trình ý kiến Đài PTTH Đồng Tháp, IFPI:</p> <p>- Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 33, khoản 2 Điều 36 dự thảo thì phát sóng <u>không có tài trợ, quảng cáo và không thu tiền dưới bất kỳ hình thức nào không phải xin phép, nhưng phải trả tiền bản quyền</u> cho chủ sở hữu quyền tác giả, người biểu diễn, chủ sở hữu quyền liên quan đối với bản ghi âm, ghi hình theo biểu mức quy định tại Phụ lục I của Nghị định này hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật.</p> <p>- Các trường hợp giới hạn quyền thì áp dụng Phụ lục I, II. Trường hợp độc quyền thì các bên thỏa thuận về việc trả tiền bản quyền trên cơ sở biểu mức tiền bản quyền tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan xây dựng và đã được phê duyệt theo quy</p>

định tại điểm a khoản 1 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 33 của Luật Sở hữu trí tuệ không phải xin phép, nhưng phải trả tiền bản quyền cho chủ sở hữu quyền tác giả, người biểu diễn, chủ sở hữu quyền liên quan đối với bản ghi âm, ghi hình theo biểu mức quy định tại Phụ lục I của Nghị định này hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật.

3. Tổ chức phát sóng sử dụng tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này lấy một năm dương lịch làm thời gian quyết toán việc trả tiền bản quyền. Vào quý I hàng năm, tổ chức phát sóng phải thanh toán khoản tiền bản quyền phải trả của năm trước đó theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, trường hợp không trả tiền thì phải dừng việc tiếp tục sử dụng tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình.

4. Tổ chức, cá nhân sử dụng bản ghi âm, ghi hình đã công bố nhằm mục đích thương mại trong hoạt động kinh doanh, thương mại quy định tại điểm b khoản 1 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 33 của Luật Sở hữu trí tuệ và khoản 1 Điều 34 của Nghị định này không phải xin phép, nhưng phải trả tiền bản quyền cho chủ sở hữu quyền tác giả, người biểu diễn, chủ sở hữu quyền liên

định này; bỏ quy định về *trường hợp không thỏa thuận được thì trả tiền theo Phụ lục I, II.*

Việc quy định rằng các tỷ lệ biểu mức được áp dụng trong trường hợp các bên không đạt được thỏa thuận, dù có vẻ là mong muốn của nhà làm luật, sẽ làm mất đi động lực của các bên trong việc đi đến thỏa thuận. Như một lẽ tất nhiên, chủ sở hữu quyền sẽ chỉ đồng ý với biểu mức cao hơn mức được ghi trong phụ lục, trong khi người sử dụng sẽ chỉ đồng ý với mức giá thấp hơn.

Có sự khác biệt lớn trong các hoạt động kinh doanh và thương mại phải trả tiền bản quyền, đối với cách các chủ thể đó sử dụng âm nhạc và đối với giá trị của âm nhạc được sử dụng bởi những chủ thể đó. Ngoài ra, các biểu mức tỷ lệ này cần được cập nhật liên tục để tính đến các hạng mục người dùng mới, cách sử dụng âm nhạc mới và các yếu tố kinh tế khác. Do đó, có một sự rủi ro lớn rằng, danh mục các biểu mức được xác định bởi các công chức của Chính phủ không quen thuộc với thị trường, và tại một Nghị định sẽ được thông qua theo một quy trình nhanh chóng - (i) có thể không phản ánh đầy đủ thực tế của sự khác nhau giữa những người sử dụng, hoạt động sử dụng âm nhạc và giá trị của hoạt động sử dụng, và (ii) có thể không đủ linh hoạt để thích ứng với những thay đổi liên tục trong thực tế.

Ngoài ra, việc không đưa một số người dùng hoặc hoạt động sử dụng nhất định vào phụ lục có thể được coi là một thiếu sót trong việc đảm bảo quyền nhận tiền bản quyền.

Vụ Pháp chế - BVHTTDL: Khoản 3 nên bổ sung cụm từ “tổ chức, cá nhân sử dụng tác phẩm, bản ghi

định tại khoản 1 Điều 47 của dự thảo Nghị định này.

Giải trình ý kiến Vụ Pháp chế: quy định về lấy một năm dương lịch làm

<p>quan đối với bản ghi âm, ghi hình theo thỏa thuận kể từ khi sử dụng; trường hợp không đạt được thỏa thuận thì phải trả tiền bản quyền theo biểu mức quy định tại Phụ lục II của Nghị định này hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật. Trường hợp không trả tiền bản quyền trong thời hạn 90 ngày kể từ khi bắt đầu thỏa thuận thì phải dừng việc sử dụng.</p>	<p>âm, ghi hình đã công bố nhằm mục đích thương mại để phát sóng” sau cụm từ “tổ chức phát sóng” để đảm bảo phù hợp với Điều 26 và Điều 33 Luật Sở hữu trí tuệ.</p> <p>Cty TNHH Truyền hình cáp Saigontourist (SCTV):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khoản 3, đề nghị sửa thành: “Trường hợp các bên không tự thỏa thuận được, tổ chức phát sóng...”. - Khoản 4, đề nghị sửa thành: “... quy định tại điểm b khoản 1 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 33 của Luật SHTT và khoản 1 Điều 35 của Nghị định này...”. <p>Trung tâm Bảo vệ quyền tác giả âm nhạc VN (VCPMC):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề nghị sửa khoản 1: “...theo thỏa thuận kể từ khi sử dụng; trường hợp sau 90 ngày kể từ khi sử dụng nếu không đạt được thỏa thuận thì phải trả tiền bản quyền theo biểu mức quy định tại Phụ lục I của Nghị định này...”. - Đề nghị sửa khoản 3: “... làm thời gian quyết toán việc trả tiền bản quyền và cung cấp thời lượng phát, lượt phát, danh sách tác phẩm sử dụng, kê khai tổng thu nhập từ tài trợ, quảng cáo hoặc từ bất kỳ hình thức nào khác của tổ chức phát sóng. Vào quý I hàng năm, ..., trường hợp không trả tiền thì phải dừng việc tiếp tục sử dụng tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình.” - Đề nghị sửa khoản 4: “... Trường hợp không trả tiền bản quyền trong thời hạn 90 ngày kể từ khi sử dụng thì phải dừng việc sử dụng.” 	<p>thời gian quyết toán việc trả tiền bản quyền chỉ áp dụng và phù hợp với đặc điểm của tổ chức phát sóng. Các tổ chức, cá nhân khác trong trường hợp giới hạn quyền thì áp dụng thời gian ngắn hơn.</p> <p>Tiếp thu ý kiến Cty Saigontourist:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bổ sung tại khoản 3: “<i>Quy định tại khoản này không áp dụng trong trường hợp các bên có thỏa thuận khác.</i>” - Chính lý dẫn chiếu điều tại khoản 4. <p>Tiếp thu, giải trình ý kiến VCPMC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Về đề nghị bổ sung “sau 90 ngày...” tại khoản 1: nội dung này đã được quy định tại khoản 3 Điều này (một quý). - Nghĩa vụ tổ chức, cá nhân sử dụng phải cung cấp danh mục, thời lượng ... sử dụng đã quy định tại khoản 2 Điều 35 dự thảo Nghị định. - Tiếp thu, chính lý cụm từ “kể từ khi sử dụng” tại khoản 4 Điều này.
--	--	---

	Lý do: Thời điểm bắt đầu thỏa thuận không thể xác định được trong trường hợp chủ sở hữu quyền yêu cầu người sử dụng thực hiện nghĩa vụ quyền tác giả nhưng người sử dụng không có phản hồi (thực hiện có nhiều đơn vị có hành vi xâm phạm quyền tác giả nhưng không bao giờ phản hồi công văn đề nghị thực hiện quyền tác giả và từ chối trao đổi, thỏa thuận việc thực hiện nghĩa vụ quyền tác giả).	
	Vụ Pháp chế - BVHTTDL: Bổ sung quy định về trả tiền trong trường hợp tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác, sử dụng tác phẩm đã công bố của tổ chức, cá nhân Việt Nam nhưng không thể tìm được hoặc không xác định được chủ sở hữu quyền tác giả.	Giải trình ý kiến Vụ Pháp chế: Quy định biểu mức tiền bản quyền trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 23, khoản 5 Điều 24 của Nghị định được quy định tại Nghị định 21/2015/NĐ-CP quy định nhuận bút, thù lao đối với tác phẩm điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác và Nghị định 18/2014/NĐ-CP quy định chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản.
Chương IV ĐĂNG KÝ QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN		
Điều 39. Nộp hồ sơ đăng ký quyền tác giả, đăng ký quyền liên quan		
1. Tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan là cá nhân, tổ chức Việt Nam, cá nhân nước ngoài thường trú tại Việt Nam, tổ chức nước ngoài có trụ sở, văn phòng đại diện hoặc chi nhánh tại Việt Nam trực tiếp	Liên đoàn Công nghiệp Ghi âm quốc tế (IFPI): Chúng tôi lưu ý rằng ảnh hưởng của khoản 1 và khoản 3 Điều 39 của Dự thảo Nghị định là việc quy định rằng cá nhân nước ngoài không cư trú tại Việt Nam và tổ chức nước ngoài không thể trực tiếp nộp hồ sơ hoặc nộp qua công dịch vụ công trực tuyến	Giải trình ý kiến IFPI: Điều 50 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2022 quy định Tờ khai đăng ký quyền tác giả, đăng ký quyền liên quan phải được làm bằng tiếng Việt và một số tài liệu quy định tại Hồ sơ đăng ký quyền tác giả, đăng

<p>hoặc ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác nộp hồ sơ đăng ký quyền tác giả, đăng ký quyền liên quan trực tiếp hoặc thông qua đại diện hợp pháp tại Việt Nam tại Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Bản quyền tác giả hoặc Văn phòng đại diện của Cục Bản quyền tác giả tại thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Đà Nẵng). Hồ sơ có thể gửi qua đường bưu điện.</p>	<p>được quy định trong khoản 4 Điều 39 và thay vào đó phải nộp hồ sơ thông qua các tổ chức tư vấn, dịch vụ.</p> <p>Chúng tôi cho rằng đây là một nghĩa vụ không cần thiết, có tính hạn chế và phân biệt đối xử mà không hề tạo điều kiện cho việc bảo hộ quyền tác giả ở Việt Nam, cũng như không phù hợp với thông lệ của các cơ quan đăng ký bản quyền khác, do đó nên bị loại bỏ.</p>	<p>ký quyền liên quan phải được làm bằng tiếng Việt, trường hợp làm bằng ngôn ngữ khác thì phải được dịch ra tiếng Việt.</p> <p>Hơn nữa, việc đăng ký quyền tác giả, đăng ký quyền liên quan tại mỗi nước lại có sự khác nhau từ Tờ khai cho tới thành phần hồ sơ.</p> <p>Vì vậy xin giữ quy định như tại khoản 1 Điều này. Tương ứng quy định về nộp hồ sơ đăng ký sở hữu công nghiệp cũng quy định như trên (Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ KHCN)</p>
<p>Điều 40. Điều kiện, thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan</p>		
<p>2. Thành phần hồ sơ thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan quy định tại khoản 2 Điều 50 của Luật Sở hữu trí tuệ bao gồm:</p> <p>a) Tờ khai đăng ký quyền tác giả, đăng ký quyền liên quan (theo mẫu) do chính tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan ký tên hoặc điểm chỉ, trừ trường hợp không có khả năng về thể chất để ký tên hoặc điểm chỉ;</p> <p>b) 02 bản sao tác phẩm, hoặc 02 bản sao bản định hình cuộc biểu diễn, bản</p>	<p>Bộ Tư pháp: Đề nghị chỉnh lý cụm từ “nội dung” thành “phạm vi” tại điểm c khoản 2.</p> <p>Đề nghị Cụm từ “<i>phải có xác thực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền</i>” tại các điều khoản của dự thảo Nghị định cần được sửa thành “<i>phải được công chứng hoặc chứng thực</i>” để đảm bảo tính chính xác.</p> <p>Bộ Nội vụ: đề nghị rà soát quy định các bản sao có công chứng, chứng thực trong toàn nội dung dự thảo để thống nhất với quy định tại Nghị định 23/2015/NĐ-CP về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.</p> <p>LS Nguyễn Thị Thu Hà (Vission & Associates) + VIPA: tại điểm c, đề nghị xem xét bỏ quy định về Giấy ủy quyền trong trường hợp bên ủy quyền là cá</p>	<p>Tiếp thu ý kiến Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ:</p> <p>- Chỉnh lý cụm từ “nội dung” thành “phạm vi” tại điểm c khoản 2 Điều 40 dự thảo.</p> <p>- Rà soát lại quy định của Nghị định 23/2015/NĐ-CP liên quan đến các nội dung chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch và chỉnh lý tại dự thảo.</p> <p>Giải trình ý kiến VIPA, LS Nguyễn Thị Thu Hà: Trên thực tế, có rất nhiều trường hợp bên được ủy quyền ký hộ,</p>

<p>ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng;</p> <p>c) Giấy ủy quyền nếu người nộp hồ sơ là người được tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan ủy quyền. Giấy ủy quyền phải ghi cụ thể thông tin liên hệ của bên ủy quyền và bên nhận ủy quyền; tên tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng; nội dung ủy quyền; thời hạn ủy quyền.</p> <p>Trường hợp bên ủy quyền là cá nhân thì Giấy ủy quyền phải có xác thực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;</p> <p>d) Tài liệu chứng minh là chủ sở hữu quyền:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tài liệu chứng minh nhân thân đối với cá nhân: 01 bản sao Chứng minh nhân dân hoặc Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu; - Tài liệu chứng minh tư cách pháp lý đối với tổ chức: 01 bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép thành lập hoặc Quyết định thành lập; - Tài liệu chứng minh chủ sở hữu quyền do giao nhiệm vụ sáng tạo là quyết định giao nhiệm vụ hoặc xác nhận giao nhiệm vụ cho cá nhân thuộc đơn vị, tổ chức đó; - Tài liệu chứng minh chủ sở hữu quyền do giao kết hợp đồng sáng tạo là 	<p>nhân thì phải có xác thực của CQNN có thẩm quyền. Chúng tôi cho rằng đây là một quy định về thủ tục hành chính gây nhiều khó khăn, tốn kém cho chủ sở hữu quyền là cá nhân. Thực tế Giấy ủy quyền liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp nộp tới Cục Sở hữu trí tuệ cũng không yêu cầu xác thực của cơ quan có thẩm quyền, bất kể người nộp đơn là cá nhân hay tổ chức, là cá nhân/ tổ chức Việt Nam hay nước ngoài.</p> <p><i>Hội Luật gia VN:</i> Đề tạo điều kiện cho tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan, đề nghị bổ sung nội dung nếu nộp các bản sao (không có chứng thực) thì có thể cung cấp các bản chính để đối chiếu mà không cần phải chứng thực các bản sao.</p>	<p>ký giả chữ ký của bên ủy quyền là cá nhân. Khác với tổ chức có con dấu, cá nhân chỉ có chữ ký nên rất dễ có hành vi lừa dối bằng việc ký hộ, ký giả. Vì vậy, để đảm bảo quyền và lợi ích của bên ủy quyền, việc quy định văn bản ủy quyền trong trường hợp bên ủy quyền là cá nhân thì phải có xác thực của CQNN có thẩm quyền là hợp lý.</p> <p>Khác với lĩnh vực sở hữu công nghiệp bảo vệ lợi ích của chủ sở hữu quyền thì lĩnh vực quyền tác giả, quyền liên quan coi trọng yếu tố sáng tạo, bảo vệ cả quyền lợi của tác giả nữa.</p> <p>Xin giữ nội dung này và chỉnh lý kỹ thuật thành <i>phải được chứng thực</i> tại khoản 2 Điều 40 dự thảo Nghị định.</p> <p><i>Giải trình ý kiến Hội Luật gia VN:</i> Trên thực tế có những tài liệu, hợp đồng rất dài và phức tạp. Trong khoảng thời gian tiếp công dân, chuyên viên thụ lý không thể đối chiếu đảm bảo chính xác, việc này tốn rất nhiều thời gian. Hơn nữa, chuyên viên tiếp nhận hồ sơ không có chuyên môn chính về việc đối chiếu này.</p> <p>Bản gốc hoặc bản sao có chứng thực sẽ là căn cứ pháp lý chắc chắn hơn cho việc thẩm định hồ sơ, cấp Giấy chứng nhận và xử lý các vụ việc phát sinh tranh chấp, khiếu nại.</p>
--	--	--

hợp đồng, thể lệ, quy chế tổ chức cuộc thi;

- Tài liệu chứng minh chủ sở hữu quyền do được thừa kế là văn bản xác định quyền thừa kế có công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật;
- Tài liệu chứng minh chủ sở hữu quyền do được chuyển giao quyền là hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho, mua bán, góp vốn, bằng văn bản có công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật;
- Trong trường hợp tác giả không đồng thời là chủ sở hữu quyền tác giả phải có văn bản cam đoan về việc tự sáng tạo và sáng tạo theo quyết định/ xác nhận giao việc; hợp đồng; tham gia cuộc thi và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam đoan.

Tài liệu chứng minh chủ sở hữu quyền do giao nhiệm vụ sáng tạo, giao kết hợp đồng sáng tạo, được chuyển giao quyền quy định tại khoản này phải là bản gốc hoặc bản sao có công chứng, chứng thực.

- đ) Văn bản đồng ý của các đồng tác giả, nếu tác phẩm có đồng tác giả;
- e) Văn bản đồng ý của các đồng chủ sở hữu, nếu quyền tác giả, quyền liên quan thuộc sở hữu chung;
- g) Trường hợp trong tác phẩm có sử

<p>dùng hình ảnh cá nhân của người khác thì phải được sự đồng ý bằng văn bản của người đó theo quy định của pháp luật.</p> <p>Tài liệu quy định tại các điểm c, d, đ, e khoản này phải được làm bằng tiếng Việt; trường hợp làm bằng ngôn ngữ khác thì phải được dịch ra tiếng Việt (có công chứng hoặc hợp pháp hóa lãnh sự).</p> <p>Hồ sơ đăng ký quyền tác giả, đăng ký quyền liên quan phải có ít nhất 01 tài liệu có chứng thực chữ ký hoặc hợp pháp hóa lãnh sự chữ ký của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan là cá nhân.</p>		
<p>4. Thủ tục cấp:</p> <p>a) Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 39 của Nghị định này và phí, lệ phí theo quy định của pháp luật;</p> <p>b) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét thụ lý hồ sơ trong thời hạn một tháng kể từ ngày nhận được hồ sơ;</p> <p>c) Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền thông báo cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ và nộp lại trong thời hạn một tháng. Hết thời hạn này mà tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ không tiến hành sửa đổi, bổ sung tài liệu hoặc không có ý kiến phản hồi, tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ không</p>	<p><i>Hội Luật gia VN:</i> Thời hạn quy định tại điểm b là 1 tháng và thời hạn quy định tại điểm d là 15 ngày làm việc, hơn nữa, Điều 52, Luật SHTT sửa đổi năm 2022 có quy định: “<i>Trong thời hạn mười lăm ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, cơ quan quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan có trách nhiệm cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan cho người nộp hồ sơ. Trong trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan thì cơ quan quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho người nộp hồ sơ</i>”. Như vậy, quy định về thời hạn giải quyết thủ tục hành chính giải quyết hồ sơ đang có sự chưa rõ ràng, không thống nhất, cần</p>	<p><i>Tiếp thu, giải trình ý kiến Hội Luật gia VN:</i></p> <p>- Tiếp thu ý kiến thống nhất thời gian thụ lý hồ sơ đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan theo quy định tại điểm b và điểm d</p> <p>Điểm b sửa thành <i>Cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét ra thông báo thụ lý hồ sơ hợp lệ trong thời hạn một tháng kể từ ngày nhận được hồ sơ</i></p> <p>- Về điểm c quy định thông báo về việc hoàn thiện hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ:</p> <p>Thực tế khi thụ lý hồ sơ đăng ký có những lỗi hồ sơ rất nhỏ như ngày tháng năm, thông tin về tác giả, chủ sở hữu</p>

<p>được quyền sửa đổi, bổ sung tài liệu hoặc có ý kiến, trừ trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan theo quy định của pháp luật.</p> <p>d) Trường hợp hồ sơ hợp lệ theo quy định, trong thời hạn mười lăm ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan.</p>	<p>nghiên cứu, thiết kế rõ hơn và thuận lợi hơn.</p> <p>Bên cạnh đó, đề nghị cân nhắc bổ sung vào Điều c nội dung “thông báo bằng văn bản” cho người nộp hồ sơ khi hồ sơ không hợp lệ, theo đúng quy định của Điều 52, Luật SHTT sửa đổi năm 2022, tránh tình trạng có thể thông báo “miệng” các lỗi sai của hồ sơ và dẫn đến sự tùy tiện của cán bộ xử lý, đồng thời, nghiên cứu xây dựng cơ chế để giám sát, hạn chế tình trạng này (nếu có).</p>	<p>quyền tác giả hoặc bên ủy quyền chưa điền hoặc điền sai vị trí. Nếu quy định phải phát hành văn bản để thông báo tới tác giả, chủ sở hữu, bên ủy quyền thì việc này gây mất thời gian cho chính tác giả, chủ sở hữu và bên được ủy quyền nộp hồ sơ. Việc thông báo cho tác giả, chủ sở hữu cũng như bên ủy quyền nộp hồ sơ cần phải được xử lý linh hoạt để làm sao đảm bảo lợi ích cho cả hai bên khi tiến hành các thủ tục hành chính liên quan đến đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan. Việc ra “Thông báo tình trạng hồ sơ” có thể bằng nhiều hình thức: có thể bằng email, qua dịch vụ công hoặc có thể bằng văn bản.</p>
<p>Điều 41. Điều kiện, thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan</p>		
<p>2. Thành phần hồ sơ thực hiện thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan bao gồm:</p> <p>a) Tờ khai đăng ký quyền tác giả, đăng ký quyền liên quan (theo mẫu) do chính tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan ký tên hoặc điểm chỉ, trừ trường hợp không có khả năng về thể chất để ký tên hoặc điểm chỉ;</p> <p>b) 02 bản sao của tác phẩm, bản định</p>	<p>Hội Luật gia VN: Dự thảo yêu cầu phải nộp hồ sơ tương tự như hồ sơ cấp mới là chưa hợp lý, bởi trong trường hợp này không cần phải thẩm định về điều kiện đề cấp giấy chứng nhận như lần đầu mà chỉ cần xem xét lại dữ liệu để cấp lại giấy chứng nhận đã cấp, có thể sửa đổi quy định theo hướng giảm bớt giấy tờ trong hồ sơ để yêu cầu cấp lại. Đồng thời, nghiên cứu, rút ngắn thời gian giải quyết, bởi lẽ, dự thảo quy định thời gian giải quyết thủ tục cấp lại (tính cả thời gian xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ và thời hạn thông báo hồ sơ hợp lệ): 1 tháng 7 ngày, thời gian giải quyết thủ tục</p>	<p>Giải trình ý kiến Hội Luật gia VN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khoản 2 Điều 41 dự thảo Nghị định quy định thành phần hồ sơ chỉ bao gồm: tờ khai, 02 bản sao, văn bản ủy quyền (nếu nộp hồ sơ qua ủy quyền) và bản gốc GCN đã được cấp (nếu còn); không quy định các tài liệu chứng minh chủ sở hữu quyền hay các tài liệu liên quan khác như quy định về cấp mới tại Điều 40 dự thảo Nghị định. - Về đề nghị rút ngắn thời gian: thời gian giải quyết thủ tục cấp lại, cấp đổi

<p>hình cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng; c) Giấy ủy quyền nếu người nộp hồ sơ là người được tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan ủy quyền theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 40 của Nghị định này; d) Bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan bị rách nát, hư hỏng kèm bản sao tác phẩm, bản định hình cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng đã được đóng dấu, ghi số Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan. Tài liệu trong hồ sơ cấp lại phải đáp ứng điều kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 40 của Nghị định này.</p>	<p>cấp đổi (tính cả thời gian xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ và thời hạn thông báo hồ sơ hợp lệ): 1 tháng 12 ngày, đây là khoảng thời gian quá dài, tương đương thời gian giải quyết thủ tục cấp mới, để giải quyết các thủ tục đơn giản như trên là chưa hợp lý.</p>	<p>là ngắn hơn thời gian giải quyết thủ tục cấp. Thời gian để xem xét thụ lý hồ sơ đang quy định như nhau là 1 tháng. Đây là thời gian cần thiết để xem xét các tài liệu của hồ sơ.</p>
<p><i>Điều 43. Yêu cầu về tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng trong hồ sơ đăng ký quyền tác giả, đăng ký quyền liên quan</i></p>		
<p>1. Tên tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng phải phù hợp với nội dung tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng.</p>	<p>Bộ Tư pháp: đề nghị chỉnh lý, quy định rõ hơn điều kiện “<i>tên tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng phải phù hợp với nội dung tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng</i>” để đảm bảo sự thống nhất trong cách hiểu và áp dụng pháp luật trong quá trình thực thi.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến Bộ Tư pháp: Chính lý khoản 1 Điều 43: <i>Tên tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng phải phù hợp với nội dung và loại hình tác phẩm, nội dung cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng</i></p>
<p>Chương V</p>		

TỔ CHỨC ĐẠI DIỆN TẬP THỂ, TỔ CHỨC TƯ VẤN, DỊCH VỤ QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN		
Điều 46. Tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan		
<p>Tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Sở hữu trí tuệ thực hiện đúng phạm vi, chức năng hoạt động và hợp đồng ủy quyền giữa chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan và tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan về việc quản lý một quyền hoặc một nhóm quyền cụ thể.</p>	<p>Trung tâm Bảo vệ quyền tác giả âm nhạc VN (VCPMC): Đề nghị bổ sung quy định: “Tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan có quyền khởi kiện về quyền tác giả, quyền liên quan để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan đã ủy quyền cho mình.”</p> <p>Lý do: Nội dung này đã được hướng dẫn tại điểm a khoản 1 Mục II Phần A Thông tư liên tịch số 02/2008/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BVHTT&DL-BKH&CN-BTP ngày 03/4/2008. Tuy nhiên, do văn bản được dẫn chiếu là Nghị định số 100/2006/NĐ-CP ngày 21/9/2006 đã hết hiệu lực pháp luật, vì vậy, tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan tiến hành khởi kiện để bảo vệ quyền lợi cho các chủ sở hữu quyền đã gặp nhiều vấn đề về tư cách khởi kiện vì không có quy định pháp luật hướng dẫn trực tiếp về nội dung này.</p>	<p>Giải trình ý kiến VCPMC:</p> <p>Khoản 1a Điều 198 Luật SHTT đã có quy định: “<i>Chủ thể quyền sở hữu trí tuệ có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác áp dụng các biện pháp quy định tại khoản 1 Điều này để bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của mình</i>”. Điểm d khoản 1 Điều 198 Luật SHTT quy định về biện pháp “<i>Khởi kiện ra tòa án hoặc trọng tài</i>”.</p> <p>Điều 57 dự thảo Nghị định cũng đã có quy định chủ thể quyền “<i>có thể ủy quyền cho tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan hoặc tổ chức, cá nhân khác theo quy định của pháp luật, để thực hiện và bảo vệ quyền tác giả, quyền liên quan của mình</i>”.</p>
	<p>Trung tâm Bảo vệ quyền tác giả âm nhạc VN (VCPMC): Đề xuất bổ sung nội dung: “Tổ chức không được thành lập theo pháp luật Việt Nam mà hoạt động như một tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan sẽ không được tiến hành các dịch vụ quản lý tập thể quyền hoặc thực hiện bất kỳ hành vi pháp lý nào khác dưới danh nghĩa của một tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả. Trong mọi trường hợp, các thỏa thuận và hợp</p>	<p>Tiếp thu, giải trình ý kiến VCPMC:</p> <p>Bổ sung khoản 5 Điều 49 dự thảo Nghị định về việc thu, phân chia tiền bản quyền theo ủy quyền do tổ chức không phải tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan thực hiện.</p>

đồng cấp phép được thực hiện bởi các tổ chức vi phạm quy định tại Điều này đều trở nên vô hiệu.

Lý do: Để đảm bảo quyền lợi cho người sử dụng; tránh việc thất thoát nguồn thu ngân sách Nhà nước (thuế, phí); đảm bảo tính công bằng, thống nhất trong việc thực thi pháp luật.

Hiện nay, có một số quốc gia/vùng lãnh thổ như Indonesia, Đài Loan,... đã có các quy định trong pháp luật của họ để ngăn chặn việc giảm sút nguồn thu của Ngân sách Nhà nước và nhằm quản lý các hoạt động cấp phép xuyên lãnh thổ của các tổ chức quản lý quyền tác giả, quyền liên quan. Cụ thể:

- Theo Điều 10 Đạo luật Tổ chức quản lý Tập thể quyền của **Đài Loan** (sau đây gọi là “Đạo luật CMO”) quy định: “*Một người không được tổ chức và được chấp thuận thành lập như một CMO theo Đạo luật này sẽ không được tiến hành các dịch vụ quản lý tập thể quyền hoặc thực hiện bất kỳ hành vi pháp lý nào khác dưới danh nghĩa của một CMO. Trong trường hợp bất kỳ bên nào vi phạm đoạn trên, bất kỳ hợp đồng cấp phép riêng lẻ hoặc tổng quát nào được thực hiện bởi bên đó sẽ trở nên vô hiệu.*” Theo đó, CMO là một tổ chức được thành lập và đăng ký để có được giấy phép đặc biệt và tổ chức phải tiến hành hoạt động kinh doanh của mình theo Đạo luật CMO. Do CMO nước ngoài không được cấp phép và đăng ký ở Đài Loan nên hành vi cấp phép và phân phối của tổ chức đó sẽ vi phạm các điều luật của Đạo luật CMO.

- Theo Điều 88 Luật Bản quyền của **Indonesia** quy định:

“1. *Tổ chức quản lý tập thể được đề cập trong khoản 1 Điều 87 sẽ nộp đơn xin cấp phép tới Bộ trưởng.*

2. *Giấy phép hoạt động nêu tại khoản (1) phải đáp ứng các yêu cầu sau:*

a) *Là một pháp nhân Indonesia hoạt động phi lợi nhuận;*

b) *Được ủy quyền từ Tác giả, Chủ sở hữu quyền tác giả hoặc các chủ sở hữu quyền liên quan để thu tiền và phân phối tiền bản quyền;*

c) *Được ủy quyền từ ít nhất 200 (hai trăm) Tác giả đối với Tổ chức Quản lý Tập thể lĩnh vực âm nhạc/ bài hát hoặc được ủy quyền từ ít nhất 50 chủ sở hữu quyền đối với Tổ chức quản lý tập thể đại diện cho chủ sở hữu Quyền liên quan và / hoặc các đối tượng Bản quyền khác*

	<p>d) Có mục tiêu nhằm thu hút, thu tiền và phân phối tiền bản quyền; và</p> <p>e) Có thể thu hút, thu tiền và phân phối tiền bản quyền tới các Tác giả, Chủ sở hữu quyền tác giả hoặc chủ sở hữu quyền liên quan.</p> <p>3. Tổ chức tập thể không có giấy phép hoạt động được cấp từ Bộ trưởng như được nêu trong khoản (1) sẽ không thu hút, thu tiền và phân phối tiền bản quyền.”</p>	
Điều 47. Biểu mức tiền bản quyền		
<p>1. Tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan xây dựng biểu mức và phương thức thanh toán tiền nhuận bút, thù lao, quyền lợi vật chất bản quyền phù hợp với các hình thức sử dụng và theo các nguyên tắc quy định tại khoản 3 Điều 44a của Luật Sở hữu trí tuệ, làm cơ sở cho việc đàm phán, thanh toán tiền bản quyền trong các trường hợp quy định tại khoản 3 2 Điều 20, khoản 4 Điều 29, khoản 2 Điều 30, khoản 2 Điều 31, khoản 1 Điều 26 và khoản 1 Điều 33 của Luật Sở hữu trí tuệ và quyền lợi vật chất quy định tại khoản 2 Điều 30, khoản 2 Điều 31 của Luật sở hữu trí tuệ.</p> <p>Tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan nộp hồ sơ cho Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đề nghị phê duyệt biểu mức và phương thức thanh toán tiền bản quyền trước khi thực hiện.</p>	<p>Liên đoàn Công nghiệp Ghi âm quốc tế (IFPI): Chúng tôi cho rằng Sự can thiệp của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong việc xác định biểu mức chỉ nên dừng lại ở việc giải quyết tranh chấp. Như đã nêu ở trên, việc xác định biểu mức tiền bản quyền là rất phức tạp và việc đệ trình để phê duyệt các biểu mức dụng cho tất cả các hình thức khai thác có thể làm tắc nghẽn hệ thống xác định biểu mức.</p> <p>Với lý do trên, chúng tôi sẽ đề xuất cơ chế như sau:</p> <p>(i) Các tổ chức đại diện tập thể quyền phải xác định biểu mức theo một bộ tiêu chí đã được thiết lập, ngoài những tiêu chí có trong Điều 44a của Luật SHTT, phải bao gồm cả giá trị kinh tế của việc sử dụng các quyền trong hoạt động kinh doanh, thương mại (Để đảm bảo sự phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế về xác định biểu mức và thông lệ tốt nhất, tiền bản quyền phải phản ánh giá trị kinh tế của việc sử dụng các quyền trong thương mại và giá trị đối với người sử dụng về hiệu quả mà người sử dụng được hưởng do có tổ chức đại diện tập thể quyền là điểm đầu mối cấp phép);</p> <p>(ii) Trong trường hợp người sử dụng không đồng ý với biểu mức, người sử dụng có thể đệ trình lên Bộ Văn hóa để giải quyết tranh chấp;</p> <p>(iii) Để tránh các khiếu nại vô căn cứ, trong quá trình giải quyết tranh chấp, người dùng sẽ ký quỹ</p>	<p>Giải trình ý kiến IFPI: nội dung Tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan xây dựng biểu mức và phương thức thanh toán tiền bản quyền, trình Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đề nghị phê duyệt trước khi thực hiện đã được quy định tại điểm c khoản 3 Điều 56 Luật SHTT. Nội dung này trên cơ sở nhu cầu thực tiễn và đề xuất của bản thân các tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan, nhằm đảm bảo sự công bằng, minh bạch trong hoạt động cấp phép, thu và phân chia tiền bản quyền của các tổ chức này.</p>

một khoản thanh toán;

(iv) Sau khi giải quyết tranh chấp, số tiền ký quỹ sẽ được thanh toán cho các tổ chức đại diện tập thể quyền theo biểu mức do Bộ Văn hóa xác định và khoản tiền ký quỹ còn lại sẽ được trả lại cho người sử dụng.

Đề nghị sửa khoản 1 như sau:

“1. Mọi tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan xây dựng biểu mức và phương thức thanh toán tiền bản quyền phù hợp với các hình thức sử dụng mà chủ sở hữu quyền đã ủy quyền cho tổ chức đại diện quyền tác giả, quyền liên quan và theo các nguyên tắc quy định tại khoản 3 Điều 44a của Luật Sở hữu trí tuệ, làm cơ sở cho việc đàm phán, thanh toán tiền bản quyền trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 20, khoản 4 Điều 29, khoản 2 Điều 30, khoản 2 Điều 31, khoản 1 Điều 26 và khoản 1 Điều 33 của Luật sở hữu trí tuệ.

Tỷ lệ và cách xác định tiền bản quyền phải tuân theo các nguyên tắc quy định tại khoản 3 Điều 44a của Luật Sở hữu trí tuệ và phản ánh giá trị kinh tế của việc sử dụng quyền tác giả, quyền liên quan trong thương mại, có tính đến bản chất và phạm vi sử dụng tác phẩm và các đối tượng quyền tác giả, quyền liên quan khác, cũng như liên quan đến giá trị kinh tế của dịch vụ do tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan cung cấp.

Tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan nộp hồ sơ cho Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, ~~đề nghị phê duyệt biểu mức và phương thức thanh toán tiền bản quyền trước khi thực hiện.~~”

<p>2. Hồ sơ đề nghị phê duyệt biểu mức và phương thức thanh toán tiền bản quyền bao gồm:</p> <p>a) Văn bản đề nghị phê duyệt;</p> <p>b) Phương án xây dựng biểu mức tiền bản quyền bao gồm những nội dung sau:</p> <p>- Phân tích biểu mức tiền bản quyền đề xuất: căn cứ tính (loại hình, hình thức, chất lượng, số lượng, cơ cấu, quy mô, tần suất khai thác, sử dụng và căn cứ khác); các yếu tố hình thành mức tiền bản quyền; điều kiện kinh tế - xã hội theo khu vực, thời gian và địa điểm diễn ra hành vi khai thác, sử dụng (có phân loại, đánh giá); phân tích tác động của biểu mức/mức tiền bản quyền đến các hoạt động sáng tạo, khai thác, sử dụng và thụ hưởng kết quả của hoạt động sáng tạo đó; việc thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước;</p> <p>- Những vấn đề chưa thống nhất với bên khai thác, sử dụng (nếu có);</p> <p>- Đề xuất biểu mức tiền bản quyền và phương thức thanh toán và các kiến nghị (nếu có).</p>	<p>Vụ Pháp chế - BVHTTDL: điểm b khoản 2 cần xem xét lại vì chưa có thỏa thuận với bên sử dụng, khai thác thì chưa phát sinh những vấn đề chưa thống nhất.</p> <p>Cty TNHH Truyền hình cáp Saigontourist (SCTV): Đề nghị bổ sung quy định về trách nhiệm của tổ chức đại diện tập thể trong việc đưa ra các hướng dẫn về cách thức tính toán, đo lường tần suất, thời gian sử dụng tác phẩm, các đối tượng quyền liên quan, trình phê duyệt theo quy định tại Điều 48 dự thảo Nghị định.</p> <p>Liên đoàn Công nghiệp Ghi âm quốc tế (IFPI): Đề nghị sửa khoản 2 như sau: “2. Hồ sơ đề nghị phê duyệt biểu mức và phương thức thanh toán tiền bản quyền bao gồm: a) Văn bản đề nghị phê duyệt; b) Phương án xây dựng biểu mức tiền bản quyền bao gồm những nội dung sau: ...”</p>	<p>Giải trình ý kiến Vụ Pháp chế: hồ sơ đề nghị phê duyệt yêu cầu nêu Những vấn đề chưa thống nhất với bên khai thác, sử dụng (nếu có). Đây có thể là những vấn đề phát sinh, tồn đọng qua các lần làm việc, thương thảo trước đó giữa tổ chức đại diện tập thể và bên khai thác, sử dụng.</p> <p>Giải trình ý kiến Cty Saigontourist: tổ chức đại diện tập thể phải xây dựng phương án xây dựng biểu mức tiền bản quyền là một nội dung trong thành phần hồ sơ đề nghị phê duyệt, là cơ sở để cơ quan có thẩm quyền xem xét phê duyệt.</p> <p>Giải trình ý kiến IFPI: (giải trình tương tự tại khoản 1 Điều này)</p>
<p>3. Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng và tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan có trách nhiệm thỏa thuận về mức tiền nhuận bút, thù lao, quyền lợi vật chất</p>	<p>Liên đoàn Công nghiệp Ghi âm quốc tế (IFPI): Đề nghị bổ sung vào khoản 3 đoạn sau: “Trong trường hợp không thỏa thuận được, tranh chấp sẽ được trình lên Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch giải quyết theo thủ tục nêu tại Điều 48 Trong khi tranh chấp đang được Bộ Văn hóa, Thể</p>	<p>Giải trình ý kiến IFPI: (giải trình tương tự tại khoản 1 Điều này)</p>

bản quyền và phương thức thanh toán.	<i>thao và Du lịch giải quyết, tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng sẽ tiến hành ký quỹ tiền bản quyền.”</i>	
4. Chi phí xem xét, phê duyệt biểu mức biểu mức và phương thức thanh toán tiền bản quyền do bên đề nghị phê duyệt chi trả theo quy định của pháp luật.	<i>Liên đoàn Công nghiệp Ghi âm quốc tế (IFPI):</i> Đề nghị bỏ quy định này.	<i>Giải trình ý kiến IFPI:</i> (giải trình tương tự tại khoản 1 Điều này)
<i>Điều 48. Phê duyệt biểu mức tiền bản quyền</i>		
<p>1. Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch xem xét, có ý kiến chỉ đạo và ra văn bản về việc chấp thuận trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị phê duyệt biểu mức và phương thức thanh toán tiền bản quyền do tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan trình theo quy định tại khoản 1 Điều 42 của Nghị định này.</p> <p>2. Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thành lập Hội đồng tư vấn về quyền tác giả, quyền liên quan để xem xét biểu mức và phương thức thanh toán tiền bản quyền quy định tại khoản 1 Điều này.</p> <p>3. Hội đồng tư vấn về quyền tác giả, quyền liên quan (sau đây gọi là “Hội đồng”) bao gồm:</p> <p>- Thứ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phụ trách lĩnh vực quyền tác</p>	<p><i>Bộ Nội vụ:</i> theo quy định hiện hành, Chính phủ không quy định nhiệm vụ, quyền hạn, thành phần của tổ chức phối hợp liên ngành mà thực hiện theo quy định tại Quyết định số 34/2007/QĐ-TTg ngày 12/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế thành lập, tổ chức và hoạt động của tổ chức phối hợp liên ngành. Do đó, đề nghị bỏ nội dung tại các khoản 3, 4, 5 Điều 48 dự thảo Nghị định.</p> <p><i>Bộ Công Thương:</i> Khoản 18 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật SHTT 2022 quy định: <i>Tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan có các quyền và nghĩa vụ xây dựng biểu mức và phương thức thanh toán tiền bản quyền, trình Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt...</i> Do vậy, đề nghị giải trình nhu cầu và hiệu quả của việc thành lập Hội đồng tư vấn tại Điều 48 dự thảo Nghị định. Bên cạnh đó, Bộ Công Thương không có chức năng, nhiệm vụ liên quan đến nội dung về quyền tác giả, quyền liên quan. Vì vậy, trong trường hợp phải thành lập Hội đồng tư vấn,</p>	<p><i>Tiếp thu ý kiến Bộ Nội vụ, Bộ Công Thương, Vụ Pháp chế, VCPMC, NXB Tư pháp:</i></p> <p>- Bỏ quy định tại các khoản 3, 4, 5 và chỉnh lý quy định tại khoản 2 Điều 48 liên quan đến Hội đồng tư vấn về quyền tác giả, quyền liên quan.</p> <p>- Chỉnh lý tên điều bổ sung “phương thức thanh toán” và khoản 1 bỏ đoạn “có ý kiến chỉ đạo”.</p> <p>- Tại khoản 6 sửa thành “Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam”.</p>

<p>giả, quyền liên quan là Chủ tịch Hội đồng;</p> <ul style="list-style-type: none"> - 01 đại diện Bộ Tài chính là Phó Chủ tịch Hội đồng; - 01 đại diện Bộ Công thương là Phó Chủ tịch Hội đồng; - 01 đại diện lãnh đạo Cục Bản quyền tác giả là Ủy viên thường trực Hội đồng; - Đại diện một số bộ, ngành, đơn vị có liên quan; - Đại diện bên khai thác, sử dụng và các đối tượng chịu tác động có liên quan; - Cục Bản quyền tác giả (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) là cơ quan thường trực của Hội đồng. <p>4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng:</p> <ol style="list-style-type: none"> a) Các thành viên Hội đồng làm việc độc lập; b) Xem xét về biểu mức và phương thức thanh toán tiền bản quyền ở các hình thức sử dụng khác nhau; c) Rà soát bảo đảm sự phù hợp về biểu mức và phương thức thanh toán tiền bản quyền giữa tổ chức đại diện tập thể và các bên khai thác, sử dụng khác nhau; d) Biên bản làm việc của Hội đồng được trình lên Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch để xem xét, quyết định. 	<p>Bộ Công thương đề xuất thành phần Hội đồng tư vấn không bao gồm đại diện Bộ Công Thương.</p> <p>Vụ Pháp chế - BVHTTDL:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đề nghị bổ sung “phương thức thanh toán” theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ. + Khoản 1: cần nhắc quy định Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có ý kiến chỉ đạo. + Khoản 3: cần nhắc tên gọi, quy định thành phần, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng tại Nghị định này vì đây là hoạt động tư vấn cho Bộ trưởng về phê duyệt biểu mức và phương thức thanh toán tiền bản quyền. + Khoản 4 và khoản 5 quy định mâu thuẫn nhau. + Khoản 6 cần nhắc quy định Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét điều chỉnh biểu mức tiền bản quyền và bổ sung lý do quy định thời hạn áp dụng ít nhất là 03 năm tại Tờ trình dự thảo. <p>Trung tâm Bảo vệ quyền tác giả âm nhạc VN (VCPMC): Tại khoản 3, đề xuất bỏ nội dung: “Đại diện bên khai thác, sử dụng và các đối tượng chịu tác động có liên quan”.</p> <p>Lý do: Bên khai thác, người sử dụng không phù hợp để là thành viên của Hội đồng tư vấn. Người sử dụng là đối tượng để lấy ý kiến hoặc khảo sát, là một bên đối trọng với một bên kia là chủ thể quyền. Hiện nay, theo thống kê, có hơn 20 tổ chức quản lý quyền đang cấp phép thu tiền tại lãnh thổ Việt Nam đối với lĩnh vực kỹ thuật số.</p> <p>NXB Tư pháp: Hiện nay, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam đã được đổi tên, đề nghị sửa thành “Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam”.</p>	
---	---	--

<p>5. Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng, bao gồm các nội dung chính sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng; - Cơ cấu, thành phần của Hội đồng; - Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng; - Quy trình xem xét của Hội đồng; - Theo dõi, giám sát Hội đồng. <p>6. Biểu mức và phương thức thanh toán tiền bản quyền sau khi được phê duyệt phải được áp dụng trong thời hạn ít nhất là 3 năm.</p> <p>Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét điều chỉnh biểu mức tiền bản quyền trong trường hợp có những thay đổi về chỉ số giá tiêu dùng và tốc độ tăng trưởng kinh tế của đất nước liên quan đến cơ sở để xác định biểu mức. Tổ chức đề xuất xem xét điều chỉnh biểu mức tiền bản quyền bao gồm: tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan; Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam; Cơ quan thường trực của Hội đồng.</p>	<p><i>Liên đoàn Công nghiệp Ghi âm quốc tế (IFPI):</i> Đề nghị sửa như sau: <i>“Điều 48. Thủ tục giải quyết tranh chấp</i> <i>1. Trường hợp tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng không đồng ý với biểu mức và phương thức thanh toán tiền bản quyền quy định tại khoản 1 Điều 47 Nghị định này và không thỏa thuận được theo khoản 3 Điều 47 Nghị định này, tổ chức, cá nhân đó có quyền nộp hồ sơ đề nghị lên Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch giải quyết. Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ra văn bản nghị quyết về việc giải quyết tranh chấp trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị giải quyết tranh chấp về biểu mức và phương thức thanh toán tiền bản quyền.</i> <i>Nghị quyết của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải phù hợp với các nguyên tắc quy định tại khoản 3 Điều 44a của Luật Sở hữu trí tuệ và phản ánh giá trị kinh tế của việc sử dụng quyền tác giả, quyền liên quan trong thương mại, có tính đến bản chất và phạm vi sử dụng tác phẩm và các đối tượng quyền tác giả, quyền liên quan khác, cũng như liên quan đến giá trị kinh tế của dịch vụ do tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan cung cấp và phải xác định cách thức phân phối các khoản tiền bản quyền ký quỹ trong quá trình giải quyết tranh chấp của tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng.</i> <i>2. Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch</i></p>	<p><i>Giải trình ý kiến IFPI:</i> Việc giải quyết tranh chấp về quyền tác giả, quyền liên quan thuộc thẩm quyền của Tòa án, trọng tài.</p>
--	---	---

	<i>thành lập Hội đồng tư vấn về quyền tác giả, quyền liên quan để tư vấn giải quyết tranh chấp liên quan đến biểu mức và phương thức thanh toán tiền bản quyền quy định tại khoản 1 Điều này. 3....”</i>	
Điều 49. Thu, phân chia tiền bản quyền		
1. Tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan phải có cơ chế giám sát để bảo đảm các khoản tiền bản quyền thu từ việc cấp phép được lưu trữ trong tài khoản tách biệt với các tài sản, tài khoản, các khoản thu, chi khác của tổ chức, bao gồm cả trường hợp không thể phân chia tiền bản quyền thu được do không tìm thấy hoặc không liên lạc được với tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan đã ủy quyền quy định tại khoản 5 Điều 56 Luật Sở hữu trí tuệ.	Cty TNHH Truyền hình cáp Saigontourist (SCTV): Đề nghị bổ sung quy định về trách nhiệm kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước đối với tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan trong quá trình thu, chi, phân chia... tiền bản quyền.	Giải trình ý kiến Cty Saigontourist: - Khoản 1 Điều 54 dự thảo Nghị định quy định tổ chức đại diện tập thể phải công khai Báo cáo thường niên, Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm các nội dung liên quan đến doanh thu cấp phép, thuế, phí... - Khoản 1 Điều 54 dự thảo Nghị định quy định tổ chức đại diện tập thể phải báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền các báo cáo nêu trên.
2. Tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan phân chia tiền bản quyền thu được theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 56 Luật Sở hữu trí tuệ trên cơ sở thỏa thuận với tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan đã ủy quyền theo kỳ hạn và không được chậm trễ quá 6 tháng kể từ ngày thu được tiền bản quyền, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.	Liên đoàn Công nghiệp Ghi âm quốc tế (IFPI): Đề nghị bổ sung khoản 2a như sau: “ 2a. Việc phân chia sẽ dựa trên nguyên tắc phân chia riêng theo việc sử dụng thực tế của các bản ghi âm và không chịu bất kỳ sự phân biệt trực tiếp hoặc gián tiếp nào. ” Việc phân phối số tiền thu được cho chủ sở hữu quyền phải dựa trên nguyên tắc phân phối riêng lẻ theo thực tế sử dụng bản ghi âm. Các tổ chức đại diện tập thể quyền không được phân biệt đối xử trực tiếp hoặc gián tiếp giữa các chủ sở hữu quyền vì quốc tịch, quyền sở hữu, thể	Giải trình ý kiến IFPI: Điểm d khoản 3 Điều 56 Luật SHTT và khoản 2 Điều 49 dự thảo Nghị định đã quy định việc phân chia tiền bản quyền thực hiện <u>trên cơ sở thỏa thuận</u> với tác giả, chủ sở hữu quyền, có thể thể hiện ở điều lệ của tổ chức và văn bản ủy quyền được ký kết.

<p>4. Khoản tiền giữ lại phải trên cơ sở thỏa thuận của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan đã ủy quyền, có thể được điều chỉnh phù hợp theo giai đoạn và phải đáp ứng điều kiện sau:</p> <p>a) Không quá 50% tổng số tiền bản quyền thu được trong thời hạn 5 năm đầu tiên sau khi tổ chức thành lập;</p> <p>b) Không quá 40% tổng số tiền bản quyền thu được trong thời hạn 5 năm tiếp theo;</p> <p>c) Không quá 30% tổng số tiền bản quyền thu được đối với tổ chức đã thành lập từ 10 năm trở lên.</p>	<p>loại hoặc cách khác mà không có lý do khách quan chính đáng.</p> <p>Vụ Pháp chế - BVHTTDL: khoản 4 cần cân nhắc để đảm bảo việc quy định phù hợp với thực tiễn nhưng không làm sai lệch tôn chỉ, mục đích của tổ chức đại diện tập thể quyền.</p> <p>Liên đoàn Công nghiệp Ghi âm quốc tế (IFPI): chúng tôi rất ủng hộ nghĩa vụ giảm chi phí hành chính trong khoản 4, Điều 49 trong dự thảo Nghị định. Chúng tôi đề xuất đưa ra một lịch thực hiện ngắn hơn, cụ thể là nghĩa vụ hoạt động với chi phí hành chính dưới 30% trong 5 năm, và có khả năng xin gia hạn thời hạn khi không thể đạt được mục tiêu trên do đặc thù các trường hợp không liên quan đến tổ chức đại diện tập thể, ví dụ như không thể áp dụng biểu mức đầy đủ, khó khăn trong việc bắt buộc người sử dụng tuân thủ nghĩa vụ thanh toán, v.v.</p>	<p>Giải trình, tiếp thu ý kiến Vụ Pháp chế, IFPI:</p> <p>- Khoản 3 Điều này đã quy định rõ phạm vi khoản tiền được giữ lại chỉ để chi phí hành chính như chi phí nhân sự, trụ sở, sử dụng phần mềm đo đếm...</p> <p>- Xem xét giảm tỷ lệ % khoản tiền giữ lại để đảm bảo quyền lợi của tác giả, chủ sở hữu quyền (40-30-25).</p>
	<p>Liên đoàn Công nghiệp Ghi âm quốc tế (IFPI): Đề nghị bổ sung khoản 5 như sau:</p> <p>“5. Tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan có thể không thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển văn hóa, khuyến khích sáng tạo và các hoạt động xã hội khác theo điểm h khoản 3 Điều 56 của Luật Sở hữu trí tuệ miễn là số tiền được giữ lại để thực hiện các nhiệm vụ của tổ chức theo điểm đ khoản 3 Điều 56 vượt quá 20% tổng số tiền bản quyền thu được.</p> <p>Trong mọi trường hợp, số tiền mà tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan có thể dành để thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển văn hóa, khuyến khích sáng tạo và các hoạt động xã</p>	<p>Giải trình ý kiến IFPI:</p> <p>Không đặt ra quy định bắt buộc về việc tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan có hay không thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển văn hóa, khuyến khích sáng tạo.</p> <p>Đây là nội dung quy định tại điểm h khoản 3 Điều 56 Luật SHTT, theo đó tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan “<u>được thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển văn hóa, khuyến khích sáng tạo và các hoạt động xã hội khác</u>”.</p>

	<i>hội khác theo điểm h khoản 3 Điều 56 của Luật Sở hữu trí tuệ không được vượt quá 5% tổng số tiền bản quyền thu được.”</i>	
<i>Điều 50. Trường hợp không tìm thấy hoặc không liên lạc được với tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan đã ủy quyền</i>		
<p>1. ... Sau sáu tháng kể từ khi đăng tải thông tin, tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan phải chuyển khoản tiền bản quyền thu được vào một tài khoản mở chung cho các tác giả, đồng tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan, đồng chủ sở hữu quyền tác giả, đồng chủ sở hữu quyền liên quan đã ủy quyền mà không tìm thấy hoặc không liên lạc được. ...</p>	<p>Cục HTQT - BVHTTDL: đề nghị điều chỉnh như sau: K1: “...phải chuyển khoản tiền bản quyền thu được vào một tài khoản ngân hàng mở chung cho...” K2: “...thì bàn giao khoản tiền này, các khoản lãi ngân hàng phát sinh và các tài liệu liên quan...”</p>	<i>Tiếp thu ý kiến Cục HTQT:</i> chỉnh lý lại khoản 1 Điều 50 dự thảo Nghị định.
<p>2. Sau năm năm tìm kiếm để phân chia tiền bản quyền thu được mà vẫn không tìm thấy hoặc không liên lạc được với tác giả, đồng tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan, đồng chủ sở hữu quyền tác giả, đồng chủ sở hữu quyền liên quan đã ủy quyền thì bàn giao khoản tiền này và các tài liệu liên quan đến việc ủy quyền, thu tiền bản quyền về cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý sau khi trừ chi phí quản lý, tìm kiếm theo quy định của pháp luật.</p>		

Điều 51. Khai thác, sử dụng bản ghi âm, ghi hình	Vụ Pháp chế - BVHTTDL: tên điều không phù hợp với nội dung quy định.	Tiếp thu ý kiến Vụ Pháp chế: sửa lại tên điều cho phù hợp.
<p>1. Trường hợp tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình được sử dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 26 và khoản 1 Điều 33 của Luật Sở hữu trí tuệ đã được chủ sở hữu quyền tác giả, người biểu diễn, chủ sở hữu quyền liên quan ủy quyền cho các tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan, các tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan này có thể thỏa thuận, thống nhất, ủy quyền đàm phán, thu tiền bản quyền theo quy định của pháp luật. Tỷ lệ phân chia tiền nhuận bút, thù lao, quyền lợi vật chất bản quyền theo quy định của pháp luật. Tỷ lệ phân chia tiền nhuận bút, thù lao, quyền lợi vật chất bản quyền thu được do các tổ chức này tự thỏa thuận; trường hợp không đạt được thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 35 của Nghị định này.</p>	<p>Đài PTTH Tây Ninh: đề nghị điều chỉnh: "... các tổ chức này có trách nhiệm thỏa thuận, thống nhất, ủy quyền đàm phán, thu tiền bản quyền theo quy định của pháp luật..."</p>	<p>Giải trình ý kiến Đài PTTH Tây Ninh: Xin được giữ như khoản 1 Điều 51 dự thảo để đảm bảo tôn trọng nguyên tắc dân sự, không bắt buộc các tổ chức này phải ủy quyền qua một tổ chức đại diện tập thể duy nhất.</p>
<p>2. Tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan ủy quyền có trách nhiệm xây dựng danh mục hội viên, tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng của hội viên và chịu trách nhiệm khi ký hợp đồng ủy quyền cho tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan nhận ủy quyền đại diện đàm phán thỏa thuận, thu tiền nhuận bút, thù lao, quyền lợi vật chất bản quyền.</p>	<p>Đài PTTH Tây Ninh: đề nghị điều chỉnh: "Tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan ủy quyền có trách nhiệm xây dựng, công khai, minh bạch và chịu trách nhiệm về danh mục hội viên, tác phẩm..."</p>	<p>Giải trình ý kiến Đài PTTH Tây Ninh: Thực hiện theo thỏa thuận trong hợp đồng ủy quyền giữa các bên.</p>
Điều 52. Cơ cấu tổ chức của tổ chức đại	Vụ Pháp chế - BVHTTDL: cần nhắc quy định theo	Tiếp thu ý kiến Vụ Pháp chế:

<i>diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan</i>	hướng cần có tổ chức bộ máy, nhân sự để thực hiện các công việc, không nên quy định cứng về cơ cấu tổ chức bộ máy vì đây là một tổ chức xã hội. Đề nghị rà soát đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật về hội.	Sửa đổi, bổ sung Điều 52 dự thảo Nghị định theo hướng không quy định cứng về cơ cấu tổ chức của tổ chức đại diện tập thể.
Điều 54. Công khai, minh bạch trong hoạt động quản lý, điều hành của tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan		
1. Tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan phải công khai tại Hội nghị thường niên và đăng tải trên trang thông tin điện tử của tổ chức Báo cáo thường niên, Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, trong đó có doanh thu từ việc cấp phép, khoản phải trả, khoản đã trả, khoản giữ lại, các khoản thuế, phí, lệ phí, khoản lãi phát sinh từ tiền bản quyền chưa phân chia (nếu có).	Cty TNHH Truyền hình cáp Saigontourist (SCTV): Đề nghị quy định trách nhiệm của tổ chức đại diện tập thể trong việc công khai định kỳ hàng năm danh sách các tổ chức phát sóng và số tiền bản quyền đã thu, phải thu với mỗi đơn vị.	Giải trình ý kiến Cty Saigontourist: Xin không bổ sung nội dung này để đảm bảo tôn trọng thỏa thuận của các bên trong quan hệ dân sự. Đồng thời, có những nội dung có thể thuộc về bí mật kinh doanh của đơn vị và đơn vị có quyền không công khai. Điểm b khoản 3 Điều 56 và Điều 54 dự thảo Nghị định đã có quy định về công khai, minh bạch kết quả thu, phân chia tiền bản quyền của tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan.
Điều 55. Thực hiện chế độ báo cáo		
1. Tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan thực hiện chế độ báo cáo với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính và cơ quan chủ quản về việc sửa đổi, bổ sung điều lệ, quy chế hoạt động; cơ chế quản lý tài chính; thay đổi nhân sự lãnh đạo; tham gia các tổ chức quốc tế; các hoạt động đối ngoại khác; biểu giá mức , phương thức thanh toán nhuận bút, thù lao, quyền lợi vật chất	Liên đoàn Công nghiệp Ghi âm quốc tế (IFPI): Chúng tôi khuyến nghị bổ sung các nội dung: (i) Chủ sở hữu quyền, không bị hạn chế, có thể xác định phạm vi (quyền, cách sử dụng, tiết mục và lãnh thổ) và đặc điểm (độc quyền hoặc không độc quyền) của các quyền mà họ trao cho tổ chức đại diện tập thể quyền. (ii) Tất cả các chủ sở hữu quyền, cả trong và ngoài nước, đều có thể là thành viên của tổ chức đại diện tập thể quyền.	Giải trình ý kiến IFPI: Đây là các nội dung mới, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền, lợi ích của tác giả, chủ sở hữu quyền, bản thân tổ chức đại diện tập thể, có thể dẫn đến mở rộng thị trường, làm đảo lộn và rối loạn thị trường hiện nay. Đối với các tác giả, chủ sở hữu quyền nước ngoài có thể ủy quyền cho tổ chức đại diện tập thể tương ứng tại

<p>tiền bản quyền; chương trình kế hoạch dài hạn và hàng năm; tình hình hoạt động, ký hợp đồng ủy quyền, hợp đồng cấp phép sử dụng; tình hình hội viên ủy quyền, số lượng tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng được ủy quyền; hoạt động thu, mức thu, phương thức phân phối chia, cách thức thực hiện việc phân chia tiền nhuận bút, thù lao, quyền lợi vật chất bản quyền, quy chế thu và phân chia tiền bản quyền; báo cáo thường niên, báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán; các hoạt động liên quan khác. Trường hợp sửa đổi, bổ sung điều lệ phải báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt trước khi thực hiện.</p>	<p>(iii) Bất kỳ chủ sở hữu quyền nào (kể cả công dân nước ngoài) có tác phẩm được sử dụng trong khu vực tài phán đều có thể thành lập tổ chức đại diện tập thể quyền.</p> <p>(iv) Các chủ sở hữu quyền phải có đại diện trong tất cả các cơ quan quản lý của tổ chức đại diện tập thể quyền, bao gồm Ban lãnh đạo và Ban kiểm tra.</p>	<p>nước họ và sẽ được đảm bảo lợi ích tại thị trường Việt Nam thông qua cơ chế hợp tác có đi có lại giữa các tổ chức đại diện tập thể tương ứng tại nước họ và tại Việt Nam.</p>
<p>Điều 56. Tổ chức tư vấn, dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan</p>		
<p>1. Tổ chức tư vấn, dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan quy định tại khoản 1 Điều 57 của Luật Sở hữu trí tuệ bao gồm:</p> <p>a) Doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo pháp luật về doanh nghiệp.</p> <p>b) Hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã được thành lập và hoạt động theo pháp luật về hợp tác xã.</p> <p>c) Đơn vị sự nghiệp.</p> <p>d) Các tổ chức hành nghề luật sư được thành lập và hoạt động theo pháp luật về luật sư, trừ chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài, công ty luật</p>	<p>Liên đoàn Công nghiệp Ghi âm quốc tế (IFPI): Chúng tôi đề nghị quy định rõ rằng các tổ chức tư vấn và dịch vụ quyền tác giả và quyền liên quan được quy định tại Điều 57 Luật SHTT và được quy định tại Điều 56 trong dự thảo Nghị định, không được hoạt động với tư cách là tổ chức đại diện tập thể quyền.</p> <p>Trung tâm Bảo vệ quyền tác giả âm nhạc VN (VCPMC): Bổ sung thêm điều khoản tại Điều 56 Nghị định để làm rõ nội dung “<i>Tham gia các quan hệ pháp luật khác về quyền tác giả, quyền liên quan</i>” được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 57 Luật SHTT với nội dung: “7. Tổ chức tư vấn, dịch</p>	<p>Tiếp thu ý kiến của IFPI, VCPMC: Bổ sung nội dung quy định tương ứng tại khoản 5 Điều 49 dự thảo Nghị định.</p>

<p>trách nhiệm hữu hạn một trăm phần trăm vốn nước ngoài, công ty luật trách nhiệm hữu hạn dưới hình thức liên doanh giữa tổ chức hành nghề luật sư Việt Nam và tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài. ...</p>	<p>vụ quyền tác giả, quyền liên quan tham gia các quan hệ pháp luật khác về quyền tác giả, quyền liên quan trừ các hoạt động tại điểm a khoản 2 Điều 56 Luật Sở hữu trí tuệ.” Lý do: Tạo thuận lợi cho việc quản lý nhà nước trong việc quản lý các hoạt động của tổ chức tư vấn, dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan; đồng thời tránh việc lũng đoạn thị trường.</p>	
<p style="text-align: center;">Chương VII BẢO VỆ QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN</p>	<p><i>LS Nguyễn Thị Thu Hà (Vission & Associates) + VIPA:</i> Chúng tôi ủng hộ phương án tách riêng phần bảo vệ QTG và QLQ từ Nghị định số 105/2006/ND-CP sang dự thảo Nghị định sửa đổi này, bởi bản chất và thực tế áp dụng các biện pháp thực thi, bảo vệ QTG và QLQ có những khác biệt đáng kể so với quyền sở hữu công nghiệp và giống cây trồng. Theo đó, chúng tôi đề xuất tại dự thảo Nghị định sửa đổi này, cần quy định chi tiết về đơn yêu cầu xử lý xâm phạm; tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn; chứng cứ chứng minh chủ thể quyền, chứng minh xâm phạm; trách nhiệm của người yêu cầu xử lý xâm phạm và nộp đơn, giải quyết đơn yêu cầu xử lý xâm phạm. Cần bổ sung quy định chi tiết về:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện quyền tự bảo vệ; - Quy định về đơn yêu cầu xử lý xâm phạm; - Tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn yêu cầu xử lý xâm phạm; - Chứng cứ, chứng minh chủ thể quyền; - Chứng cứ, chứng minh xâm phạm; - Trách nhiệm của người yêu cầu xử lý xâm phạm; - Thủ tục nộp đơn và giải quyết đơn yêu cầu xử lý xâm phạm. 	<p><i>Tiếp thu, giải trình ý kiến VIPA, LS Nguyễn Thị Thu Hà:</i> Theo Quyết định số 917/QĐ-TTg giao: - Bộ KHCN chủ trì xây dựng Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật SHTT về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền SHTT và quản lý nhà nước về SHTT (thay thế ND 103, 105). - Bộ VH-TT-DL chủ trì xây dựng Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật SHTT về quyền tác giả, quyền liên quan (thay thế ND 22). Do đó, dự thảo Nghị định này chỉ quy định những nội dung đặc thù về bảo hộ và thực thi quyền tác giả, quyền liên quan.</p>

Điều 57. Quy định chung về bảo vệ quyền tác giả, quyền liên quan		
2. Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng có nghĩa vụ liên hệ với chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan hoặc bên được ủy quyền để thỏa thuận về việc khai thác, sử dụng theo quy định của pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan.	Đài PTTT Tây Ninh: Đề nghị điều chỉnh khoản 2: “ <i>Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng có nghĩa vụ phối hợp với chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan hoặc bên được ủy quyền để thỏa thuận về việc khai thác, sử dụng theo quy định của pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan</i> ”.	Giải trình ý kiến Đài PTTT Tây Ninh: Xin được giữ quy định như tại khoản 2 Điều 57 dự thảo Nghị định. Bên khai thác, sử dụng phải có nghĩa vụ liên hệ với chủ sở hữu quyền hoặc bên được ủy quyền để thỏa thuận về việc khai thác, sử dụng cả trong trường hợp quyền độc quyền hoặc giới hạn quyền.
Điều 60. Biện pháp công nghệ bảo vệ quyền		
1. Biện pháp công nghệ bảo vệ quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 198 của Luật Sở hữu trí tuệ là biện pháp sử dụng bất kỳ phương tiện, kỹ thuật, công nghệ, thiết bị hoặc linh kiện nào trong quá trình hoạt động bình thường có chức năng chính nhằm đánh dấu, nhận biết, phân biệt, bảo vệ quyền tác giả, quyền liên quan quy định tại các điều 19, 20, 29, 30, 31 của Luật Sở hữu trí tuệ. 2. Biện pháp công nghệ hữu hiệu là biện pháp công nghệ bảo vệ quyền mà chủ thể quyền tác giả, quyền liên quan kiểm soát việc sử dụng tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa, thông qua: a) Ứng dụng kiểm soát truy cập: là ứng dụng sử dụng kỹ thuật, công nghệ, thiết	UNDP: Các ngoại lệ cho NKT trong Điều 25A của Luật sẽ không áp dụng những quy định trong Khoản 2, Điều 60 của dự thảo. Tuy nhiên, Khoản 3, Điều 60 của dự thảo lại nghiêm cấm các hành vi vô hiệu hóa các biện pháp bảo vệ công nghệ mà không loại trừ các ngoại lệ trong Điều 25A của Luật. UNDP đề xuất trong Điều 60, cần làm rõ: “ <i>NKT và các tổ chức đáp ứng điều kiện theo quy định của Chính phủ được phép vô hiệu hóa các biện pháp bảo vệ công nghệ để tạo ra các bản sao ở định dạng dễ tiếp cận cho NKT (như ngoại lệ được quy định trong Điều 25A của Luật)</i> ”. Hội Người mù VN: đề nghị bổ sung tại khoản 3 Điều 60 “ <i>trừ khi việc hủy bỏ hoặc làm vô hiệu biện pháp công nghệ đó nhằm tạo điều kiện cho người khuyết tật tiếp cận tác phẩm</i> ”.	Giải trình ý kiến UNDP, Hội Người mù VN: - Khoản 4 Điều này đã quy định trường hợp tiếp cận, sử dụng tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa được phép theo quy định tại các điều 25, 25a, 26, 32, 33 của Luật SHTT thì không áp dụng quy định về việc không được cố ý vô hiệu hóa biện pháp công nghệ hữu hiệu được sử dụng. Tức là trong các trường hợp giới hạn, ngoại lệ quyền theo quy định của Luật SHTT thì việc tổ chức, cá nhân vô hiệu hóa biện pháp công nghệ hữu hiệu để tiếp cận và sử dụng tác phẩm không bị xem xét là hành vi xâm phạm quyền. - Chính lý tại khoản 4: dẫn chiếu sang khoản 3 Điều này.

bị hoặc linh kiện nhằm kiểm soát quyền truy cập vào bản sao được bảo vệ;

b) Quy trình bảo vệ: là biện pháp sử dụng kỹ thuật, công nghệ, thiết bị hoặc linh kiện nhằm ngăn chặn hoặc hạn chế tối đa việc thực hiện bất kỳ hành vi nào cấu thành hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan đối với bản sao được bảo vệ;

c) Cơ chế kiểm soát sao chép: là biện pháp sử dụng kỹ thuật, công nghệ, thiết bị hoặc linh kiện nhằm kiểm soát việc sao chép từ bản sao được bảo vệ.

3. Tổ chức, cá nhân không được cố ý hủy bỏ hoặc làm vô hiệu biện pháp công nghệ hữu hiệu do tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan thực hiện để bảo vệ quyền tác giả, quyền liên quan của mình quy định tại khoản 1 Điều 198, khoản 4 Điều 28 và khoản 5 Điều 35 của Luật Sở hữu trí tuệ để sử dụng tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa trái quy định của Luật Sở hữu trí tuệ và Nghị định này.

Vô hiệu hóa biện pháp công nghệ hữu hiệu bao gồm cả việc vượt qua biện pháp công nghệ hữu hiệu để sử dụng tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tín

<p>hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa.</p> <p>4. Các trường hợp tiếp cận, sử dụng tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa được phép theo quy định tại các điều 25, 25a, 26, 32, 33 của Luật Sở hữu trí tuệ không áp dụng quy định khoản 2 Điều này.</p>		
<p>Điều 63. Xác định hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan</p>		
<p>3. Người thực hiện hành vi bị xem xét không phải là chủ thể quyền tác giả, quyền liên quan trừ trường hợp đồng tác giả, đồng chủ sở hữu quyền tác giả, quyền liên quan thực hiện hành vi vi phạm với các đồng tác giả, đồng chủ sở hữu quyền tác giả, quyền liên quan còn lại, và không phải là người được pháp luật hoặc cơ quan có thẩm quyền cho phép theo quy định tại các Điều 25, 25a, 26, 32, 33 của Luật Sở hữu trí tuệ;</p>	<p>Bộ Tư pháp: khoản 3 Điều 63 mới chỉ quy định về các trường hợp giới hạn, ngoại lệ không xâm phạm quyền tác giả tại các Điều 25, 25a, 26, 32, 33 Luật Sở hữu trí tuệ; tuy nhiên, điểm b khoản 3 Điều 20 Luật Sở hữu trí tuệ cũng đã quy định chủ sở hữu quyền tác giả không có quyền ngăn cấm tổ chức, cá nhân khác phân phối lần tiếp theo, nhập khẩu để phân phối đối với bản gốc, bản sao tác phẩm đã được chủ sở hữu quyền tác giả thực hiện hoặc cho phép thực hiện việc phân phối. Vì vậy, đề nghị bổ sung quy định về trường hợp này để quy định rõ việc nhập khẩu song song.</p> <p>LS Lê Quang Vinh - Bross và cộng sự: tại khoản 3, thêm dẫn chiếu về cận quyền: "...quy định tại các Điều 25, 25a, 26, 32, 33, điểm a, b của các khoản 3 Điều 20, khoản 5 Điều 29, khoản 3 Điều 30 và khoản 3 Điều 31 của Luật Sở hữu trí tuệ".</p> <p>Lý do: Việc thực hiện hành vi phân phối, sao chép, sao chép tạm thời theo quy định ở các điểm a, b của các khoản 3 Điều 20, khoản 5 Điều 29, khoản 3</p>	<p>Tiếp thu ý kiến Bộ Tư pháp, VIPA, LS Lê Quang Vinh, LS Nguyễn Thị Thu Hà:</p> <p>Bổ sung tại khoản 3 Điều 63 dự thảo Nghị định phân dẫn chiếu đến các trường hợp cận quyền quy định tại khoản khoản 3 Điều 20, khoản 5 Điều 29, khoản 3 Điều 30 và khoản 3 Điều 31 của Luật Sở hữu trí tuệ.</p>

	<p>Điều 30 và khoản 3 Điều 31 nằm ngoài phạm vi quyền độc quyền của chủ thể quyền theo nguyên tắc hết quyền như luật định.</p> <p>LS Nguyễn Thị Thu Hà (Vission & Associates) + VIPA: Đề nghị bổ sung vào cuối khoản 3, Điều 63 Nghị định như sau: “... và không phải người được pháp luật hoặc cơ quan có thẩm quyền cho phép theo quy định tại các Điều 25, 25a, 26, 32, 33 của Luật SHTT, đồng thời cũng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 20 và khoản 5 Điều 29, Luật SHTT.”</p>	
<p>4. Hành vi bị xem xét xảy ra tại Việt Nam.</p> <p>Hành vi bị xem xét cũng bị coi là xảy ra tại Việt Nam nếu hành vi đó xảy ra trên môi trường mạng viễn thông và mạng Internet nhưng nhằm vào người tiêu dùng hoặc người khai thác, sử dụng nội dung thông tin số tại Việt Nam.</p>	<p>Bộ Tư pháp: Tại khoản 4 Điều 63, đề nghị chỉnh lý, làm rõ hơn các tiêu chí trong quy định “hành vi đó xảy ra trên môi trường mạng viễn thông và mạng Internet nhưng <u>nhằm vào</u> người tiêu dùng hoặc người khai thác, sử dụng nội dung thông tin số tại Việt Nam”.</p> <p>LS Lê Quang Vinh - Bross và cộng sự: tại khoản 4: Hành vi xâm phạm trên môi trường số chỉ thỏa mãn nguyên tắc lãnh thổ khi và chỉ khi nó nhằm vào người tiêu dùng hoặc người khai thác, sử dụng nội dung thông tin số tại Việt Nam. Tuy nhiên, quy định này chưa xác định cần phải có con số cụ thể bao nhiêu người dùng tin ở Việt Nam là đối tượng hành vi xâm phạm hướng tới mới đáp ứng điều kiện này? Nên chăng xem xét các quy định hiện hành về dữ liệu phải lưu trữ tại Việt Nam theo Luật an ninh mạng và Nghị định 53/2022 để làm rõ thêm vấn đề này.</p> <p>Liên đoàn Công nghiệp Ghi âm quốc tế (IFPI): đề nghị sửa như sau: “Hành vi bị xem xét xảy ra tại Việt Nam. Hành vi bị xem xét cũng bị coi là xảy ra</p>	<p>Giải trình ý kiến Bộ Tư pháp, LS Lê Quang Vinh, IFPI:</p> <p>Xin được giữ nội dung này như tại dự thảo do đây là nội dung quy định hiện hành tại Nghị định 105/2006/NĐ-CP và được thực thi ổn định.</p>

	<p>tại Việt Nam nếu hành vi đó xảy ra trên môi trường mạng viễn thông và mạng Internet nhưng nhằm vào người tiêu dùng hoặc người khai thác, sử dụng nội dung thông tin số tại Việt Nam hoặc từ Việt Nam nhằm vào người tiêu dùng hoặc người khai thác, sử dụng nội dung thông tin số ở các quốc gia khác.”</p>	
<p>Điều 65. Yếu tố xâm phạm quyền tác giả</p>		
<p>1. Yếu tố xâm phạm quyền tác giả có thể thuộc một trong các dạng sau đây:</p> <p>g) Xâm phạm quyền sao chép tác phẩm: nhân bản, tạo bản sao tác phẩm mà không được sự đồng ý của chủ sở hữu, đồng chủ sở hữu quyền tác giả theo quy định của pháp luật; sao chép phần tác phẩm, trích đoạn, lắp ghép mà không được phép của chủ sở hữu, đồng chủ sở hữu quyền tác giả theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp quy định tại Điều 25 và Điều 25a của Luật Sở hữu trí tuệ;</p> <p>h) Xâm phạm quyền phân phối, nhập khẩu để phân phối đến công chúng: phân phối, nhập khẩu để phân phối đến công chúng bản gốc, bản sao hữu hình tác phẩm mà không được sự đồng ý của chủ sở hữu, đồng chủ sở hữu quyền tác giả theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp quy định tại Điều 25a của Luật Sở hữu trí tuệ;</p> <p>i) Xâm phạm quyền phát sóng, truyền đạt đến công chúng: phát sóng, truyền</p>	<p>Bộ Tư pháp: điểm h khoản 1 Điều 65 dự thảo Nghị định mới chỉ quy định về trường hợp ngoại lệ đối với quyền phân phối, nhập khẩu để phân phối quy định tại Điều 25a Luật Sở hữu trí tuệ; tuy nhiên, điểm b khoản 3 Điều 20 Luật Sở hữu trí tuệ cũng đã quy định chủ sở hữu quyền tác giả không có quyền ngăn cấm tổ chức, cá nhân khác phân phối lần tiếp theo, nhập khẩu để phân phối đối với bản gốc, bản sao tác phẩm đã được chủ sở hữu quyền tác giả thực hiện hoặc cho phép thực hiện việc phân phối. Vì vậy, đề nghị bổ sung quy định về trường hợp này.</p> <p>UNDP: điểm m khoản 1 Điều 65 quy định hành vi cố ý hủy bỏ biện pháp công nghệ bảo vệ quyền mà không ngoại trừ các trường hợp trong Điều 25A của Luật.</p> <p>LS Nguyễn Thị Thu Hà (Vission & Associates) + VIPA: điểm h khoản 1 Điều 65, đề nghị bổ sung đoạn “và điểm b khoản 3 Điều 20 Luật SHTT”.</p> <p>Hội Người mù VN: đề nghị bổ sung tại điểm m, n khoản 1 Điều 65 “trừ khi việc hủy bỏ hoặc làm vô hiệu biện pháp công nghệ đó nhằm tạo điều kiện cho người khuyết tật tiếp cận tác phẩm”.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến Bộ Tư pháp, Hội Người mù VN, UNDP, VIPA, LS Nguyễn Thị Thu Hà: bổ sung các dẫn chiếu về trường hợp cận quyền tại các điểm g, h và m khoản 1 Điều này.</p>

<p>đạt đến công chúng tác phẩm qua mạng viễn thông và mạng Internet mà không được sự đồng ý của chủ sở hữu, đồng chủ sở hữu quyền tác giả theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp quy định tại Điều 25 và Điều 25a của Luật Sở hữu trí tuệ;</p> <p>m) Cố ý hủy bỏ hoặc làm vô hiệu biện pháp công nghệ hữu hiệu do tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả thực hiện trên bản gốc, bản sao tác phẩm để bảo vệ quyền tác giả đối với tác phẩm của mình theo quy định của pháp luật;</p> <p>n) Sản xuất, phân phối, nhập khẩu, chào bán, bán, quảng bá, quảng cáo, tiếp thị, cho thuê hoặc tàng trữ nhằm mục đích thương mại các thiết bị, sản phẩm hoặc linh kiện, giới thiệu hoặc cung cấp dịch vụ khi biết hoặc có cơ sở để biết thiết bị, sản phẩm, linh kiện hoặc dịch vụ đó được sản xuất, sử dụng nhằm vô hiệu hóa biện pháp công nghệ hữu hiệu bảo vệ quyền tác giả theo quy định của pháp luật;</p>		
<p><i>Điều 66. Yếu tố xâm phạm quyền liên quan</i></p>		
<p>1. Yếu tố xâm phạm quyền liên quan có thể thuộc một trong các dạng sau đây:</p> <p>d) Xâm phạm quyền sao chép cuộc biểu diễn đã được định hình trên bản ghi âm, ghi hình: nhân bản, sao chép, trích, ghép toàn bộ hoặc một phần bản định</p>	<p><i>LS Nguyễn Thị Thu Hà (Vission & Associates) + VIPA:</i> điểm e, k, q khoản 1 Điều 66, đề nghị bổ sung tương tự Điều 65 các dẫn chiếu về cạnh quyền, cụ thể: “<i>trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 29 Luật SHTT</i>”, khoản 3 Điều 30, khoản 3 Điều 31.</p>	<p><i>Tiếp thu ý kiến VIPA, LS Nguyễn Thị Thu Hà:</i> bổ sung các dẫn chiếu về trường hợp cạnh quyền tại các điểm d, e, i, k, o và q khoản 1 Điều này.</p>

hình cuộc biểu diễn mà không được sự đồng ý của người biểu diễn theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp quy định tại Điều 32 của Luật Sở hữu trí tuệ;

e) Xâm phạm quyền phân phối, nhập khẩu để phân phối đến công chúng bản gốc, bản sao bản định hình cuộc biểu diễn dưới dạng hữu hình: phân phối, nhập khẩu để phân phối đến công chúng bản gốc, bản sao bản định hình cuộc biểu diễn dưới dạng hữu hình mà không được sự đồng ý của người biểu diễn theo quy định của pháp luật;

i) Xâm phạm quyền sao chép toàn bộ hoặc một phần bản ghi âm, ghi hình: nhân bản, sao chép, trích, ghép toàn bộ hoặc một phần bản ghi âm, ghi hình mà không được sự đồng ý của chủ sở hữu quyền đối với bản ghi âm, ghi hình theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp quy định tại Điều 32 của Luật Sở hữu trí tuệ;

k) Xâm phạm quyền phân phối, nhập khẩu để phân phối đến công chúng bản gốc, bản sao bản ghi âm, ghi hình dưới dạng hữu hình: phân phối, nhập khẩu để phân phối bản gốc, bản sao bản ghi âm, ghi hình dưới dạng hữu hình mà không được sự đồng ý của chủ sở hữu quyền đối với bản ghi âm, ghi hình theo quy định của pháp luật;

<p>o) Xâm phạm quyền sao chép bản định hình chương trình phát sóng: thu, giải mã, nhân bản, sao chép, trích, ghép toàn bộ hoặc một phần bản định hình chương trình phát sóng mà không được sự đồng ý của chủ sở hữu quyền đối với chương trình phát sóng theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp quy định tại Điều 32 của Luật Sở hữu trí tuệ;</p> <p>q) Xâm phạm quyền phân phối, nhập khẩu để phân phối đến công chúng bản định hình chương trình phát sóng dưới dạng hữu hình: phân phối, nhập khẩu để phân phối bản định hình chương trình phát sóng dưới dạng hữu hình mà không được sự đồng ý của chủ sở hữu quyền đối với chương trình phát sóng theo quy định của pháp luật;</p>		
Điều 68. Nguyên tắc xác định thiệt hại		
<p>1. Thiệt hại do hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan quy định tại Điều 204 của Luật Sở hữu trí tuệ là sự tổn thất thực tế về vật chất và tinh thần do hành vi xâm phạm trực tiếp gây ra cho chủ thể quyền tác giả, quyền liên quan.</p> <p>2. Được coi là có tổn thất thực tế nếu có đủ các căn cứ sau đây:</p> <p>a) Lợi ích vật chất hoặc tinh thần là có thực và thuộc về người bị thiệt hại: lợi ích vật chất hoặc tinh thần là kết quả (sản phẩm) của quyền tác giả, quyền</p>	<p>Bộ Tư pháp: Liên quan chế định về xác định thiệt hại, dự thảo Nghị định (Điều 68 đến Điều 73); tuy nhiên Luật Sở hữu trí tuệ (sửa đổi, bổ sung đến năm 2022) không giao Chính phủ quy định chi tiết; vấn đề này đã được Luật Sở hữu trí tuệ quy định tại Điều 204 và Điều 205. Trường hợp cơ quan chủ trì soạn thảo nhận thấy cần hướng dẫn chi tiết thì phải:</p> <p>(i) tuân thủ đúng quy trình “2 bước” theo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật như đã đề cập ở trên: (ii) chỉ tập trung hướng dẫn các vấn đề “đặc thù” ngoài quy định về bồi thường thiệt hại của Bộ luật Dân sự năm 2015 và đảm bảo phù hợp với Điều 204 và Điều 205 Luật Sở hữu trí tuệ nhằm tuân thủ</p>	<p>Giải trình ý kiến Bộ Tư pháp: Nội dung này xin được giữ tại dự thảo đề quy định chi tiết, làm rõ hơn về nguyên tắc, căn cứ xác định thiệt hại..., cụ thể, đặc thù của lĩnh vực quyền tác giả, quyền liên quan để tổ chức, cá nhân thuận lợi trong thực hiện pháp luật.</p>

<p>liên quan và người bị thiệt hại là người có quyền hưởng lợi ích vật chất hoặc tinh thần đó;</p> <p>b) Người bị thiệt hại có khả năng đạt được lợi ích quy định tại điểm a khoản này: người bị thiệt hại có thể đạt được (thu được) lợi ích vật chất hoặc tinh thần đó trong điều kiện nhất định nếu không có hành vi xâm phạm xảy ra;</p> <p>c) Có sự giảm sút hoặc mất lợi ích của người bị thiệt hại sau khi hành vi xâm phạm xảy ra so với khả năng đạt được lợi ích đó khi không có hành vi xâm phạm và hành vi xâm phạm là nguyên nhân trực tiếp gây ra sự giảm sút, mất lợi ích đó: Trước khi xảy ra hành vi xâm phạm, người bị thiệt hại đã có lợi ích vật chất hoặc tinh thần và sau khi hành vi xâm phạm xảy ra người bị thiệt hại bị giảm sút hoặc mất lợi ích mà họ đạt được trước khi có hành vi xâm phạm; giữa hành vi xâm phạm và sự giảm sút, mất lợi ích đó phải có mối quan hệ nhân quả.</p> <p>3. Mức độ thiệt hại được xác định phù hợp với yếu tố xâm phạm quyền đối với đối tượng quyền tác giả, quyền liên quan.</p> <p>Việc xác định mức độ thiệt hại dựa trên chứng cứ về thiệt hại do các bên cung cấp, kể cả kết quả trưng cầu giám định và bản kê khai thiệt hại, trong đó làm</p>	<p>nguyên tắc trường hợp luật khác có liên quan không quy định... thì quy định của Bộ luật Dân sự được áp dụng (khoản 3 Điều 4 Bộ luật Dân sự).</p> <p>Ví dụ, quy định “tôn thất thực tế” dựa trên căn cứ: lợi ích “<i>tinh thần là có thực</i>”, “người bị thiệt hại có khả năng đạt được lợi ích”, “<i>có sự giảm sút hoặc mất lợi ích</i>” tại khoản 2 Điều 68 dự thảo Nghị định nếu áp dụng để tính toán thiệt hại về tinh thần là khó xác định. Bởi vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu quy định tại Điều 592 BLDS năm 2015 để có quy định hướng dẫn thực hiện cho phù hợp.</p> <p>Ngoài ra, dự thảo Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ (do Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì soạn thảo theo Quyết định số 917/QĐ-TTg) cũng quy định về vấn đề này (Điều 86 đến Điều 92). Do đó, cơ quan chủ trì soạn thảo cần phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ để có hướng xử lý thống nhất, đồng bộ.</p>	
--	---	--

rõ các căn cứ để xác định và tính toán mức thiệt hại.		
Điều 69. Tổn thất về tinh thần		
<p>Tổn thất về tinh thần là các tổn thất về danh dự, nhân phẩm, uy tín, danh tiếng và những tổn thất khác về tinh thần gây ra cho tác giả, người biểu diễn do quyền nhân thân của tác giả, người biểu diễn bị xâm phạm dẫn đến tác giả, người biểu diễn bị tổn hại về danh dự, nhân phẩm, bị giảm sút hoặc mất đi sự tín nhiệm (uy tín), danh tiếng, lòng tin vì bị hiểu nhầm... và đến mức phải xin lỗi, cải chính công khai, bồi thường thiệt hại về mặt tinh thần.</p>	<p>Đài PTTH Tây Ninh: Trong thời gian qua, Trung tâm bảo vệ quyền tác giả âm nhạc Việt Nam thực hiện không đúng chức năng nhiệm vụ của mình, không thực hiện đàm phán, thỏa thuận theo quy định mà chỉ áp đặt với cách làm “Vừa đá bóng, vừa thổi còi” (nội dung này Đài Phát thanh và Truyền hình Tây Ninh đã nêu rõ tại Công văn số 511/PTTH-VNGT ngày 16/8/2022).</p> <p>* Tránh trường hợp lạm quyền trong thực hiện nhiệm vụ, đề nghị bổ sung: “Tổn thất về tinh thần là các tổn thất về danh dự, nhân phẩm, uy tín, danh tiếng và những tổn thất khác về tinh thần gây ra cho tổ chức, cá nhân, tác giả, người biểu diễn do xâm phạm các quyền liên quan (tại Điều 66), quyền nhân thân của tác giả, người biểu diễn bị xâm phạm dẫn đến tác giả, người biểu diễn bị tổn hại về danh dự, nhân phẩm, bị giảm sút hoặc mất đi sự tín nhiệm (uy tín), danh tiếng, lòng tin vì bị hiểu nhầm và đến mức phải xin lỗi, cải chính công khai, bồi thường thiệt hại về mặt tinh thần.”</p> <p>Trung tâm Bảo vệ quyền tác giả âm nhạc VN (VCPMC): Đề xuất sửa cụm từ: “do quyền nhân thân của tác giả, người biểu diễn bị xâm phạm” thành “do quyền tác giả, quyền của người biểu diễn bị xâm phạm”.</p> <p>Lý do: Ngoài quyền nhân thân, khi quyền tài sản bị xâm phạm thì đều dẫn đến hậu quả tổn thất tinh thần và người bị xâm phạm rất cần được nhận lời</p>	<p>Giải trình ý kiến Đài PTTH Tây Ninh: Xác định tổn thất về tinh thần đối với chủ thể bị tổn thất do hành vi xâm phạm QTG, QLQ gây ra.</p> <p>Tiếp thu ý kiến VCPMC: Chính lý lại Điều 69 dự thảo Nghị định.</p>

	xin lỗi để bù đắp phần nào cho những tổn thất tinh thần ấy.	
Điều 74. Giám định về quyền tác giả và quyền liên quan		
<p>1. Giám định về quyền tác giả và quyền liên quan là việc tổ chức, cá nhân có thẩm quyền sử dụng kiến thức, nghiệp vụ chuyên môn để đánh giá, kết luận về những vấn đề có liên quan đến quyền tác giả, quyền liên quan theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân yêu cầu giám định.</p> <p>2. Giám định về quyền tác giả và quyền liên quan bao gồm các nội dung sau đây:</p> <p>a) Xác định căn cứ phát sinh quyền tác giả, quyền liên quan theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 6 của Nghị định này;</p> <p>b) Xác định đối tượng được xem xét có đáp ứng các điều kiện để bị coi là yếu tố xâm phạm quyền tác giả, quyền liên</p>	<p>Bộ Tư pháp: Theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật thì “<i>cơ quan được giao ban hành văn bản quy định chi tiết không được ủy quyền tiếp</i>”. Tuy nhiên, khoản 3 Điều 74 dự thảo Nghị định quy định giao Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn cụ thể về hoạt động giám định về quyền tác giả, quyền liên quan trong khi khoản 6 Điều 201 Luật Sở hữu trí tuệ đã giao “<i>Chính phủ quy định cụ thể về tổ chức và hoạt động giám định về sở hữu trí tuệ</i>”. Vì vậy, đề nghị xem xét lại quy định này và quy định chi tiết các nội dung này ngay tại dự thảo Nghị định hoặc đưa các quy định liên quan đến giám định về quyền tác giả, quyền liên quan sang Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ</p>	<p>Tiếp thu ý kiến Bộ Tư pháp: bổ sung quy định chi tiết các nội dung về giám định về quyền tác giả, quyền liên quan tại dự thảo Nghị định, phù hợp với quy định tại khoản 6 Điều 201 Luật SHTT.</p>

<p>quan hay không theo quy định tại khoản 2 Điều 5 và các điều từ Điều 7 đến Điều 14 của Nghị định này;</p> <p>c) Xác định có hay không sự trùng, tương đương, tương tự, gây nhầm lẫn, khó phân biệt hoặc sao chép giữa đối tượng được xem xét với đối tượng được bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan;</p> <p>d) Xác định giá trị quyền tác giả, quyền liên quan, xác định giá trị thiệt hại.</p> <p>3. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm hướng dẫn cụ thể về hoạt động giám định về quyền tác giả và quyền liên quan thuộc phạm vi quản lý của mình.</p>	<p>(trong đó cũng có quy định về giám định sở hữu trí tuệ).</p>	
<p>Điều 75. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian</p>		
<p>Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian quy định tại Điều 198b Luật Sở hữu trí tuệ bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ truy nhập Internet, dịch vụ kết nối Internet; 2. Doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ viễn thông khác; 3. Doanh nghiệp cho thuê chỗ đặt máy chủ, cho thuê máy chủ dùng riêng, cho thuê chỗ lưu trữ nội dung thông tin số; 4. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mạng xã hội trực tuyến; 5. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ tìm kiếm nội dung thông tin số. 	<p>Bộ Thông tin và Truyền thông: Điều 9, Nghị định số: 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 04 năm 2011 của Chính phủ qui định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông phân loại dịch vụ viễn thông như dưới đây:</p> <p>“1. Dịch vụ viễn thông cơ bản bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> a) Dịch vụ thoại; b) Dịch vụ fax; c) Dịch vụ truyền số liệu; d) Dịch vụ truyền hình ảnh; đ) Dịch vụ nhắn tin; e) Dịch vụ hội nghị truyền hình; g) Dịch vụ kênh thuê riêng; h) Dịch vụ kết nối Internet; i) Các dịch vụ viễn thông cơ bản khác theo quy định 	<p>Tiếp thu ý kiến Bộ TTTT:</p> <p>Chỉnh lý lại Điều 75 dự thảo quy định rõ hơn và chính xác hơn các loại hình doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian.</p> <p>Đối với khoản 2 về doanh nghiệp viễn thông khác thì chỉ rõ dịch vụ mà doanh nghiệp viễn thông đó cung cấp, theo quy định tại Điều 9 Nghị định 25/2011/NĐ-CP và Thông tư 05/2012/TT-BTTTT.</p> <p>Đối với dịch vụ thoại thì việc các doanh nghiệp này cung cấp nhạc chuông, nhạc chờ không thuộc trường hợp “trung gian”. Do đó, xin không bỏ</p>

	<p><i>của Bộ Thông tin và Truyền thông.</i></p> <p><i>2. Dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng bao gồm:</i></p> <p><i>a) Dịch vụ thư điện tử;</i></p> <p><i>b) Dịch vụ thư thoại;</i></p> <p><i>c) Dịch vụ fax gia tăng giá trị;</i></p> <p><i>d) Dịch vụ truy nhập Internet;</i></p> <p><i>đ) Các dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng khác theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.”</i></p> <p>Trong đó chỉ có 4 nhóm doanh nghiệp (cung cấp dịch vụ truy nhập Internet, dịch vụ kết nối Internet, kênh thuê riêng, thoại) là doanh nghiệp trung gian. Các dịch vụ còn lại không đáp ứng định nghĩa về doanh nghiệp trung gian bao gồm: fax, truyền số liệu, truyền hình ảnh, nhắn tin, hội nghị truyền hình, thư điện tử, thư thoại, fax gia tăng giá trị.</p> <p>Đề nghị sửa đổi, bổ sung Điều 75 như sau: “Điều 75. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian quy định tại Điều 198b Luật Sở hữu trí tuệ bao gồm:</p> <p>1. Doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ truy nhập Internet, dịch vụ kết nối Internet.</p> <p>2. Doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ kênh thuê riêng đối với trường hợp khách hàng không sử dụng kênh thuê riêng để cung cấp các dịch vụ theo qui định tại Khoản 4, Khoản 5, Điều này.</p> <p>3. Doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ thoại.</p> <p>4. Doanh nghiệp cho thuê chỗ đặt máy chủ, cho thuê máy chủ dùng riêng đối với trường hợp khách hàng không sử dụng máy chủ để cung cấp dịch vụ theo qui định tại Khoản 5, Điều này.</p>	<p>sung nội dung này.</p>
--	---	---------------------------

	<p>5. Doanh nghiệp cho thuê chỗ lưu trữ nội dung thông tin số.</p> <p>6. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mạng xã hội trực tuyến.”</p> <p>Khoản 2: nếu khách hàng sử dụng kênh thuê riêng để cung cấp dịch vụ như qui định tại Khoản 4 hoặc Khoản 5 thì chính họ sẽ trở thành doanh nghiệp trung gian.</p> <p>Khoản 3: Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ điện thoại có thể cung cấp dịch vụ nhạc chờ, nhạc chuông.</p> <p>Khoản 4: Doanh nghiệp trung gian qui định ở hai khoản này sẽ có những trách nhiệm khác nhau. Nếu khách hàng sử dụng máy chủ để cung cấp dịch vụ theo qui định tại Khoản 5, Điều này thì chính họ sẽ trở thành doanh nghiệp trung gian.</p> <p>Khoản 5: bỏ khoản 5 cũ không đúng với định nghĩa về doanh nghiệp trung gian. Search engine chỉ cung cấp đường link (location) mà thôi.</p>	
	<p>Tập đoàn Bưu chính viễn thông VN – VNPT:</p> <p>Điều 198b Luật sở hữu trí tuệ sửa đổi, bổ sung năm 2022 (Luật SHTT) quy định về doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian như sau: “Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian là doanh nghiệp cung cấp phương tiện kỹ thuật để tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ đưa nội dung thông tin số lên môi trường mạng viễn thông và mạng internet; cung cấp kết nối trực tuyến cho công chúng tiếp cận, sử dụng nội dung thông tin số trên môi trường mạng viễn thông và mạng internet.” Định nghĩa này được hiểu là doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian (DNCCDVTG) không trực tiếp đưa nội dung thông tin số lên môi trường mạng viễn thông và mạng</p>	<p>Tiếp thu ý kiến VNPT:</p> <p>Chỉnh lý lại Điều 75 dự thảo quy định rõ hơn và chính xác hơn các loại hình doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian (Theo phương án của Bộ TTTT). Đối với khoản 2 về doanh nghiệp viễn thông khác thì chỉ rõ dịch vụ mà doanh nghiệp viễn thông đó cung cấp, theo quy định tại Điều 9 Nghị định 25/2011/NĐ-CP và Thông tư 05/2012/TT-BTTTT.</p>

internet mà chỉ cung cấp phương tiện kỹ thuật để các tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ của DNCCDVTG thực hiện việc này.

Khoản 2, Điều 75 dự thảo quy định DNCCDVTG là doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông khác, căn cứ Thông tư số 05/2012/TT-BTTTT ngày 18/5/2012 (Thông tư số 05) về phân loại các dịch vụ viễn thông thì phạm vi các doanh nghiệp được xác định là DNCCDVTG rất rộng. Tuy nhiên, không phải doanh nghiệp nào theo phân loại tại Thông tư số 05 đều thỏa mãn định nghĩa về DNCCDVTG như quy định tại Điều 198b Luật SHTT.

Vì vậy, trên cơ sở định nghĩa tại Điều 198b, cơ quan soạn thảo cần phải xem xét lại trong số các doanh nghiệp được liệt kê tại Điều 75 dự thảo thì doanh nghiệp nào sẽ được xác định là DNCCDVTG, ví dụ:

- Doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ nhạc chuông, nhạc chờ. Dịch vụ này được xác định là dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng và do chính các doanh nghiệp viễn thông đưa lên môi trường mạng viễn thông của mình để phục vụ khách hàng. Như vậy, theo quy định tại khoản 2, Điều 75 thì Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng được xác định là DNCCDVTG, tuy nhiên theo quy định tại Điều 198b Luật SHTT thì không được xác định là DNCCDVTG;
- Doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ viễn thông cộng thêm (bao gồm dịch vụ hiển thị số chủ gọi; dịch vụ giấu số gọi; dịch vụ bắt số; dịch vụ chờ cuộc gọi; dịch vụ chuyên cuộc gọi; dịch vụ chặn

	<p>cuộc gọi; dịch vụ quay số tắt): Khách hàng của doanh nghiệp viễn thông không thể sử dụng những dịch vụ này để đưa nội dung thông tin số lên môi trường mạng viễn thông và mạng internet nên không thỏa mãn định nghĩa về DNCCDVTG theo quy định tại Điều 198b Luật SHTT.</p>	
	<p><i>Liên đoàn Công nghiệp Ghi âm quốc tế (IFPI):</i> Danh sách các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian được quy định tại Điều 75 của dự thảo Nghị định có thể gây hiểu lầm rằng các doanh nghiệp được quy định tại Điều 75 luôn luôn được miễn trừ trách nhiệm. Điều 75 cần quy định rõ rằng trường hợp miễn trừ trách nhiệm chỉ áp dụng đối với các hoạt động được quy định tại khoản a, b và c, khoản 3, Điều 198b hoặc bất kỳ hoạt động nào khác do Chính phủ quy định theo quy định tại điểm d, khoản 3, Điều 198b của Luật SHTT, và trong mọi trường hợp chỉ được áp dụng khi các nhà cung cấp dịch vụ đã đáp ứng các yêu cầu và điều kiện khác như được nêu dưới đây. Đề nghị sửa Điều 75 như sau: “Điều 75. Trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian 1. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian chỉ được miễn trừ trách nhiệm pháp lý đối với các hoạt động quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 3 Điều 198b nếu đáp ứng các điều kiện sau: (a) Hoạt động có tính chất kỹ thuật, tự động và thụ động; (b) Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không biết, nhận thức hoặc kiểm soát được nội dung do họ truyền tải và/hoặc lưu trữ và khi biết hoặc nhận</p>	<p><i>Giải trình, tiếp thu ý kiến IFPI:</i> - Các điều kiện để được miễn trừ trách nhiệm pháp lý về quyền tác giả, quyền liên quan của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian đã được quy định rõ và nhóm theo 3 trường hợp cơ bản là 3 loại chức năng chính của doanh nghiệp trung gian. Do vậy, xin giữ quy định tại Điều 75 dự thảo về phân loại các loại hình doanh nghiệp trung gian để thuận lợi cho việc xác định, gọi tên vì các doanh nghiệp này đang hoạt động theo quy định của pháp luật chuyên ngành như Luật Viễn thông, Luật Công nghệ thông tin, Luật An ninh mạng... - Xin nghiên cứu tiếp thu nội dung “Việc miễn trừ trách nhiệm đối với các hoạt động quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 3 Điều 198b sẽ không ảnh hưởng đến khả năng cơ quan tư pháp hoặc hành chính yêu cầu doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chấm dứt hoặc ngăn chặn hành vi xâm phạm.” và thể hiện lại tại Điều 76 dự thảo Nghị định.</p>

	<p><i>thức được rằng nội dung đó vi phạm quyền tác giả, quyền liên quan, nhanh chóng thực hiện việc gỡ bỏ hoặc vô hiệu hóa việc truy nhập tới nội dung bất xâm phạm và thực hiện các bước hiệu quả được mong đợi một cách hợp lý đối với một bên vận hành miễn cần phù hợp với các tiêu chuẩn cao của ngành để đảm bảo rằng nội dung vi phạm không xuất hiện lại.</i></p> <p><i>(c) Không có lợi ích tài chính nào có được từ hoạt động vi phạm.</i></p> <p><i>(d) Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hoạt động theo cách được mong đợi đối với một bên vận hành kinh tế miễn cần để ngăn chặn việc cung cấp nội dung vi phạm thông qua các dịch vụ của họ.</i></p> <p><i>2. Việc miễn trừ trách nhiệm đối với các hoạt động quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 3 Điều 198b chỉ cung cấp quyền miễn trừ đối với các yêu cầu bồi thường thiệt hại về tiền và sẽ không ảnh hưởng đến khả năng cơ quan tư pháp hoặc hành chính yêu cầu doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chấm dứt hoặc ngăn chặn hành vi xâm phạm.”</i></p>	
<p>Điều 76. Trách nhiệm của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian</p>		
<p>1. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian phải xây dựng cơ chế nhận khiếu nại, phản ánh về xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan.</p> <p>2. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian thông báo tới đầu mối liên lạc phụ trách vấn đề quyền tác giả, quyền liên quan tới cơ quan quản lý</p>	<p>Bộ Thông tin và Truyền thông: Đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau:</p> <p>“Điều 76. Trách nhiệm của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian</p> <p><i>1. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian phải xây dựng cơ chế nhận khiếu nại, phản ánh về xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan.</i></p> <p><i>2. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian</i></p>	<p>Tiếp thu, giải trình ý kiến Bộ TTTT:</p> <p>Chỉnh lý lại Điều 76 dự thảo Nghị định để quy định chi tiết, chính xác hơn các trách nhiệm của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian.</p> <p>Các nội dung về gỡ bỏ, ngăn chặn truy nhập nội dung thông tin số xin được giữ tại Điều 78 và chỉnh lý lại cho phù</p>

<p>nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Cục Bản quyền tác giả).</p> <p>3. Cảnh báo dành cho người sử dụng dịch vụ về trách nhiệm pháp lý của họ nếu họ thực hiện hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan.</p> <p>4. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ tại các khoản 3, 4 và 5 Điều 75 của Nghị định này thực hiện gỡ bỏ hoặc ngăn chặn việc truy nhập tới nội dung thông tin số khi biết nội dung thông tin số đó vi phạm quyền tác giả, quyền liên quan.</p> <p>5. Chấp hành công tác thanh tra, kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan.</p>	<p><i>cung cấp đầu mối liên lạc phụ trách vấn đề quyền tác giả, quyền liên quan tới cơ quan quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Cục Bản quyền tác giả).</i></p> <p><i>3. Cảnh báo dành cho người sử dụng dịch vụ về trách nhiệm pháp lý của họ nếu họ thực hiện hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan.</i></p> <p><i>4. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian tại các khoản 3, 5 và 6, Điều 75 của Nghị định này thực hiện gỡ bỏ hoặc ngăn chặn việc truy nhập tới nội dung thông tin số khi biết nội dung thông tin số đó vi phạm quyền tác giả, quyền liên quan.</i></p> <p><i>5. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian tại các khoản 1, 2 và 4, Điều 75 của Nghị định này thực hiện tạm ngắt đường truyền Internet hoặc kênh thuê riêng khi biết khách hàng của mình vi phạm quyền tác giả, quyền liên quan.</i></p> <p><i>6. Thời hạn các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian phải thực hiện các trách nhiệm qui định tại Khoản 4, Khoản 5, Điều này là 5 ngày làm việc.</i></p> <p><i>7. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian được cho là biết có hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan qui định tại Khoản 4, Khoản 5, Điều này khi:</i></p> <p><i>a) Nhận được hồ sơ báo cáo vi phạm từ chủ sở hữu quyền thông qua cơ chế khiếu nại, phản ánh về xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan với đầy đủ chứng cứ chứng minh bao gồm:</i></p> <p><i>- Tài liệu, chứng cứ theo quy định tại Khoản 1, Điều 198a, Luật Sở hữu trí tuệ.</i></p>	<p>hợp. Quy định tại Điều 78 có dẫn chiếu sang Điều 76 nên vẫn đảm bảo về kỹ thuật văn bản.</p>
---	---	---

- Văn bản cam kết chịu mọi trách nhiệm với yêu cầu gỡ bỏ hoặc ngăn chặn của mình, trong đó có trách nhiệm đền bù thiệt hại trực tiếp và thiệt hại gián tiếp cho các bên liên quan.

- Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan do Cục Bản quyền tác giả - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp.

- Chứng cứ về hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan và thiệt hại.

b) Nhận được yêu cầu bằng văn bản từ cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông hoặc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

8. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian có trách nhiệm thông báo về hành động tạm ngắt đường truyền Internet hoặc kênh thuê riêng hoặc gỡ bỏ, ngăn chặn việc truy nhập đến nội dung thông tin số cho bên yêu cầu hành động và bên chịu thiệt hại vì hành động đó.

9. Chấp hành công tác thanh tra, kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

10. Bất cứ bên nào có hành vi lừa dối gây thiệt hại đến lợi ích chính đáng của chủ thể quyền, nhà cung cấp nội dung thông tin số và doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian, phải chịu trách nhiệm pháp lý tương ứng.”

Lý do: các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian tại khoản 5 không có quyền truy nhập vào các máy chủ. Do vậy, không thể gỡ bỏ nội dung thông tin vi phạm mà chỉ có thể cắt đường truyền Internet

	<p>hoặc kênh thuê riêng; Hai khoản 7, 8 thay cho khoản 1, Khoản 3, Điều 78. Việc gỡ bỏ nội dung thông tin số là việc làm gây thiệt hại, tạo gánh nặng cho nhiều bên liên quan. Do vậy, bắt buộc phải có các giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan và chứng cứ về hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan. Về khoản 9, không nên tạo thêm gánh nặng cho doanh nghiệp trung gian phải làm việc với các đoàn thanh tra, kiểm tra ngoài ngành thông tin và truyền thông.</p>	
	<p>Vụ Pháp chế - BVHTTDL: + Cân nhắc, xem xét lại khoản 2 Điều 76 về trách nhiệm thông báo của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian tới đâu, hình thức thông báo như thế nào + Làm rõ mối quan hệ giữa quy định về “công cụ tiếp nhận báo cáo vi phạm” tại điểm a khoản 1 Điều 87 với “cơ chế nhận khiếu nại, phản ánh” tại khoản 1 Điều 76. + Khoản 4 Điều 76 cần xem lại vì chưa phù hợp với Luật Sở hữu trí tuệ. Tập đoàn Bưu chính viễn thông VN - VNPT: Khoản 1, Điều 76 quy định: Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian (DNCCDVTG) có trách nhiệm xây dựng cơ chế nhận khiếu nại, phản ánh về xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan. Điểm a, khoản 1, Điều 78 quy định: Báo cáo vi phạm từ chủ sở hữu quyền thông qua công cụ tiếp nhận. Nhu vậy, “cơ chế nhận” và “công cụ tiếp nhận” có được hiểu giống nhau hay không? Trường hợp được hiểu giống nhau, đề nghị cơ quan soạn thảo thống</p>	<p>Tiếp thu ý kiến Vụ Pháp chế, VNPT: - Chính lý lại khoản 2 Điều 76 để rõ nghĩa hơn. - Chính lý tại Điều 76, 78 dự thảo để thống nhất sử dụng cụm từ “công cụ”.</p>

	nhất cách sử dụng từ ngữ.	
	<p><i>Trung tâm Bảo vệ quyền tác giả âm nhạc VN (VCPMC):</i></p> <p>- Bổ sung thêm điều khoản có nội dung: <i>“6. Các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian phải có thỏa thuận chung với người dùng sử dụng dịch vụ của mình, trong đó phải có đầy đủ các thông tin định danh bao gồm nhưng không giới hạn: căn cước công dân, số điện thoại, giấy đăng ký doanh nghiệp (đối với tổ chức) của người dùng.”</i></p> <p>Lý do:</p> <p>+ Thứ nhất, để phù hợp với quy định về điều kiện đối với trang thông tin điện tử tổng hợp, mạng xã hội theo quy định tại khoản 10 Điều 1 Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01/3/2018.</p> <p>+ Thứ hai, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc quản lý việc sử dụng thông tin số trên môi trường viễn thông và mạng Internet, hạn chế hoặc kịp thời xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trên môi trường viễn thông và mạng Internet. Đồng thời, đây cũng là nội dung bổ sung giúp cơ quan nhà nước có thể quản lý các hoạt động của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian hiệu quả hơn.</p> <p>- Bổ sung thêm điều khoản có nội dung: <i>“7. Các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian khai thác, sử dụng nội dung số do người sử dụng dịch vụ đăng tải trên môi trường mạng viễn thông và mạng Internet vì mục đích thương mại hoặc là nguồn khởi đầu đăng tải, truyền đưa hoặc cung cấp nội dung thông tin số qua mạng viễn thông và mạng Internet thì phải thực hiện nghĩa vụ xin phép và trả tiền bản quyền theo quy định tại</i></p>	<p><i>Tiếp thu ý kiến VCPMC:</i></p> <p>- Bổ sung thêm khoản tại Điều 76 dự thảo Nghị định quy định về việc doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian phải có thỏa thuận chung với người dùng về việc cung cấp thông tin định danh để có thể xác định, liên hệ trong trường hợp người dùng có hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan.</p> <p>- Bổ sung thêm khoản tại Điều 76 dự thảo Nghị định quy định về trường hợp doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian mà khai thác, sử dụng nội dung số do người sử dụng dịch vụ đăng tải lên vì mục đích thương mại thì phải thực hiện nghĩa vụ xin phép và trả tiền bản quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Luật Sở hữu trí tuệ.</p>

	<p><i>khoản 2 Điều 20 Luật Sở hữu trí tuệ.</i></p> <p>Lý do: Xác định rõ giới hạn trách nhiệm đối với các trường hợp doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian có chức năng tự đăng tải nội dung thông tin số hoặc khai thác các nội dung thông tin số của do người sử dụng đăng tải để kinh doanh, thương mại nhằm mục đích lợi nhuận.</p>	
	<p><i>Tổng Công ty Viễn thông MobiFone:</i> đề nghị bổ sung “4. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ tại các khoản 3, 4 và 5 Điều 75 của Nghị định này thực hiện gỡ bỏ hoặc ngăn chặn việc truy nhập tới nội dung thông tin số khi có yêu cầu của cơ quan quản lý có thẩm quyền xác nhận về nội dung thông tin số đó vi phạm quyền tác giả, quyền liên quan.”. Lý do: cần xác định tính chính xác của thông tin vi phạm để thực hiện gỡ bỏ hoặc ngăn chặn.</p>	<p><i>Giải trình ý kiến MobiFone:</i></p> <p>Việc gỡ bỏ, ngăn chặn nội dung thông tin số xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan hoàn toàn có thể thực hiện khi chủ sở hữu quyền đã cung cấp đầy đủ chứng cứ chứng minh về quyền của mình mà không cần xác minh lại từ phía cơ quan nhà nước. ISP sẽ tạm ngăn chặn cho phía đăng tải nội dung được cho là vi phạm có thời gian chứng minh ngược lại. Nếu không có chứng cứ nào, ISP có thể gỡ bỏ ngăn chặn. Hướng tới là những doanh nghiệp trung gian đúng nghĩa, cầu nối giữa các người dùng, bảo đảm tôn trọng sự sáng tạo, quyền tác giả, quyền liên quan.</p>
	<p><i>Liên đoàn Công nghiệp Ghi âm quốc tế (IFPI):</i></p> <p>Điều 76 và 78 nên được mở rộng phạm vi để cung cấp một hệ thống “thông báo và ngăn chặn” thực sự hiệu quả, theo đó doanh nghiệp cung cấp dịch vụ sẽ không chỉ chấm dứt hành vi xâm phạm được thông báo mà còn phải chấm dứt tất cả các hành vi xâm phạm khác trên dịch vụ của doanh nghiệp đối với cùng nội dung đã được thông báo, và phải ngăn chặn các hành vi xâm phạm nội dung đó trong tương lai.</p>	<p><i>Giải trình, tiếp thu ý kiến IFPI:</i></p> <p>- Biện pháp chấm dứt tài khoản của người sử dụng dịch vụ là một biện pháp mạnh, chưa đánh giá được mức độ “xâm phạm nhiều lần quyền của bên thứ ba” là như thế nào. Do vậy, xin không bổ sung nội dung này mà quy định doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian có trách nhiệm gỡ bỏ/ hoặc</p>

	<p>Điều này là cần thiết vì cơ chế “thông báo và gỡ bỏ” đơn thuần trong thực tế là một biện pháp không hiệu quả vì cơ chế này cho phép cùng một nội dung vi phạm có thể được tải lên trên cùng một dịch vụ ngay sau khi bị gỡ bỏ.</p> <p>Đề nghị sửa như sau:</p> <p><i>“3. Cảnh báo dành cho người sử dụng dịch vụ về trách nhiệm pháp lý của họ nếu họ thực hiện hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan và chấm dứt tài khoản của người sử dụng dịch vụ xâm phạm nhiều lần quyền của bên thứ ba.</i></p> <p><i>4. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ tại các khoản 3, 4 và 5 Điều 75 của Nghị định này thực hiện gỡ bỏ hoặc ngăn chặn việc truy nhập tới nội dung thông tin số và thực hiện các bước hiệu quả được mong đợi một cách hợp lý đối với một bên vận hành mãn cán phù hợp với các tiêu chuẩn cao của ngành để ngăn chặn việc tải lên trong tương lai nội dung thông tin số (bao gồm cả việc sử dụng công nghệ tự động) khi biết nội dung thông tin số đó vi phạm quyền tác giả, quyền liên quan.”</i></p> <p>Ngoài ra, có thể tham khảo các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian tham gia vào các hoạt động được quy định tại điểm c khoản 3 Điều 198b của Luật SHTT.</p> <p><i>“4a. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian khi lưu trữ và phổ biến thông tin cho công chúng theo yêu cầu của người sử dụng dịch vụ, phải tiến hành thu thập danh tính và chi tiết liên hệ của người sử dụng dịch vụ và nỗ lực hết sức để xác minh thông tin này.”</i></p>	<p>chặn truy nhập hoặc tạm ngắt đường truyền Internet hoặc kênh thuê riêng, phù hợp với chức năng hoạt động và từng loại hình doanh nghiệp trung gian.</p> <p>- Tiếp thu ý kiến về việc doanh nghiệp trung gian phải tiến hành thu thập danh tính và chi tiết liên hệ của người sử dụng dịch vụ và thể hiện lại tại Điều 76 dự thảo Nghị định.</p>
Điều 77. Trách nhiệm bồi thường thiệt		

<p><i>hại của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian</i></p>		
<p>Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian phải chịu trách nhiệm trực tiếp bồi thường thiệt hại do vi phạm quyền tác giả, quyền liên quan theo quy định của pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan và pháp luật khác có liên quan trong các trường hợp sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Là nguồn khởi đầu đăng tải, truyền đưa hoặc cung cấp nội dung thông tin số qua mạng viễn thông và mạng Internet công cộng mà không được phép của chủ thể quyền; 2. Sửa chữa, cắt xén, sao chép nội dung thông tin số dưới bất kỳ hình thức nào mà không được phép của chủ thể quyền; 3. Cố tình hủy bỏ hoặc làm vô hiệu hóa các biện pháp công nghệ hữu hiệu mà chủ thể quyền sử dụng để bảo vệ nội dung thông tin số; 4. Hoạt động như nguồn phân phối thứ cấp các nội dung thông tin số do vi phạm quyền tác giả, quyền liên quan mà có. 	<p>Bộ Thông tin và Truyền thông: Đề nghị sửa Khoản 2. Điều 77 như sau:</p> <p>“2. Sửa chữa, cắt xén, sao chép nội dung thông tin số dưới bất kỳ hình thức nào mà không được phép của chủ thể quyền, trừ trường hợp qui định tại Điểm b, Khoản 3, Điều 198b, Luật Sở hữu trí tuệ.”</p> <p>Lý do: làm rõ hơn trường hợp được miễn trừ trách nhiệm.</p> <p>Bộ Tư pháp: đề nghị rà soát quy định về trách nhiệm bồi thường thiệt hại của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian (Điều 77 dự thảo Nghị định) để phù hợp với Luật Sở hữu trí tuệ và đảm bảo tính minh bạch, rõ ràng. Ví dụ, khoản 1 Điều 198b Luật Sở hữu trí tuệ quy định: <i>“Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian là doanh nghiệp cung cấp phương tiện kỹ thuật để tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ đưa nội dung thông tin số lên môi trường mạng viễn thông và mạng Internet; cung cấp kết nối trực tuyến cho công chúng tiếp cận, sử dụng nội dung thông tin số trên môi trường mạng viễn thông và mạng Internet”</i>; tuy nhiên, khoản 1 Điều 77 dự thảo Nghị định quy định một trong các hành vi của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian <i>“là nguồn khởi đầu đăng tải, truyền đưa hoặc cung cấp nội dung thông tin số qua mạng viễn thông và mạng internet công cộng...”</i> là hành vi phải bồi thường thiệt hại. Hành vi quy định tại khoản 1 Điều 77 dự thảo Nghị định là hành vi của tổ chức, cá nhân vi phạm; không phải là hành vi của chủ thể đặc thù là</p>	<p>Giải trình ý kiến Bộ TTTT:</p> <p>Xin không bổ sung đoạn “trừ trường hợp...”. Đối với hành vi “chỉ biến đổi thông tin vì lý do công nghệ” quy định tại Điểm b, Khoản 3, Điều 198b, Luật SHTT, Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian chỉ được miễn trừ trách nhiệm pháp lý tương ứng khi đáp ứng đủ các điều kiện còn lại của điểm này.</p> <p>Giải trình ý kiến Bộ Tư pháp:</p> <p>Để thực thi cam kết tại EVFTA, Điều 198b Luật SHTT quy định theo hướng miễn trừ trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian đối với những hành vi xâm phạm QTG, QLQ do người sử dụng dịch vụ đăng tải, truyền đưa.</p> <p>Tuy nhiên, cách tiếp cận này có hạn chế là khi thực thi sẽ khó để áp dụng. Dự thảo Nghị định quy định Điều 76 về trách nhiệm của ISP, Điều 77 về trách nhiệm bồi thường thiệt hại của ISP (Điều 77 được đưa lên từ Thông tư liên tịch 07/2012). Các nội dung quy định tại Điều 77 có thể không đặc thù cho chủ thể là ISP và nằm ngoài tính chất, hoạt động của ISP như đã định nghĩa tại Điều 198b Luật SHTT; tuy nhiên không mâu thuẫn với quy định của pháp luật.</p>

	<p>doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian theo quy định tại khoản 1 Điều 198b Luật Sở hữu trí tuệ?</p>	<p>Các hành vi này là các hành vi mà chỉ các ISP có điều kiện thuận lợi và dễ dàng thực hiện nếu cố ý vi phạm. Vì vậy, xin được giữ nội dung này để quy định chỉ rõ các trường hợp doanh nghiệp này phải chịu trách nhiệm trực tiếp bồi thường thiệt hại, cũng là cảnh báo trách nhiệm để các doanh nghiệp nghiêm túc thực thi.</p>
	<p>Công ty Truyền thông Viettel: Theo quy định tại Khoản 3 và Khoản 4 Điều 198b Luật SHTT, Doanh nghiệp trung gian được miễn trừ trách nhiệm trong trường hợp “Chỉ thực hiện truyền dẫn nội dung thông tin số” và không có trách nhiệm phải tự giám sát dịch vụ của mình hoặc chủ động tìm kiếm các bằng chứng chỉ ra hành vi xâm phạm. Vì vậy, việc quy định doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại do vi phạm quyền tác giả, quyền liên quan trong các trường hợp như quy định tại Khoản 1 và Khoản 4 Điều 77 của Dự thảo là không phù hợp. Công ty đề xuất bỏ quy định tại Khoản 1 và Khoản 4 Điều 77 của Dự thảo.</p>	<p>Giải trình ý kiến Công ty Truyền thông Viettel: Khoản 3 và 4 Điều 198b Luật SHTT là về điều khoản được miễn trừ. Tuy nhiên nếu ISP thực hiện các hành vi tại Điều 77 dự thảo Nghị định thì sẽ phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại. (Tương tự như giải trình Bộ Tư pháp)</p>
	<p>Tập đoàn Bưu chính viễn thông VN - VNPT: Khoản 1, Điều 77 Dự thảo quy định trường hợp doanh nghiệp viễn thông trực tiếp đưa nội dung thông tin số lên mạng viễn thông, mạng internet thì doanh nghiệp đó phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại do vi phạm quyền tác giả, quyền liên quan với tư cách là doanh nghiệp cung cấp dịch vụ nội dung theo quy định của pháp luật có liên quan. Trong khi đó, theo quy định tại Điều 198b Luật</p>	<p>Giải trình ý kiến VNPT: Đây là trách nhiệm để các doanh nghiệp đảm bảo bảo vệ sự sáng tạo của người dùng và tạo ra một cộng đồng người sử dụng có văn hóa, văn minh.</p>

SHTT, doanh nghiệp CCDVTG chỉ đóng vai trò là trung gian, cung cấp phương tiện kỹ thuật để các tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ đưa nội dung thông tin số lên môi trường mạng viễn thông, mạng internet, do đó, quy định này sẽ tạo nên trách nhiệm vô cùng lớn cho các DNCCDVTG đặc biệt là đối với các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mạng xã hội trực tuyến bởi lẽ với số lượng lớn các khách hàng sử dụng dịch vụ, DNCCDVTG không thể kiểm soát toàn bộ nội dung được đăng tải, truyền đưa trên mạng viễn thông, mạng internet là hợp pháp. Thực tiễn hiện nay, trước khi cung cấp dịch vụ, giữa các DNCCDVTG và khách hàng sẽ ký hợp đồng hoặc có thỏa thuận về điều khoản sử dụng dịch vụ trong đó quy định rõ khách hàng phải có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật bao gồm pháp luật về sở hữu trí tuệ và chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho các bên có liên quan nếu có hành vi vi phạm pháp luật.

Do đó, để miễn trừ trách nhiệm của DNCCDVTG trong trường hợp đã có thỏa thuận với tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ, đề nghị cơ quan soạn thảo sửa khoản này như sau: “Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian phải chịu trách nhiệm trực tiếp bồi thường thiệt hại do vi phạm quyền tác giả, quyền liên quan trong trường hợp là nguồn khởi đầu đăng tải, truyền đưa hoặc cung cấp nội dung thông tin số qua mạng viễn thông và mạng internet công cộng mà không được phép của chủ thể quyền *ngoại trừ trường hợp giữa doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian và tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ có thỏa thuận khác.*”

	<p>Tổng Công ty Viễn thông MobiFone: tại khoản 1, đề xuất làm rõ tình huống áp dụng để bảo vệ quyền lợi của đơn vị cung cấp dịch vụ trung gian. VD: trường hợp đơn vị trung gian cung cấp dịch vụ mạng xã hội, khách hàng chủ động livestream để đăng tải nội dung vi phạm bản quyền và là người đầu tiên đăng tải thì có bị coi là đơn vị trung gian vi phạm hay không?</p>	<p>Giải trình ý kiến MobiFone: Chủ thể trực tiếp đăng tải nội dung thông tin số xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan là chủ thể trực tiếp của hành vi xâm phạm. Doanh nghiệp trung gian trong trường hợp này nếu đáp ứng một trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 198b Luật SHTT thì được miễn trừ các trách nhiệm pháp lý liên đới.</p>
<p>Điều 78. Trách nhiệm gỡ bỏ hoặc ngăn chặn việc truy nhập tới nội dung thông tin số của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian</p>		
<p>1. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian phải gỡ bỏ hoặc ngăn chặn việc truy nhập tới nội dung thông tin số khi biết rằng nội dung thông tin số đó vi phạm quyền tác giả, quyền liên quan quy định tại điểm c khoản 2 Điều 198b Luật Sở hữu trí tuệ theo một trong các thời hạn sau:</p> <p>a) Không chậm hơn 05 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ báo cáo vi phạm từ chủ sở hữu quyền thông qua công cụ tiếp nhận báo cáo vi phạm quyền tác giả, quyền liên quan của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian;</p> <p>b) Không chậm hơn 05 ngày kể từ khi nhận được yêu cầu từ cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và phải báo cáo kết quả thực hiện yêu cầu cho cơ</p>	<p>Bộ Thông tin và Truyền thông: Đề nghị bỏ Điều 78 do đã được thể hiện lại tại Điều 76 (như góp ý trên).</p> <p>Vụ Pháp chế - BVHTTDL:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Làm rõ điểm b khoản 1 Điều 78 về cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền là cơ quan nào. + Làm rõ mối quan hệ giữ điểm a khoản 1 Điều 78 về “hồ sơ báo cáo” với khoản 3 Điều 78 về “các chứng cứ chứng minh”. <p>Tập đoàn Bưu chính viễn thông VN - VNPT: Để đảm bảo sự chính xác trong việc viện dẫn, đề nghị sửa “sửa điểm c, khoản 2, Điều 198b” thành “điểm c, khoản 3, Điều 198b”.</p> <p>Điểm b, khoản 1, Điều 78: Đề nghị dự thảo làm rõ ngày theo quy định tại điểm a, điểm b là ngày làm việc hay là ngày bao gồm cả ngày thứ bảy, chủ</p>	<p>Giải trình ý kiến Bộ TTTT: xin được giữ Điều 78 dự thảo để hướng dẫn chi tiết về quy trình thực hiện gỡ bỏ, chặn truy nhập của doanh nghiệp trung gian, có dẫn chiếu sang Điều 76.</p> <p>Tiếp thu ý kiến Vụ Pháp chế, VNPT:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chính lý “sửa điểm c, khoản 2, Điều 198b” thành “điểm c, khoản 3, Điều 198b”. - Bổ sung quy định các thời hạn tính theo ngày làm việc. - Về ý kiến bổ sung cơ quan nhà nước có thẩm quyền nào, xin được nghiên cứu, làm việc với các cơ quan liên quan để đề xuất bổ sung vào các văn bản hướng dẫn cụ thể. - Bổ sung vào khoản 3 về “các chứng cứ chứng minh” trong “hồ sơ báo cáo”.

<p>quan này và cơ quan quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Cục Bản quyền tác giả).</p>	<p>nhật, ngày nghỉ lễ.</p> <p>Tổng Công ty Viễn thông MobiFone: đề xuất sửa đổi, bổ sung “Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian phải gỡ bỏ hoặc ngăn chặn việc truy nhập tới nội dung thông tin số khi có yêu cầu của cơ quan quản lý có thẩm quyền xác nhận về nội dung thông tin số đó vi phạm quyền tác giả, quyền liên quan”. Lý do: Giám định về quyền tác giả và quyền liên quan là việc tổ chức, cá nhân có thẩm quyền sử dụng kiến thức, nghiệp vụ chuyên môn để đánh giá. Như vậy, đề xuất chỉ gỡ bỏ khi tiếp nhận được yêu cầu từ cơ quan quản lý có thẩm quyền.</p> <p>Liên đoàn Công nghiệp Ghi âm quốc tế (IFPI): Đề nghị sửa như sau: “1. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian phải gỡ bỏ hoặc ngăn chặn việc truy nhập tới nội dung thông tin số và thực hiện các bước hiệu quả được mong đợi một cách hợp lý đối với một bên vận hành miễn cán phù hợp với các tiêu chuẩn cao của ngành để ngăn chặn việc tải lên trong tương lai nội dung thông tin số (bao gồm cả việc sử dụng công nghệ tự động) khi biết rằng nội dung thông tin số đó vi phạm quyền tác giả, quyền liên quan quy định tại điểm c khoản 2 Điều 198b Luật Sở hữu trí tuệ theo một trong các thời hạn sau:”</p>	<p>Giải trình ý kiến MobiFone: Việc gỡ bỏ, ngăn chặn nội dung thông tin số xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan hoàn toàn có thể thực hiện khi chủ sở hữu quyền đã cung cấp đầy đủ chứng cứ chứng minh về quyền của mình mà không cần xác minh lại từ phía cơ quan nhà nước. ISP sẽ tạm ngăn chặn cho phía đăng tải nội dung được cho là vi phạm có thời gian chứng minh ngược lại. Nếu không có chứng cứ nào, ISP có thể gỡ bỏ ngăn chặn. Hướng tới là những doanh nghiệp trung gian đúng nghĩa, cầu nối giữa các người dùng, bảo đảm tôn trọng sự sáng tạo, quyền tác giả, quyền liên quan.</p> <p>Giải trình ý kiến IFPI: Đối với việc đăng tải nội dung tương tự trong tương lai, trường hợp do chính chủ sở hữu đăng tải, người được chủ sở hữu cho phép đăng tải hoặc do chính người đã bị gỡ nội dung nhưng sau đó chủ sở hữu quyền cho phép họ đăng tải lại thì đều là hợp pháp. Do đó, xin không bổ sung nội dung này tại dự thảo.</p>
<p>3. Các chứng cứ chứng minh quy định tại điểm a khoản 1 Điều này bao gồm:</p>	<p>Tập đoàn Bưu chính viễn thông VN - VNPT: Việc gỡ bỏ hoặc ngăn chặn được DNCCDVTG thực hiện</p>	<p>Tiếp thu, giải trình ý kiến VNPT: Chính lý lại Điều 78 dự thảo Nghị định</p>

<p>a) Tài liệu, chứng cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 198a Luật Sở hữu trí tuệ; b) Văn bản cam kết chịu mọi trách nhiệm với yêu cầu gỡ bỏ hoặc ngăn chặn của mình c) Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan (nếu có); d) Chứng cứ về hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan và thiệt hại (nếu có).</p>	<p>khi nhận được hồ sơ báo cáo vi phạm từ chủ sở hữu quyền trong đó có đưa ra các chứng cứ để chứng minh. Trong thời hạn 7 ngày sau khi thực hiện, bên có nội dung thông tin bị yêu cầu gỡ bỏ hoặc ngăn chặn cung cấp được tài liệu chứng minh rằng nội dung thông tin số đó là hợp pháp, DNCCDVTT sẽ <i>hủy</i> việc gỡ bỏ hoặc ngăn chặn đó. Như vậy, khi DNCCDVTT <i>gỡ bỏ</i> hoặc <i>ngăn chặn</i> hoặc <i>hủy việc gỡ bỏ hoặc ngăn chặn</i> đều phải được dựa trên các chứng cứ chứng minh là hợp pháp do các bên đưa ra. Trường hợp cả hai bên đều đưa ra chứng cứ chứng minh mà DNCCDVTT không thể xác định được của ai là hợp pháp vì không có công cụ, nguồn lực, thẩm quyền để xác định và nếu có thì cũng không thể kết luận ngay thì phải xử lý tình huống này như thế nào? Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét.</p>	<p>theo hướng ISP được miễn trừ trách nhiệm theo quy định khoản 3 Điều 198b, trong đó có việc phải thực hiện theo Điều 78 dự thảo Nghị định.</p>
<p>4. Bất cứ bên nào có hành vi lừa dối gây thiệt hại đến lợi ích chính đáng của chủ thể quyền phải chịu trách nhiệm pháp lý tương ứng.</p>	<p><i>Bộ Tư pháp:</i> quy định “<i>bất cứ bên nào có hành vi lừa dối gây thiệt hại đến lợi ích chính đáng của chủ thể quyền phải chịu trách nhiệm pháp lý tương ứng</i>”. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 584 BLDS năm 2015 thì người nào có hành vi xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín, tài sản, quyền, lợi ích hợp pháp khác của người khác mà gây thiệt hại thì phải bồi thường, trừ trường hợp thiệt hại phát sinh là do sự kiện bất khả kháng hoặc hoàn toàn do lỗi của bên bị thiệt hại, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác. Vì vậy, đề nghị chỉnh lý quy định tại khoản 4 Điều 78 dự thảo Nghị định cho phù hợp với quy định của BLDS năm 2015.</p>	<p><i>Tiếp thu ý kiến Bộ Tư pháp:</i> Chỉnh lý lại khoản 4 Điều 78 dự thảo Nghị định.</p>
	<p><i>Tập đoàn Bru chính viễn thông VN - VNPT:</i></p>	<p><i>Tiếp thu ý kiến VNPT:</i></p>

	<p>Ngoài việc bảo vệ lợi ích của chủ thể quyền, pháp luật cần phải bảo vệ lợi ích hợp pháp của các bên có liên quan trong đó có lợi ích của DNCCDVTG, do đó, đề nghị Ban soạn thảo sửa đổi quy định theo hướng bất cứ bên nào có hành vi lừa dối gây thiệt hại đến lợi ích chính đáng của chủ thể quyền và các chủ thể khác thì đều phải chịu trách nhiệm pháp lý, cụ thể: <i>“Bất cứ bên nào có hành vi gây thiệt hại đến lợi ích chính đáng của chủ thể quyền, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian hoặc các chủ thể khác phải chịu trách nhiệm pháp lý theo quy định của pháp luật liên quan.”</i></p>	<p>Chỉnh lý lại khoản 4 Điều 78 dự thảo Nghị định.</p>
	<p>Công ty Truyền thông Viettel: Cần bổ sung quy định về việc doanh nghiệp trung gian sẽ được miễn trừ mọi trách nhiệm đối với các Bên trong trường hợp doanh nghiệp trung gian đã thực hiện đầy đủ các quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 78 của Dự thảo do doanh nghiệp trung gian không thể đủ điều kiện và nguồn lực cũng như thời gian để xác định được tính xác thực, hợp pháp của các chứng cứ chứng minh và tài liệu chứng minh quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 78 của Dự thảo. Đề xuất bổ sung khoản 5 Điều 78 như sau:</p> <p><i>“5. Doanh nghiệp trung gian không có nghĩa vụ phải xác minh tính xác thực, hợp pháp của các tài liệu chứng minh và chứng cứ chứng minh quy định tại khoản 2 và khoản 3 điều này, đồng thời được miễn trừ mọi trách nhiệm phát sinh từ tranh chấp với các bên khi đã thực hiện đúng quy định tại khoản 1 và khoản 2 điều này.”</i></p>	<p>Tiếp thu, giải trình ý kiến Công ty Truyền thông Viettel:</p> <p>Chỉnh lý lại Điều 78 dự thảo Nghị định theo hướng ISP được miễn trừ trách nhiệm theo quy định khoản 3 Điều 198b, trong đó có việc phải thực hiện theo Điều 78 dự thảo Nghị định.</p>
	<p>Trung tâm Bảo vệ quyền tác giả âm nhạc VN (VCPMC): Đề nghị bổ sung nội dung: <i>“4. Trường</i></p>	<p>Giải trình ý kiến VCPMC:</p> <p>Xin không bổ sung nội dung này do</p>

	<p><i>hợp đã quá thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này, nếu bên có nội dung bị yêu cầu gỡ bỏ hoặc ngăn chặn không cung cấp được tài liệu chứng minh rằng nội dung thông tin số bị báo cáo vi phạm là hợp pháp thì doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian có trách nhiệm cung cấp các thông tin định danh của bên có nội dung thông tin số bị báo cáo cho bên báo cáo vi phạm.”</i></p> <p>Lý do: Đảm bảo cho bên bị xâm phạm quyền/bên báo cáo vi phạm có những thông tin tối thiểu nhằm định danh chủ tài khoản đăng tải, người sử dụng mạng xã hội, làm căn cứ cho việc khởi kiện, yêu cầu bồi thường thiệt hại; đồng thời, nhằm tăng cường quản lý thông tin, nội dung trên mạng xã hội để xử lý những hành vi bị nghiêm cấm thực hiện trên không gian mạng theo quy định của pháp luật.</p>	liên quan đến thông tin cá nhân của người dùng.
Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH		
	<p>Bộ Nội vụ: đề nghị nghiên cứu, bổ sung quy định điều khoản chuyển tiếp để bảo đảm các quy định có liên quan trong Nghị định được thực hiện liên tục, thống nhất, đồng bộ.</p> <p>Bộ Tư pháp: Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát quy định chuyển tiếp cho đầy đủ, phù hợp, khả thi; hạn chế các vướng mắc trong quá trình áp dụng.</p>	<p>Giải trình ý kiến Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp:</p> <p>Điều khoản chuyển tiếp liên quan đến đăng ký QTG, QLQ, hành vi xâm phạm QTG, QLQ đã được quy định tại Điều 4 Quy định chuyển tiếp tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật SHTT năm 2022.</p>
Điều 79. Hiệu lực thi hành		
1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 , trừ trường hợp quy định tại các khoản 2, 3 và 4 của Điều này.		
2. Quy định về trách nhiệm của doanh	Bộ Tư pháp: dự thảo Nghị định quy định thời điểm	Tiếp thu, giải trình ý kiến Bộ Tư

<p>nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian tại các điều 76, 77 và 78 của Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2023.</p> <p>3. Quy định về sử dụng tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng mà Nhà nước là đại diện quản lý quyền tác giả, quyền liên quan tại Điều 24 của Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2024.</p> <p>4. Quy định về khai thác, sử dụng quyền dịch các tác phẩm từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt để giảng dạy, nghiên cứu không nhằm mục đích thương mại tại Điều 37; về khai thác, sử dụng quyền sao chép để giảng dạy, nghiên cứu không nhằm mục đích thương mại của tại Điều 38 của Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2024.</p>	<p>có hiệu lực thi hành khác nhau đối với nhiều quy định; đề nghị rà soát, giải trình rõ lý do quy định hiệu lực thi hành khác nhau đối với từng trường hợp cụ thể tại dự thảo Tờ trình.</p>	<p>pháp: Đề xuất lùi thời điểm hiệu lực của quy định về trách nhiệm của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian và quy định về sử dụng tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng mà Nhà nước là đại diện quản lý quyền tác giả, quyền liên quan để đảm bảo cho các doanh nghiệp, cơ quan nhà nước có khoảng thời gian chuẩn bị về vật lực, nhân lực và các chuẩn bị khác. Đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian được đề xuất có khoảng thời gian ngắn hơn do phải tính đến việc thực thi cam kết nghĩa vụ của Việt Nam tại Hiệp định EVFTA (hiệu lực đối với Việt Nam từ 1/1/2022).</p>
<p>2. Nghị định số 22/2018/NĐ-CP ngày 23/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2009 về quyền tác giả, quyền liên quan hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.</p>	<p>Sở VHTTDL Điện Biên: đề nghị quy định Nghị định này thay thế Nghị định 22/2018 và toàn bộ Nghị định 105/2006.</p>	<p>Giải trình ý kiến Sở VHTTDL Điện Biên: theo Quyết định số 917/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Bộ VHTTDL được giao xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 22/2018/NĐ-CP.</p>
<p>Điều 80. Trách nhiệm thi hành</p>		
<p>1. Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du</p>	<p>Bộ Tư pháp: Theo quy định tại khoản 1 Điều 11</p>	<p>Tiếp thu ý kiến Bộ Tư pháp:</p>

<p>lịch có trách nhiệm:</p> <p>a) Quy định biểu mức tiền bản quyền trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 23, khoản 5 Điều 24, khoản 3 Điều 37, khoản 3 Điều 38 của Nghị định này; quy định quy chuẩn, cách thức nộp hồ sơ đăng ký quyền tác giả, đăng ký quyền liên quan qua Cổng dịch vụ công trực tuyến;</p> <p>b) Hướng dẫn thi hành và tổ chức thực hiện Nghị định này.</p>	<p>Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, “<i>Trong trường hợp văn bản có điều, khoản, điểm mà nội dung liên quan đến quy trình, quy chuẩn kỹ thuật và những nội dung khác cần quy định chi tiết thì ngay tại điều, khoản, điểm đó có thể giao cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định chi tiết...</i>”. Tuy nhiên, khoản 1 điểm b Điều 80 dự thảo Nghị định giao chung Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thi hành Nghị định này mà không quy định tại từng nội dung cụ thể của dự thảo Nghị định. Vì vậy, đề nghị xem xét, chỉnh lý lại quy định nêu trên.</p> <p>Vụ Pháp chế - BVHTTDL: điểm a khoản 1 quy định không phù hợp với Luật Sở hữu trí tuệ, Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật: những nhiệm vụ này được giao cho Chính phủ quy định, không được ủy quyền tiếp.</p>	<p>Nghiên cứu tiếp thu bỏ nội dung Bộ trưởng Bộ VH-TT-DL hướng dẫn thi hành và tổ chức thực hiện Nghị định.</p> <p>Tiếp thu ý kiến Vụ Pháp chế: Sửa đổi, bổ sung như sau: “Quy định biểu mức tiền bản quyền trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 37, khoản 3 Điều 38 của Nghị định này”.</p> <p>Lý do: Quy định biểu mức tiền bản quyền trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 23, khoản 5 Điều 24 của Nghị định được quy định tại Nghị định 21/2015/NĐ-CP quy định nhuận bút, thù lao đối với tác phẩm điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác và Nghị định 18/2014/NĐ-CP quy định chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản.</p> <p>Đối với quy định biểu mức tiền bản quyền trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 37, khoản 3 Điều 38</p>
--	---	---

		<p>của Nghị định - đây là các trường hợp dịch tác phẩm từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt và sao chép tác phẩm để giảng dạy, nghiên cứu không nhằm mục đích thương mại theo quy định tại Phụ lục Công ước Berne về bảo hộ tác phẩm văn học, nghệ thuật. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch là cơ quan có thẩm quyền chấp thuận việc dịch, sao chép đó và quy định biểu mức tiền bản quyền trả cho các trường hợp đó.</p>
<p>PHỤ LỤC</p>	<p><i>Trung tâm Bảo vệ quyền tác giả âm nhạc VN (VCPMC):</i> Các mức mà Trung tâm đề xuất, tham mưu về biểu giá được tiếp thu, sàng lọc từ thực tiễn 15 năm qua, trải qua nhiều lần cập nhật, nghiên cứu thị trường và đàm phán, thăm dò ý kiến của các đơn vị sử dụng âm nhạc để đưa ra những mức giá và phương thức tính cơ bản phù hợp, làm cơ sở cho việc thỏa thuận và nhằm đạt được thỏa thuận nhanh nhất, đạt được sự đồng thuận, hài hòa với bên sử dụng (ngoại trừ những trường hợp cố ý trốn tránh thực hiện nghĩa vụ trả tiền bản quyền). Ngay từ thời gian đầu (những năm 2006-2007), biểu giá đã được xây dựng, hình thành dựa theo sự hướng dẫn của CISAC, sự quan tâm, ủng hộ của Bộ Văn hóa - Thông tin, nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, và Cục Bản quyền tác giả (qua văn bản số 4737/BVHTT-BQTG ngày 16/11/2006, cuộc họp của Cục Bản quyền tác giả với Trung tâm vào ngày 26/10/2006), cùng các căn cứ như: Nghị định số 61/2002/NĐ-CP; Thông tư liên tịch 21/2003/TTLT-BVHTT-BTC của Bộ Văn hóa - Thông tin và Bộ</p>	<p><i>Tiếp thu, giải trình ý kiến VCPMC:</i> Xin được nghiên cứu, xem xét để hoàn thiện Phụ lục I, II</p>

	<p>Tài chính; qua trao đổi, học tập kinh nghiệm, chuyên môn của CMOs nhiều nước và đã khảo sát phù hợp với tình hình thực tế tại Việt Nam; quy định của Tổng cục Du lịch về tiêu chuẩn xếp hạng sao đối với khách sạn tại Quyết định số 02/2001/QĐ-TCDL; quy định liên quan đến điều kiện hoạt động vũ trường, karaoke tại Nghị định số 11/2006/NĐ-CP, Nghị định số 103/2009/NĐ-CP; quy chế siêu thị, trung tâm thương mại theo Quyết định số 1371/2004/QĐ-BTM của Bộ Thương mại; Quyết định số 1309/QĐ-THVN của Đài Truyền hình Việt Nam; thực tiễn trả tiền của các đài tiếng nói, đài phát thanh; thực tiễn thỏa thuận và hợp đồng sử dụng tác phẩm với hàng nghìn đơn vị sử dụng âm nhạc ở nhiều lĩnh vực kinh doanh, thương mại trong suốt những năm qua.</p>	
<p>Phụ lục I - BIỂU MỨC TIỀN BẢN QUYỀN KHI PHÁT SÓNG TÁC PHẨM, BẢN GHI ÂM, GHI HÌNH TRONG TRƯỜNG HỢP GIỚI HẠN QUYỀN TÁC GIẢ, GIỚI HẠN QUYỀN LIÊN QUAN</p>	<p><i>Đài Truyền hình VN:</i> đơn vị soạn thảo đặt ra mức tiền bản quyền tại Phụ lục I là chưa rõ căn cứ, chưa hợp lý. Đề nghị nêu rõ căn cứ, cơ sở của quy định này.</p> <p>Nêu đề như dự thảo Phụ lục I hiện nay, Đài THVN không nhất trí với dự thảo Phụ lục I. Vì các quy định của Điều 36, Phụ lục I sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của đơn vị sản xuất phát sóng, phát thanh, truyền hình nói chung, Đài THVN nói riêng khi phải nộp các khoản tiền này, ảnh hưởng đến nguồn thu của đơn vị, nhất là đơn vị thực hiện cơ chế tự chủ như Đài THVN.</p> <p>Đài THVN với chức năng thông tin, tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; góp phần nâng cao dân trí, phục vụ đời sống tinh thần của nhân dân bằng các</p>	<p><i>Giải trình ý kiến Đài THVN:</i> Căn cứ xây dựng Phụ lục I nhằm đảm bảo phù hợp với Điều 26 và Điều 33 Luật Sở hữu trí tuệ về hai trường hợp phát sóng tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình có tài trợ, quảng cáo hoặc thu tiền dưới bất kỳ hình thức nào hoặc không có tài trợ, quảng cáo hoặc thu tiền dưới bất kỳ hình thức nào đều không phải xin phép nhưng phải trả tiền bản quyền kể từ khi sử dụng. Tham khảo pháp luật một số quốc gia, đặc biệt là Trung Quốc quy định về phát sóng không phải xin phép nhưng phải trả tiền bản quyền. Trên cơ sở nghiên cứu về thu nhập bình quân đầu người theo quốc gia, vùng đô thị và</p>

	<p>chương trình truyền hình và các loại hình báo chí, truyền thông. Vì vậy vấn đề xác định mức tiền bản quyền trên các kênh sóng của các Đài PT-TH trong đó có Đài THVN cần được xem xét, tính toán kỹ lưỡng giữa nhiều cơ quan có thẩm quyền quản lý về tài chính và quản lý về báo chí tuyên truyền; phải xét tới sự tính toán hợp lý về trách nhiệm đối với xã hội trong thông tin, tuyên truyền chính trị, kinh tế, văn hóa; khả năng hưởng thụ các giá trị tinh thần của đông đảo khán giả, việc phục vụ cho các đối tượng trẻ em, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số và các khu vực vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo của nước ta.</p> <p>Vụ Pháp chế - BVHTTDL: Phụ lục I tên là biểu mức tiền bản quyền, tuy nhiên, khoản 1 quy định sử dụng một trong hai phương thức thanh toán là chưa phù hợp với quy định tại Luật Sở hữu trí tuệ và Luật Giá (Chính phủ quy định khung giá và mức giá cụ thể đối với tiền bản quyền).</p> <p>Đài PTTH Hưng Yên: đề nghị quy định chung mức phí áp dụng cho các Đài phát thanh, truyền hình tính là 50 triệu đồng/năm.</p>	<p>khuyến khích phát sóng tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình cho thiếu nhi, dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa; thực tiễn quy định về phát mới, phát lại tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình.</p> <p>Tiếp thu làm rõ mức lương cơ sở là lương cơ sở tháng theo Nghị định về lương cơ sở do Chính phủ ban hành.</p> <p>Tiếp thu sửa đổi Phụ lục 1 mục 1 từ “tỷ lệ 1% của mức lương cơ sở” thành “tỷ lệ 160% của mức lương cơ sở” áp dụng đối với Đài truyền hình Việt Nam, do Đài truyền hình Việt Nam ban hành Quyết định 1389/QĐ-THVN ngày 09/10/2008 về mức trả thù lao tác quyền ca khúc Việt Nam, trong đó ca khúc Việt Nam phát trên các kênh VTV1, VTV2, VTV3 có tài trợ quảng cáo là 300.000 đồng/bài; không có tài trợ quảng cáo là 100.000 đồng/bài; phát lại là 50.000 đồng/bài.</p> <p>Giải trình Vụ Pháp chế - BVHTTDL: Phụ lục I khoản 1 quy định về 2 phương thức để lựa chọn sử dụng một trong hai phương thức này thanh toán tiền bản quyền.</p> <p>Giải trình Đài PTTH Hưng Yên: Việc sử dụng tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình để phát sóng của các tổ chức phát sóng khác nhau là không giống nhau, và còn phụ thuộc vào hoạt động tài trợ, quảng</p>
--	---	---

		cáo, thu tiền dưới bất kỳ hình thức nào của từng tổ chức, vì vậy cách áp dụng trọn gói đồng nhất mức tiền cho tất cả các đài là không phù hợp.
	<p>Cty TNHH Truyền hình cáp Saigontourist (SCTV): Đối với các kênh thiết yếu quốc gia và thiết yếu địa phương phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền mà đơn vị kinh doanh dịch vụ truyền hình trả tiền bắt buộc phải tiếp sóng theo quy định của pháp luật, đề nghị bổ sung quy định với mức trả tiền bản quyền là 0 đồng cho giai đoạn hiện nay.</p> <p>Đối với các kênh tái phát sóng khác, đề nghị quy định về việc trả tiền bản quyền theo tỷ lệ % trên mức mà tổ chức phát sóng lần đầu đã chi trả trong trường hợp tổ chức tái phát sóng không thể tự liên lạc, thỏa thuận với tác giả, chủ sở hữu quyền.</p> <p>Sau 17 năm LSHTT và các Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành có hiệu lực, tại dự thảo lần này, lần đầu tiên Chính phủ quy định biểu mức tiền bản quyền tại Phụ lục I và Phụ lục II. Điều này sẽ tác động rất lớn đến các tổ chức, cá nhân có liên quan, do đó đề nghị phải thực hiện tốt việc đánh giá tác động chính sách bằng việc khảo sát thực tế và áp biểu mức tiền bản quyền tại dự thảo để tính thử số tiền bản quyền phải chi trả, số tiền thu được... hàng năm thí điểm với một số tổ chức, cá nhân là đối tượng bị điều chỉnh. Căn cứ kết quả khảo sát, đánh giá tác động để điều chỉnh cho kịp thời, phù hợp trước khi ban hành chính thức, bảo đảm khả thi, hài hòa lợi ích.</p> <p>Hội thảo phát thanh, truyền hình tại TP. Hồ Chí</p>	<p>Giải trình ý kiến Cty Saigontourist:</p> <p>Quy định về mức tiền bản quyền theo Phụ lục Nghị định để áp dụng trong trường hợp giới hạn quyền tác giả, giới hạn quyền liên quan, theo đó việc sử dụng là không phải xin phép nhưng phải trả tiền bản quyền theo thỏa thuận hoặc theo quy định của Chính phủ quy định tại Điều 26, Điều 33 Luật sở hữu trí tuệ, vì vậy đề xuất mức trả tiền bản quyền là 0 đồng là chưa phù hợp.</p> <p>Tiếp thu, giải trình ý kiến tại Hội thảo</p>

	<p>Minh (03/11/2022):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tại sao Đài trung ương tại khu vực được áp dụng 50% biểu mức quy định tại mục 1 của Phụ lục này? Đề nghị thu tiền theo địa điểm mà đài trung ương tại khu vực đó đặt trụ sở? - Để đảm bảo sự công bằng, đề nghị xem xét không thể áp dụng chung mức đô thị loại I hoặc II hoặc III cho đài phát thanh truyền hình chỉ có 1 kênh thiết yếu đồng thời với đài phát thanh truyền hình có nhiều kênh, kênh thiết yếu và kênh giải trí. - Truyền hình cáp như K+ bao gồm kênh sản xuất, kênh truyền dẫn (truyền dẫn phục vụ chính trị tuyên truyền và truyền dẫn truyền hình nước ngoài) cũng như phát trên ap và VOD. <p>Các dịch vụ truyền hình cáp này thuộc đối tượng nào trong Phụ lục 1 của dự thảo Nghị định này? Kênh sản xuất đã bỏ tiền mua bản quyền rồi thì tính tiếp như thế nào? Phim có âm nhạc đã trả bản quyền rồi thì có phải trả lần nữa không? Đề nghị chỉ quy định phát lại và phát mới, không phân chia thành phát lại trong vòng 30 ngày và phát lại sau 30 ngày vì phức tạp trong cách tính và tốn nhiều công sức khi rà soát phát lại.</p>	<p>phát thanh, truyền hình tại TP. Hồ Chí Minh (03/11/2022):</p> <p>Tiếp thu sửa đổi tại mục 5 Phụ lục 1. Đối với chương trình phát sóng, bao gồm cả phát sóng phim có sử dụng tác phẩm âm nhạc đã có thỏa thuận hợp đồng trả tiền bản quyền thì áp dụng theo hợp đồng trả tiền bản quyền đó. Trường hợp hợp đồng trả tiền bản quyền là trả tiền quyền sử dụng trên tất cả các nền tảng thì việc sử dụng tuân thủ theo thỏa thuận hợp đồng đó. Trường hợp hợp đồng trả tiền có giới hạn phạm vi sử dụng thì việc sử dụng vượt ra ngoài phạm vi đó phải thực hiện theo quy định của pháp luật. Tiếp thu, chỉnh lý tại Phụ lục 1 Dự thảo Nghị định.</p>
--	--	--

<p>1. Tổ chức phát sóng và chủ sở hữu quyền tác giả, người biểu diễn, chủ sở hữu quyền liên quan đối với bản ghi âm, ghi hình không đạt được thỏa thuận về việc trả tiền bản quyền theo quy định tại Điều 36 của Nghị định này thì phải áp dụng một trong hai phương thức thanh toán sau:</p> <p>a) Số tiền bản quyền chi trả tính bằng cách khấu trừ chi phí 15% thu nhập từ tài trợ, quảng cáo hoặc dưới bất kỳ hình thức nào khác của tổ chức phát sóng hoặc của mỗi kênh, tần số của tổ chức phát sóng đó trong năm hiện tại; sau đó nhân phần còn lại với tỷ lệ thanh toán quy định như sau:</p>				<p>Bộ Thông tin và Truyền thông:</p> <p>- Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ sở cứ để áp mức 15% thu nhập tại Phụ lục 01 và xem xét giảm tỉ lệ phần trăm này xuống mức thấp hơn.</p> <p>- Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo quy định rõ “Thu nhập dưới bất kỳ hình thức nào khác của tổ chức phát sóng” (Điều a, khoản 1, Phụ lục 1) bao gồm những hình thức nào để giúp doanh nghiệp có cơ sở tính mức thu nhập.</p> <p>Công ty Truyền thông Viettel: Tiền bản quyền theo cách tính quy định tại mục 1 của phụ lục 1 của Dự thảo hiện đang quá cao so với mặt bằng nhuận bút, thù lao mà các đài phát thanh, đài truyền hình đang chi trả cho chủ sở hữu, tổ chức đại diện chủ sở hữu quyền tác giả, quyền liên quan, dễ dẫn đến việc đẩy giá trị bản quyền lên quá cao. Mặt khác, các cách tính này đang quy định rất không rõ ràng và không hợp lý. Cách tính quy định tại điểm a mục 1 của Dự thảo đang tính tiền bản quyền trên mức doanh thu của tổ chức phát sóng mà bao gồm cả chương trình có sử dụng hoặc không sử dụng tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình.</p> <p>Vì vậy, Công ty đề xuất bãi bỏ quy định tại Phụ lục I của Dự thảo và xây dựng cách tính khác rõ ràng và sát với mặt bằng nhuận bút, thù lao trên thị trường hơn (có thể cân nhắc phương thức tính theo lượt phát tác phẩm tương ứng với đơn giá hợp lý của mỗi lượt).</p> <p>Tập đoàn Bưu chính viễn thông VN - VNPT:</p> <p>Đề nghị cơ quan soạn thảo làm rõ: Cơ sở để áp mức 15% thu nhập. Hiện nay, các đơn vị truyền hình đang phải trả rất nhiều loại phí nên</p>		<p>Tiếp thu ý kiến Bộ TTTT, Công ty Truyền thông Viettel, VNPT:</p> <p>Tiếp thu bỏ cách tính phương thức thanh toán theo chi phí thu nhập tại điểm a mục 1 của Phụ lục 1.</p>	
Tỷ lệ giữa thời lượng phát tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình với thời lượng phát chương trình phát sóng (%)	Tỷ lệ thanh toán cho chủ sở hữu quyền tác giả (%)	Tỷ lệ thanh toán cho chủ sở hữu quyền liên quan (%)	Tổng tỷ lệ thanh toán (%)				
Dưới 1	0,02	0,02	0,04				
Từ 1 đến dưới 3	0,03	0,03	0,06				
Từ 3 đến dưới 6	Từ 0,12 đến 0,2 (khi tỷ lệ thời lượng phát sóng tăng 1% thì tỷ lệ chi	Từ 0,12 đến 0,2 (khi tỷ lệ thời lượng phát sóng tăng 1% thì	Từ 0,24 đến 0,4 (khi tỷ lệ thời lượng phát sóng tăng 1% thì				

	trả tăng tương ứng (0,04%)	tỷ lệ chi trả tăng tương ứng (0,04%)	tỷ lệ chi trả tăng tương ứng (0,08%)	
Từ 6 đến dưới 10	Từ 0,3 đến 0,5 (khi tỷ lệ thời lượng phát sóng tăng 1% thì tỷ lệ chi trả tăng tương ứng 0,05%)	Từ 0,3 đến 0,5 (khi tỷ lệ thời lượng phát sóng tăng 1% thì tỷ lệ chi trả tăng tương ứng 0,05%)	Từ 0,6 đến 1,0 (khi tỷ lệ thời lượng phát sóng tăng 1% thì tỷ lệ chi trả tăng tương ứng 0,1%)	đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét giảm tỉ lệ phần trăm xuống mức thấp hơn so với mức dự thảo đang quy định. <i>“Thu nhập dưới bất kỳ hình thức nào khác”</i> của tổ chức phát sóng được hiểu là bao gồm những hình thức nào, đề nghị cơ quan soạn thảo quy định rõ để giúp doanh nghiệp có cơ sở tính mức thu nhập.
Từ 10 đến dưới 30	0,6	0,6	1,2	
Từ 30 đến dưới 50	0,7	0,7	1,4	
Từ 50 đến dưới 80	0,8	0,8	1,6	
Từ 80 trở lên	0,9	0,9	1,8	
<p>b) Số tiền bản quyền chi trả tính bằng cách như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với đài phát thanh: Số tiền bản quyền chi trả tính bằng cách nhân tổng thời gian (tính theo phút) phát sóng tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình của tổ chức phát sóng trong năm hiện tại với tỷ lệ 0,1% của mức lương cơ sở cho chủ sở hữu quyền tác giả và tỷ lệ 0,1% của mức lương cơ sở cho chủ sở hữu quyền liên quan; - Đối với đài truyền hình: Số tiền bản quyền chi trả tính bằng cách nhân tổng thời gian (tính theo phút) phát sóng tác 				
<p><i>Đài PTTH Bắc Ninh:</i> theo cách tính 1(b), đề nghị quy định chung mức phí áp dụng cho phát thanh, truyền hình như sau: ... tỷ lệ 0,1% của mức lương cơ sở cho chủ sở hữu quyền tác giả và tỷ lệ 0,05% của mức lương cơ sở cho chủ sở hữu quyền liên quan</p> <p><i>Đài Tiếng nói nhân dân TP. HCM:</i> đề nghị điều chỉnh như sau: “Đối với Đài phát thanh: ... với tỷ lệ 0,1% của mức lương cơ sở cho chủ sở hữu quyền tác giả và chủ sở hữu quyền liên quan.”</p> <p><i>Công ty Truyền thông Viettel:</i> Cách tính quy định tại điểm b mục 1 của Dự thảo cũng quy định không rõ ràng (mức tiền bản quyền tính theo mức</p>				
<p><i>Giải trình ý kiến Đài PTTH Bắc Ninh, Đài Tiếng nói nhân dân TP. HCM:</i> xin giữ như dự thảo và tiếp tục nghiên cứu, đánh giá (do các đơn vị đề xuất chưa đưa ra lý do đề xuất)</p> <p><i>Công ty Truyền thông Viettel:</i> Tiếp thu làm rõ mức lương cơ sở là lương cơ sở tính theo tháng.</p>				

<p>phẩm, bản ghi âm, ghi hình của tổ chức phát sóng trong năm hiện tại với tỷ lệ 1% của mức lương cơ sở cho chủ sở hữu quyền tác giả và tỷ lệ 1% của mức lương cơ sở cho chủ sở hữu quyền liên quan.</p>	<p>lương cơ bản nhưng không quy định rõ là lương cơ bản tính theo tháng hay theo năm, trong khi tiền bản quyền mà tổ chức phát sóng chi trả theo quy định tại Khoản 3 Điều 36 của Dự thảo là theo năm dương lịch).</p> <p>Vì vậy, Công ty đề xuất bãi bỏ quy định tại Phụ lục I của Dự thảo và xây dựng cách tính khác rõ ràng và sát với mặt bằng nhuận bút, thù lao trên thị trường hơn (có thể cân nhắc phương thức tính theo lượt phát tác phẩm tương ứng với đơn giá hợp lý của mỗi lượt).</p>	
<p>3. Trường hợp phát sóng các chương trình đặc biệt dành cho thiếu nhi, dân tộc thiểu số hoặc vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn thì thời lượng phát sóng tính bằng 50% thời lượng phát sóng thực tế.</p>	<p>Đài PTTH Quảng Bình: Đối với các sự kiện chính trị quan trọng, chương trình đặc biệt dành cho thiếu nhi, dân tộc thiểu số hoặc vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn nên quy định không cần phải chi trả, bởi đây là đối tượng đặc biệt, cần đẩy mạnh sản xuất các chương trình có nội dung liên quan để thông tin, tuyên truyền trong điều kiện thực hiện khó khăn, giao thông hiểm trở.</p>	<p>Giải trình ý kiến Đài PTTH Quảng Bình: Đã quy định tại mục 3 Phụ lục I.</p>
<p>4. Phát lại trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát lần đầu thì thời lượng phát sóng tính bằng 20% thời lượng phát sóng thực tế. Trường hợp phát lại sau 30 ngày kể từ ngày phát lần đầu thì thời lượng phát sóng tính bằng 10% thời lượng phát sóng thực tế.</p>	<p>Đài Tiếng nói nhân dân TP. HCM: đề nghị điều chỉnh như sau: “Phát lại thì thời lượng phát sóng tính bằng 15% thời lượng phát sóng thực tế, không phân biệt số ngày phát lại”</p>	<p>Giải trình, tiếp thu ý kiến Đài Tiếng nói nhân dân TP. HCM: không phân chia 2 khoảng thời gian mà tính 2 trường hợp: phát lần đầu và phát lại. Chính lý lại tại Phụ lục I.</p>
<p>Phụ lục II - BIỂU MỨC TIỀN BẢN QUYỀN KHI SỬ DỤNG TP, BGAGH TRONG HĐ KINH DOANH, THƯƠNG MẠI TRONG TRƯỜNG HỢP GIỚI HẠN QUYỀN TÁC GIẢ, GIỚI HẠN QUYỀN LIÊN QUAN</p>	<p>Bộ Ngoại giao: đề nghị bổ sung mức tiền bản quyền với các hoạt động kinh doanh, thương mại trên Internet để khắc phục vướng mắc về việc thiếu cơ sở cho việc quy định thu tiền bản quyền như đã nêu tại dự thảo Tờ trình.</p> <p>Công ty Truyền thông Viettel: Theo quy định tại</p>	<p>Giải trình ý kiến Bộ Ngoại giao, Công ty Truyền thông Viettel: Theo thông lệ quốc tế và thực tiễn thi hành hiện nay ở Việt Nam, đó là việc pháp luật quy định chủ sở hữu quyền có độc quyền, không bị giới hạn trong việc thực hiện</p>

	<p>khoản 1 điều 35 của Dự thảo (PA2) thì bao gồm cả việc sử dụng bản ghi âm, ghi hình <i>trên môi trường mạng viễn thông và mạng Internet và các hoạt động kinh doanh, thương mại có bản chất tương tự</i>. Tuy nhiên, trong phụ lục II chưa quy định hệ số điều chỉnh đối với trường hợp sử dụng bản ghi âm, ghi hình trên môi trường mạng viễn thông và mạng Internet và các hoạt động kinh doanh, thương mại có bản chất tương tự, vì vậy Công ty kiến nghị cần bổ sung hệ số điều chỉnh hoặc cách tính đối với các trường hợp này.</p>	<p>hoặc cho phép tổ chức, cá nhân khác thực hiện truyền đạt tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình đến công chúng trên môi trường Internet.</p> <p>Vì vậy, trong nội dung xin ý kiến về phương án sử dụng tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình trong hoạt động kinh doanh thương mại trong trường hợp giới hạn quyền tác giả, quyền liên quan đặt ra 2 trường hợp: có bao gồm hoạt động trên Internet và không bao gồm hoạt động trên Internet.</p> <p>Bộ VHTTDL lựa chọn theo phương án không bao gồm sử dụng trên Internet.</p> <p>Trường hợp Chính phủ quyết định phương án có bao gồm sử dụng trên Internet thì nội dung này xin bảo lưu để trình Chính phủ ban hành sau.</p>
<p>Ý kiến khác cho dự thảo Nghị định</p>	<p>Cục HTQT - BVHTTDL: Đề nghị xem xét, bổ sung quy định, hướng dẫn về việc thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả, quyền liên quan trên môi trường kỹ thuật số, do hiện nay việc công bố, giới thiệu tác phẩm bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan trên môi trường kỹ thuật số đã trở nên phổ biến. Quy định, hướng dẫn đầy đủ về việc thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả, quyền liên quan trên môi trường kỹ thuật số sẽ góp phần phát triển văn hóa số, kinh tế số...</p>	<p>Giải trình ý kiến Cục HTQT: các nội dung về bảo hộ và thực thi quyền tác giả, quyền liên quan trên môi trường số được thể hiện tại nhiều nội dung trong dự thảo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyền tác giả đối với chương trình máy tính; Quyền biểu diễn tác phẩm trước công chúng, trong đó có biểu diễn thông qua các phương tiện kỹ thuật; sử dụng chương trình phát sóng để truyền trên mạng thông tin điện tử, mạng viễn thông, mạng Internet hoặc bất kỳ phương tiện kỹ thuật nào.

	<p><i>Đài PTTH Quảng Bình:</i> tính đến nay, LSHTT năm 2005 đã được ban hành 17 năm, sửa đổi, bổ sung hai lần năm 2009, 2019 và có nghị định hướng dẫn thi hành, bây giờ lại tiếp tục sửa đổi, bổ sung dẫn đến khó khăn, chông chéo khi nghiên cứu và áp dụng thực hiện. Do đó, để đảm bảo hiệu quả và khả thi hơn, đề nghị xem xét ban hành LSHTT mới thay thế LSHTT năm 2005.</p> <p><i>Cty TNHH Truyền hình cáp Saigontourist (SCTV):</i> Đề nghị xây dựng công thông tin chung về QTG, QLQ đặt dưới sự quản lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đảm bảo thông tin về bản quyền được tập trung, tạo điều kiện trong việc tra cứu, liên hệ.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Sao chép, truyền đạt cuộc biểu diễn đã/chưa được định hình ... - Sử dụng chương trình phát sóng để tái phát sóng, truyền trên mạng... - Sử dụng hợp lý tác phẩm và cung cấp qua mạng máy tính nội bộ để minh họa trong giảng dạy - Sử dụng tác phẩm liên thông thư viện - Thông tin quản lý quyền, biện pháp công nghệ bảo vệ quyền - Đặc biệt là các quy định về trách nhiệm của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian với những nội dung được đưa lên, truyền đưa trên nền tảng của họ... <p><i>Nghiên cứu ý kiến Đài PTTH Quảng Bình:</i> về việc ban hành Luật SHTT thay thế, xin tiếp tục nghiên cứu, đánh giá và đề xuất ở giai đoạn sau.</p> <p><i>Nghiên cứu ý kiến Cty Saigontourist:</i> Nội dung Chính sách của nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan tại Dự thảo có quy định “Ưu tiên đầu tư, ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trong hoạt động quản lý nhà nước và bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan” và các chính sách thông tin phục vụ hoạt động quản lý nhà nước và</p>
--	--	---

		<p>bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan. Hiện tại, Cục Bản quyền tác giả có trang website Quyền tác giả Việt Nam cung cấp các thông tin về pháp luật, chính sách về quản lý và thực thi bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan.</p>
--	--	---